

# Tô Hoài

## Nhớ Quê



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ





## Tô Hoài

Tên thật là Nguyễn Sen, sinh ngày 7-9-1920 tại quê nội Hà Đông, lớn lên ở quê ngoại làng Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội.

*Các bút danh khác:* Mai Trang, Mất biển, Thái Yên, Vũ Đột Kích, Hồng Hoa

## Các giải thưởng văn học:

- Giải nhất Tiểu thuyết của Hội Văn nghệ Việt Nam 1956 (*Truyện Tây Bắc*)
- Giải A Giải thưởng Hội văn nghệ Hà Nội 1970 (tiểu thuyết *Quê nhà*)
- Giải thưởng Hội nhà văn Á-Phi 1970 (tiểu thuyết *Miền Tây*)
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học - nghệ thuật (đợt I-1996)
- Giải Bùi Xuân Phái - Vì tình yêu Hà Nội 2010

# Nhớ Quê

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

**Tô Hoài, 1920-**

Nhớ quê : truyện ký / Tô Hoài. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011

196tr. ; 20cm.

1. Truyện ký. 2. Văn học Việt Nam — Thế kỷ 20.

895.922334 — dc 22

T627-H68

ISBN 978-604-1-00167-1

Tô Hoài - Nhớ quê



8

934974

103653

# Tô Hoài

## Nhớ Quê



NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

## LỜI GIỚI THIỆU

Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 ở thủ đô Hà Nội, tôi được đoàn thể Văn hóa Cứu quốc phân công làm biên tập, phóng viên báo Cứu Quốc, nhật báo tuyên truyền của Tổng bộ Việt Minh.

Hầu như cả đời tôi đều viết, ghi chép và sáng tạo văn học nghệ thuật như thế.

Cái truyện ký *Nhớ quê* là một cái ghi chép bắt đầu.

*Mùa hạ 2010 Nghĩa Đô*

Tô Hoài

## Nhớ quê

Gã đi từ hôm kia, hôm kia, cũng không nhớ rõ. Buổi sáng ấy, thấy cửa buồng đóng kín. Gã đi rồi. Cả đoàn sinh viên quân y đi vào chiến trường.

Gã đi Nam Bộ. Đi vào cuộc chiến đấu, mà sao tự dưng chúng tôi thấy họ yên trí một cách kỳ quái. Ô hay nhỉ?

Đi Nam Bộ. Ba tiếng ấy không gợi cho tôi một hình dung gì xa xôi, không mang một dấu vết lên đường, không có vẻ xa lạ và khủng khiếp. Vào trong ấy bây giờ như là chuyện cuối năm về làng. Tôi nghĩ thế, như gã đã nghĩ thế.

Và thế, chúng tôi đương là những đứa con trai của Hà Nội 1946.

Gã là một sinh viên trường thuốc. Gã học dốt, học giỏi làm sao không ai biết, chỉ biết, không ai mấy khi trông thấy gã đi bước một. Gã toàn chạy. Thấy người là thấy huỳnh huych, ào ạt chạy. Vào đâu thì đem cả gió theo vào. Mỗi đêm, khi gã đi về, tiếng giày nghiêng rào rào trên sân sỏi ngoài cửa sổ. Vào mùa rét đã lâu, nhưng trưa nào gã cũng tắm nước lạnh. Gã vùng vẫy trong buồng tắm như một con trâu, vừa kỳ cọ, vừa hát rống lên. Gã hát lắm nhảm, bài nào cũng chỉ thuộc vài câu đầu, kể cả bài Tiến quân ca. Mỗi sáng chủ nhật, gã chải đầu thực mượt, mặc lót một cái áo gi-lê trắng rồi đi diện phố, tiêu cái ngày chủ nhật của người sinh viên một cách rất hoang mà cũng rất quý.

Một hôm, gã đem cho tôi xem một cái mũ bằng nhung kiểu cổ, vành viền rộng và cong vênh.

- Mũ thực dân đấy. Chú em mình vừa ở Nam Bộ ra làm quà cho anh cái mũ cướp được ngoài mặt trận.

Rồi gã cười vờ nhà.

Gã có một người em mười bảy tuổi. Trong hồi bí mật, không một cuộc mít tinh nào ở ngoại thành mà em gã không dự. Sau Tổng khởi nghĩa, em gã họp được một lũ hơn ba mươi bạn, lập một đội quân học trò, tự động biến thành một đội xung phong tuyên truyền. Họ định trước tiên chạy vào Nam, đi khắp nước, làm một cuộc khánh chúc Cách mạng tháng Tám vĩ đại, thực ớn ả. Đầu các cậu mới vào đến Thanh Hóa thì được tin Pháp gây hấn ở Sài Gòn. Cả lũ kêu lên rồi đẩy nhau trèo lên tàu hỏa đồ ngoài ga đương chờ quân đi Nam tiến.



Những chiến sĩ thiếu niên ấy đã dự các trận đánh cầu Bình Lợi, trận Xuân Lộc, trận Phan Thiết, rồi trận Nha Trang. Có những anh tử trận, những anh mất tích, những anh nhập vào bộ đội chính quy, còn mười hai người trở về Hà Nội. Và cậu em gã đã đem về Hà Nội tặng gã cái mũ "vớ lua" thượng hạng này. Gã đã đội đi chơi phố. Coi ngó nghinh và kỳ lạ, đúng là một cái mũ mà "chỉ có Tây mới đội". Không hiểu tại sao ở mặt trận mà Tây lại đội cái mũ lỗ lãng ấy, mũ của Ăng-lê đánh du kích ở Mã Lai chẳng?

Khi gã cho tôi xem cái mũ thì cậu em gã đã đi rồi. Các chiến sĩ thiếu niên ấy chỉ về Hà Nội chơi và, để mộ thêm những bạn nào "thích đánh nhau với mũi lỗ". Có đến hơn ba mươi bạn lại đi. Họ ra ga Hàng Cỏ, hàng hoàng, rất đông các bạn tiễn. Một bọn khác trốn nhà thì đã đợi nhau ở dọc đường ngoài Giáp Bát rồi.

Chúng tôi còn bàn luận sôi nổi mãi về một trạng thái mới trong tâm hồn những lớp tuổi mười bảy, mười tám. Thường thì gã chột nhả và cười đĩnh tai, nhưng bao giờ cũng vậy, khi tranh luận về chính trị thì mặt gã nghiêm lại và nói nhỏ giọng như một học trò hiền lành.

- Chúng nó mới lớn lên, được tiếp xúc ngay với phong trào cách mạng lành mạnh. Chứ không như bọn ta, thế nào cũng ít nhiều ảnh hưởng cũ. Bây giờ mà hỏi mười đứa, bảo đi Nam Bộ, chúng nó đi cả mười. Ta thì chưa chắc, nhất là trong giới chúng tôi.

Rồi một đêm, không biết gã đi đâu về khuya, đến đập cửa sổ gọi tôi rồi hỏi lớn:

- Có đi Nam Bộ không?  
Thằng cha này quáng mớ chắc?  
Rồi cũng chẳng đợi tòi thưa, tiếng giấy đã cồm cộp chạy.  
Lại đã nghe những câu hát không đầu không đuôi...  
Bao chiến sĩ anh hùng... Là la là la...  
Lạnh lùng vung gươm...  
Bánh mắt hôm sau, gà dựng tôi dậy.  
- Được đi rồi. Bộ Quốc phòng đồng ý cho đi.  
- Thật à?  
- Thật chứ lý. Tình nguyện mà.  
Và gã thù thì tính:  
- Bây giờ bắt đầu những cuộc “trường đình, đoàn đình”  
đây. Mai thì mấy ông bác sĩ quen tiền. Thứ tư thì gặp một  
người bạn ở tỉnh xa về... bạn gái cẩn thận nhé. Đã hẹn rồi.  
Rồi gã quay tròn một điệu nhảy, như cơn gió lốc, và biến  
ra cửa.  
A, gã sắp đi Nam Bộ!

\*  
\* \*

Tôi bước bước một ven hồ Hoàn Kiếm.  
Bên kia hồ, mấy cái thân cây cọ mọc vằn trắng, cao vọt  
như những cây thốt nốt bên Cao Miên. Nóc lầu tòa báo  
Cứu quốc nhô lên trên rừng lá, như cột cờ một con tàu bé,  
phát phơ ánh cờ đỏ. Màu đỏ vinh quang, có những đứa  
con của dân tộc đương quyết lấy máu về để nhuộm đỏ,  
thực đỏ, đỏ nữa, cho lá cờ này.



Hơn một tháng trước đây, một buổi tối, trong cuộc họp tòa soạn, ban phụ trách muốn gửi phóng viên vào mặt trận phía Nam. Có hai người nữa và tôi chuẩn bị đi. Việc coi như có thể xong trong một hôm rất gần. Chỉ còn giải quyết nốt vấn đề làm sao gửi tin cho nhanh mà thôi.

Họp xong, chúng tôi bước ra phố, đứa nào cũng choáng váng cái không khí lạ lùng trong một hy vọng lên đường.

Tôi tưởng đến cuộc đời của một phóng viên chiến tranh. Không, anh đừng cười, hoàn cảnh thật trước mắt của xứ sở chúng ta không cho phép tôi được bông lông ngừ đến những nơi chiến sự khốc liệt như Sta-lin-grat mà trên phòng tuyến của mỗi khu phố, Hồng quân Liên Xô đã chôn hàng dãy xe thiết giáp cho biến thành những núi thép; người phóng viên ngồi گیر máy ảnh lên trong một cái mắt chiến xa. Không, tôi biết du kích Nam Tư, năm 1943 cũng có nhiều điều kiện để cơ giới hóa cuộc chiến đấu hơn du kích Việt Nam bây giờ. Tôi, tôi sẽ mặc áo vải thô, đội nón gài cổ, bò theo một đơn vị dân quân. Ồ, dù sao, ta cũng đương trở nên những người phóng viên chiến tranh của mặt trận miền Nam Đông Dương đây.

Chúng tôi quàng nhau đi, ba đứa la đà trên những hè phố khuya không có người. Tôi ở đâu bây giờ? Tôi nghĩ gì lúc này bên cạnh cái Hà Nội đã ngủ yên kia? Đây... này... Những trận Sít-mô-lông, trận Bác Pháp, trận đảo Si-sinh đã qua rồi. À, ra tôi đương nghĩ đến những lòng bông vĩ đại như những lớp người một nước độc lập tự do. Tôi, một đứa hai mươi ba tuổi, bây giờ nó mới được tập nghĩ, tập

sống cái đời thanh niên thực của nó. (Buổi chiều trước hôm đi, gã có nói với tôi rằng: Nam Bộ mà dứt tiếng súng gã sẽ sang Xiêm, sang Ấn Độ và rồi đi nữa - “Vừa đi vừa học, sướng chết người được. Nhưng muốn đi đâu thì cũng phải tấn cái anh Tây cái đã, phải không đồng chí?” Và gã lại cười.)

Rồi Hà Nội trở qua những ngày bị quấy rối nghiêm trọng, thật phấp phỏng. Việc chúng tôi vào Nam không giải quyết được.

Trước mấy hôm đi Nam Bộ, gã sinh viên của tôi thực đã hóa ra một con ngựa. Luôn luôn gã cồm cộp chạy ngoài cửa sổ, vừa chạy vừa la. Gã khuân về những thứ người ta ủng hộ cho gã lên đường: mấy gói thuốc, một cái ống nhòm mà gã bảo có thể “ngắm bắn ca-nông được”. Rồi gã đi chia quần áo, đồ đạc của gã để lại cho các anh em. Gã đã đổi ở đâu được cái áo “sơ-mi” nâu. Và gã vác về một bọc to có một áo khoác dạ xanh, có túi, có đai, một cái quần tím, một chiếc chân dạ. Gã đóng bộ vào, chụp cái mũ lợp vải vàng lên đầu, vuốt xuôi hai tay, kêu lớn:

- Thôi thế này thì “cập tên” thực sự rồi, bỏ mẹ! Nhưng cái quần “lính Tây” quá!

- Này tháo cra-vát đỏ ra chứ?

Gã ầu yếm cúi mặt và vuốt tay lên màu huyết dụ của chiếc cra-vát đỏ thắm giữa nền áo nâu mới.

- Không, cái này là kỷ niệm Hà Nội. Chia phần hết tiết, chỉ giữ lại một nó thôi.

Gã cười nghiêng ngả, hát nhị mũi như một cái kèn hát kim đã rè. Gã nói thâm:

- À đêm nay thì vào ngủ trại, mai có thể đi sớm. Bí mật nhé.

Sáng hôm sau, tôi cũng không nhìn cửa buồng gã.

Rồi gặp ai quen tôi đều khoe là gã vừa đi Nam Bộ. Khoe được như thế, tôi hể hả lây trong lòng, và tôi đã thành thực mà khinh những cái mặt chúng tôi còn hàng ngày ở lại Hà Nội. Tôi đương nuôi một cái thành kiến. Nhưng tôi không muốn chữa. Ấu cũng là một thói xấu có nhãn hiệu của thanh niên thời đại.

\*  
\* \*

### ***5 tháng giêng 1946.***

Ngày mai thì cả nước Tổng Tuyển Cử

Tối hôm qua, chợt nhớ tiếng giấy mọi khi ken két nghiêng sỏi của gã, tôi lặng lẽ quay mặt nhìn vào nền tường vôi vàng khè ánh điện, một lúc lâu.

Mấy người chúng tôi đi thông dong trong thành phố, giữa đám hội Tổng Tuyển Cử. Màu đỏ cờ và màu lá dừa xanh rợp đường phôi một dáng vẻ vô cùng cố gắng của Hà Nội sau sáu năm chinh chiến, cuộc chiến tranh thế giới đã làm cho Hà Nội bé ngoài càng già nua, cũ kỹ. Nhưng người Hà Nội thì đương trẻ lại.

Cùng ngày hôm nay, Tổng Tuyển Cử bùng bùng dội lên khắp nước. Chẳng hay con tàu của gã sinh viên trường thuốc

ra mặt trận kia đã chạy đến đầu rồi. Nó đương xuyên qua từng làng cờ đỏ sao vàng nào ven bờ biển? Ồ, chỉ có một chuyến đi mà gã đã được nhìn tất cả.

Cũng đi có một chuyến mà những anh bộ đội xuất phát từ chiến khu Việt Bắc cũng đã nhìn được tất cả Tổ quốc. Một buổi chiều dưới ánh đuốc dò ngòm, người ta cúi thế trước cờ sẽ vượt đến Cà Mau. Thì nay, những đứa con yêu của Tổ quốc đã lũ lượt đến tràn trên những nhánh quạt trước mồm Cà Mau. Đẹp để thay một lời nguyện! Họ - những anh bộ đội Quảng Ngãi, bộ đội Thừa Thiên, bộ đội Nghệ An, bộ đội Thanh Hóa, bộ đội Việt Bắc... Những đứa con đi cứu nước, những anh em đi cứu nhau, những người anh hùng của thời đại.

Chúng ta còn ở Hà Nội làm gì? Để đến khi họ chiến thắng trở về thì chúng ta được góp vào cái đuôi người chạy đi xem duyệt binh chăng?

Không, Hà Nội không ai nghĩ như thế. Đời đương lên và đẹp vô cùng đẹp. Chiều nay, gã bạn họa sĩ Sỹ Ngọc ở gác trên đã nhờ người đi hỏi han hộ xem ở “trong ấy” có cần người vẽ thì để gã vào.

Hà Nội bây giờ thế cả. Cái quê yêu quý nhất của người ta bây giờ là ở đâu trong đất nước có kẻ dám phá cuộc cách mạng. Buổi chiều cuối năm này, chúng tôi nhớ Nam Bộ, cái quê một lúc, cái quê muôn đời đương rừng rực trong máu. Chúng ta và các anh. Gã đi rồi.

1946

## Hà Nội 1946

Cũng không nhớ tại sao tôi đến ở cái nhà ấy. Quảng hơn một năm, sắp bắt đầu kháng chiến toàn quốc tháng mười hai 1946. Mọi người mọi việc trong thành phố đều ăn tạm ở bợ.

Trong nhà, ngoài phố rộn rục, ngày đêm nhốn nháo. Hàng trăm người kéo đến nhà băng Đông Dương cạnh Bờ Hồ, đòi Pháp không được quit, phải đổi tiền 500. Súng trên tầng nhà bắn ra, người biểu tình nằm rạp xuống. Thế rồi suốt loạt quanh hồ, lính Tàu Tường, lính Pháp đuổi bắn nhau. Tiếng trung liên nhà từng tràng như cầm canh. Công việc phóng viên nhật báo của tôi cũng chạy rối trong làn đạn, trong các thứ ám mưu chằng chịt khắp đầu đường.



Chấp tôi, rải rác chỗ nào cũng còn có xác người bị bắn chết. Chiếc giầy gia đình, cái khăn xếp, cái nón, cái ô đen văng lẫn lóc cạnh cái xác nằm vục mặt vào bụi cây cọ bên hồ, trong góc liêu bên hồ đằng kia. Cà ven tường tòa báo chúng tôi cũng lênh láng đen đống những vũng máu. Hôm nào người dọc phố Hàng Giấy, Hàng Đường đổ ra đánh nhau túi bụi với đám người lớn, trẻ con ở các phố Ngũ Xã lên. Bọn Quốc dân đảng ở Quan Thánh, ở trường Yên Thành đi ghệt da, đội mũ xì máu, áo sơ mi cắt ngựa xăn cuộn tay áo, vào Ngũ Xã gọi người đi đả đảo Chính phủ. Nhiều mù "bao chè đồng nát" ở trong nhà xổ ra, miệng nhai trầu bồm bồm, chỉ kịp vắt cái áo dài nâu non lên vai. Trời nắng oi, một lũ chẳng khác bọn cầm cờ đen đám ma nhà cho thuê xe đò Lui Chúc phố Hàng Cót, cứ quăng nào người dưới đường đi trẻ nài nhếch nhai, người trên hè lại xô xuống đám đá. Nháo cả lên. Giữa đám nắm tóc đánh nhau trước cửa chợ Đồng Xuân, lính Quốc dân đảng đứng chống nạnh, bạnh cổ, hét: Không được điều đình với Pháp... Đả đảo... Đánh đến cùng... Đánh đến cùng... Đả đảo... Tà lờ! Tà lờ! Cơn hò la đến khàn đặc. Tiếng chửi, tiếng cười hô hố. Từng quăng lộn xộn loạn xạ rồi xòe.

Cái nhà ấy, người đến ở trước, nói là nhà bỏ không. Nhà hai tầng từng buồng nhỏ, mỗi buồng một cửa ra, lối xây sẵn tiện cho nhiều gia đình ở chung. Người ta bảo nhà này của tuân phủ Cung Đình Vận cho thuê. Lão phủ "bơi" này có đến cả chục dãy nhà như thế. Đến khi cách mạng xủ án bản Cung Đình Vận ở Thái Nguyên, nhiều người đương

thuê nhà của quan tuần phủ ở Hà Nội, ở Hải Phòng, sợ liên lụy, đã bỏ đi cả.

Nhà ấy ở cái phố cạnh Chợ Hòm, trông sang via hè bên kia có nếp nhà hai tầng của vợ chồng người Tây doan. Lão chống, bộ râu bạc xum xòa ôm quanh chòm mũi đỏ, nhọn hoắt. Thỉnh thoảng chỉ thấy lão ẩn hiện trong cửa kính trên gác. Cứ đến giờ nghỉ trưa - chắc lúc ấy vợ lão đã ngủ “la xiết”, lão vào chuồng xí có lỗ cửa trông sang gác bên này. Lão ôm cái nhà chị hai<sup>(1)</sup>, chị này đứng sững. Chòm râu quai nón, cái mũi đỏ lịm và vành khăn nhung đen của người đàn bà. Im lặng hết như hai con cóc cưỡi lưng nhau ngày mưa đầu mùa hạ.

Từ hôm đảo chính Nhật, đã ngót nửa năm, lão Tây già này không bước chân ra cửa. Nguyên vì có nỗi khủng khiếp mấy ngày sau khi Nhật chiếm thành phố, những nhà tây đầm ở phố quanh đấy vẫn quen lệ sáng sớm đi với bồi bếp ra chợ Hòm. Lính Nhật khoác súng trường cầm lưỡi lê, cánh tay đeo băng chữ “an” nối nhau đập cái xe đạp lùn tuấn các phố, cứ đứng dưng đập thẳng, như không nhìn thấy các cửa nhà tây vừa mở, người hàng phố ập vào khiêng đồ, âm âm đánh chủ tây. Cái nhà vô chủ thì bị vac đi cánh cửa chớp, toang hoác như lỗ miệng không mím lại được. Và ở chợ, thôi thì chẳng kể đầm hay tây, hễ trông thấy mũi lỗ mắt xanh, người ta xúm ngay vào kéo cái bị thít bò, tòi tây quăng đi, vít đầu chúng nó xuống, quai hàm

---

(1). Chị hai: tên gọi người đi hầu hạ, đi khâu (khâu đầm) cho các nhà người Pháp.

mạng mở cứ việc thoi ăng ắc. Sau rồi đến linh Nhật mới xông vào, bắt cả tây, cả đám trời gò lại, giải đi giam ở hầm nhà dẫu Sen gần đấy.

Không biết ai đã mách tôi đến thuê một buồng trong nhà này. Tôi cũng như nhiều thanh niên lúc đó, ở đâu đi đâu cũng được. Cuộc sống đương chuyển động ùng ùng. Coi mình không cần nhà cửa, chỉ háo hức đi tìm cái mới khác hôm qua. Tôi được đoàn thể phân công làm phóng viên báo hàng ngày của Mặt trận Việt Minh. Báo hàng ngày hàng tuần của tư nhân, của ai ra cũng được, bấy giờ lung tung nhiều hơn báo chí của các cơ quan.

Trong nhà ấy chỉ có một điều giống nhau là nhà sáu buồng thì cả sáu người đều ở một mình. Cạnh tôi, sinh viên Tổng đương học y năm sau cùng. Tổng vào Vệ quốc đoàn, đương sửa soạn đi Nam tiến. Bất thần, Tổng phóng xe đạp ở đầu vế, hét từ ngoài vỉa hè: “Đấy! Đấy!” Chúng tôi tưởng Tổng báo đấy tiếng pháo râm ran, khói mù mịt ga Hàng Cỏ tiễn các chi đội Vệ quốc đoàn Nam tiến, nhưng một lát, mới rõ đầu đuôi khi nghe Tổng kể mình lo việc đi như thế nào và nói một câu sấm ký hầu như hôm nào cũng nói lại: “Bây giờ ấy à, sống miền Nam, chết miền Nam, ở Hà Nội là vớt đi. Sắp đến lượt rồi... Đấy đấy, sắp đến ông rồi... Ông được đi trước chúng mày...”

Phía bên trái, buồng của Mỹ. Thịnh thoảng, Mỹ đứng nghiêng đầu, khuỳnh tay đặt vào cái cà vạt, rồi chìa ra, lịch sự một cách phớt tỉnh, đôi khi nói một mình như diễn

kịch ra vai tự giới thiệu và hỏi: “Đại danh sĩ Hoàng Mỹ này hân hạnh được tiếp chuyện tiên sinh nào đây?” Nhưng chưa đứa nào thấy trên báo có bài văn nào ký tên Hoàng Mỹ. Mỹ vốn là thầy giáo dạy một trường tư ở đầu ô Thanh Nhàn. Từ tháng ba, trường chẳng còn một mống học trò. Thầy giáo đi lang thang cả ngày, bệnh huyền hoặc càng nặng. Thật thì Mỹ có phóng tác mấy truyện (chưa in) theo “Một nghìn lẻ một đêm”, ví dụ tên nhân vật tiếng Pháp là Aladin, Mỹ đã Việt hóa là An Lệ Ninh. Cứ cho mình đương là Xommecxơ Mòn, là “Gió đông gió tây”! Chỗ via hè trước buống Mỹ, thường có người đến hỏi - toàn con gái, đàn bà, choai choai, nạ đồng, lão nháo bánh nếp bánh tẻ. Nghe cách hỏi thăm, có thể đoán cô này dường là nhân ngãi, cô kia đã bị đá đít cho rơi, những người nọ đến đòi nợ. “Sừ” Mỹ có gửi chìa khóa ông không? Tôi đi bắt nợ đây. Ai lại bảo là giựt nóng, không ngờ chày bữa đèn thế. Nhờ ông nhấn hột: chỉ sợ “sừ” ấy không lẫn được mãi, thế nào cũng có lúc con nặc nô Hàng Bạc nó túm gáy được đấy. Hay là lão ta khóa trái cửa nằm trong nhà?” Mụ đám cửa thình thình mấy cái, rồi bỏ đi.

Khuya lắm, Mỹ mới về, say khướt, bước lên một chân, bước lùi một chân. Câu chuyện lẻ nhè của gã say thường bắt đầu bằng mấy câu bông lơn ác khẩu: “Chính phủ này nhiều “sừ” chưa biết mặt ba chữ cái, chính phủ Bình dân Học vụ mà. Tao phải xin đi dạy các “sừ” lớp bét ấy đây. A à... Ai hỏi tớ? Mấy đứa? “Quân hướng Tiêu Tương ngã

hương Tản"<sup>(1)</sup> Hay đây. Một mối tình cộng với một mối tình. *Jai deux amours...*<sup>(2)</sup> Chúng nó ghen đòi xé nhau đấy? Mặc xác, thế giới chiến tranh, đứa nào khỏe đứa ấy được. Ồ là la, đàn bà là tổ sư sai hẹn. Mình đã cho các "en" mỗi đứa một giờ chệch nhau, thế mà vẫn chấp dây, chấp dây thì tóe điện thôi. Báo các mẹ hội phụ nữ đổi tên báo "Tiếng gọi phụ nữ" là báo "Tiếng gọi gái", có đúng hơn không nào? Réo nợ à? Con nặc nô Hàng Bạc, phải ngủ với nó mới xong. Cứ phải trả nợ bằng cách ấy, nhọc quá". Rồi Mỹ say thiếp đi trong cơn lăm nhảm.

Trên gác ba buồng, một buồng để làm chỗ ăn chung. Mạnh, thư ký công nhật máy đèn Bờ Hồ, ngày ngày đều đặn hai buổi đi làm đúng giờ... Sáng sớm, ra ngã ba mua củ khoai lang hầm, gói xôi ngô hành mỡ. Chưa hề biết mùi phở Kim Lò Đức, phở Tàu Bay gốc thị dốc hàng Kèn thế nào. Lắm hôm rủ Mạnh đi uống ở quán cô Vàng Anh, Mạnh gườm mắt, lắc đầu, nhưng rồi lại đứng lên từ từ đi theo. Mạnh chăm đọc báo, đủ thứ: Cửu Quốc, Cờ Giải Phóng, Hồn Nước, Tiếng Gọi Phụ Nữ, (mà Mạnh gọi là báo Chính Phủ), báo Việt Nam, báo Thiết Thực của Việt Quốc, Việt Cách<sup>(3)</sup>, báo Đồng Minh của Tân Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nhưng Mạnh tin các báo hàng ngày Dân Quốc, Dân Thanh, Vì Nước hơn, vì "báo của tư nhân

---

(1). Thơ của Trịnh Cốc (Đường), dịch nghĩa: Anh hướng về Tiêu Tương, tôi hướng về Tản.

(2). Một câu bài hát Pháp. Dịch nghĩa: Tôi có hai mối tình.

(3). Tên tắt hai tổ chức: Việt Nam quốc dân đảng, Việt Nam cách mệnh đồng minh hội.

người ta bỏ tiền ra làm, không đáng phải, không nhà nước, tin tức không thiên vị và nhanh hơn”.

Buồng bên của y sĩ Dục, mà Dục bắt người ta phải đọc đủ chữ: “Bác sĩ Dục thuộc ngành y tế Đông Dương”. Nhưng không thấy Dục chữa bệnh và đi làm. Dục tuyên bố đã khám phá ra trong thuyết “bất bạo động” của thánh Găngđi có nhiều điểm hòa đồng với triết học Đệ tứ Quốc tế. “Bất bạo động” và “cách mạng thường trực” của Tờrốtky sẽ hất sạch sành sanh tất cả các nền triết học già cỗi của nhân loại. Nhiều tay hơi hướng Tờrốtky hay đến chơi, khách khứa một buồng lắm khi cũng thành khách cả nhà. Phòng của Dục ồn nhât, cứ oang oang. Một hôm, chẳng biết Mỹ nghe tin ở đâu, về báo: “Thằng Lương Đức Thiệp vẫn đèn nhà này áy mà, nằm nhà đá rồi”. Dục im lặng. Hồ Hữu Tường vào phân trần với từng buồng: “Trước tớ đệ tứ, giờ tớ là Việt Minh, Việt Minh chính hiệu.” Rồi khoe: “Phái đoàn Chính phủ hội đàm với Pháp ở Đà Lạt, ở Phong-ten-bờ-lô đều phải mời quân sư cố vấn Hồ Hữu Tường, bí mật nhé. Chữ cái mặt mẹt thằng Bảo Đại thì cố vấn, cố thầy cho ai.” Có mấy cậu tập tễnh làm báo, xin được phép ra tờ Thống Nhất, đi tìm mưu sĩ trong đám bè bạn Dục, không biết báo này ra được số nào chưa. Nhiều người biết tên chỉ vì báo được khoe cho xem cái makét, trang bìa thì sĩ Đinh Hùng vẽ con của một trăm cái chân tròn xoe. Rồi các cậu ấy rút trong cặp ra mấy bài báo là đã đập bản in thử, bị kiểm duyệt gạch chéo bút chì đỏ. Lúc mọi người đọc bài báo bị bỏ, các cậu ấy vênh mặt, đảo mắt

nhìn người nọ người kia, về anh chị nghề báo ta đây làm báo phải ngang ngạnh thế.

Tôi nói:

- Vênh chó gì, chúng mày ngủ mê! Có phải Cutxô, Cômatsu đầu<sup>(1)</sup>, đây là kiểm duyệt của Cách Mạng. Viết thế nào cho không bị bỏ mới là tài, hiểu chưa?

Chúng nó ngoáy mũi, thờ hích một cái, kêu:

- Tranh đấu! Tranh đấu!

Đợi mọi người im hẳn. Dục giơ tay, hét:

- Table rase<sup>(2)</sup>, phá sạch sành sanh! Tranh đấu muôn năm!

Không lần nào Tống và tôi dịch được mồm miệng lũ này. Những cuộc cãi cọ thường hàng ngày xảy ra, nhưng rồi cũng thôi và chúng tôi vẫn là láng giềng chung đụng với nhau. Lại không biết ai đã nghĩ được ra cái nền nếp mới: “Góp gạo thổi cơm ăn cho nó ra tấm ra mồn. Chứ cứ linh tinh cơm hàng cháo chợ thì kém văn minh lắm”. Tôi được cắt lên phố Mới tìm một người thổi cơm. Cái phố Mới ở đầu ô Quan Chương mà Vũ Trọng Phụng đã viết thiên phóng sự điều tra “Cơm thấy cơm cô” nổi tiếng, là cái chợ buôn bán người giữa thành phố thời Tây qua thời Nhật, mấy năm nay, cái chợ người sầm uất hẳn lên. Nạn

---

(1). Cutxô (Cousseau) trưởng phòng duyệt báo chí của Pháp, Kômatsu (Komasu) trưởng phòng kiểm duyệt của Nhật.

(2). Một tiếng Pháp như khẩu hiệu, người tởrôtkit ở Đông Dương thời kỳ ấy viết bài thường dùng. Có nghĩa tương tự cái gì cũng phá bỏ hết

đói, các nơi đã chết vãn cả người. Bấy giờ dè sông Hồng vờ hấu khắp, lại quân Tàu Tường sang đổ bệnh chấy rận, khắp chợ thì què, người khỏe cũng lên cơn sốt lẫn ra chết. Thế là càng nhiều người ra lang thang kiếm sống nơi đô hội rồi đến đứng bán người ở cái chợ này.

Chỉ đến trưa, tôi đã lòi về được thằng bé còm nhom, báng đứa trẻ lên mười, nhưng đầu to thô lỗ, mặt già nhăn nheo dăm chiêu. Nó cời trán, mình mẩy như vùi trong bùn vừa được lòi lên. Chỉ còn sót lại hai con mắt thao láo, trắng dã. Tôi hỏi, nó bảo: “Cháu mười sáu ạ”. Biết thế.

Bác phó cạo đầu hề cắt đi cho thằng bé năm tóc đuôi bò u ám vàng. Cái đầu hóa ra nhẵn xanh thín, lại dỏ nhợt như hạt mít luộc. Rồi nó đứng tống ngổng tằm xà phòng đen cạnh bể nước giữa sân. Mỗi người đập cho nó một thứ, cái quần đùi, cái áo cộc tay thùng thình. Thoắt một cái, thằng bé đã mới mẻ tinh tươm ra về cậu nhỏ, cậu quít ngay. Thi sĩ Hoàng Mỹ vuốt tay lên cái vòm đầu nhẵn sư cụ của chú bé:

- Được đấy! Tao đặt tên mày là thằng Nhót.

Rối cái nghĩa:

- Nhót là quả nhót. Cái đầu mới của mày đỏ như quả nhót. Quả nhót chua, ăn đã rượu ấy mà. Tốt! Nhót cũng là thằng ăn cắp, tay nhót một cái. Mày đừng nhót của chúng ông đấy nhé.

Cậu bé Nhót đỏ lừ mặt. Nhót cảm động hay bực bội, có lẽ ngượng đúng hơn. Thế là thành cái tên Nhót. Cũng không ai hỏi tên thật, hỏi quê quán nó. Những chuyện đau



thương, ở cậu bé bơ vơ, như cái nhọt vỡ mới lên da non, sờ tay vào còn rát. Có điều thấy thằng bé hay đội, rổ rau không cặp mà đội, đội bó củi, thúng gạo, đoán nó người đường bé - ở Nam Định, nổi cháo hoa đi bán rong và bó rơm bó củi người ta cũng đội cả lên trên khăn vuông.

Từ hôm ấy, chúng tôi có một tay nội trợ được việc. Lúc tôi tính nhẩm: lạ thật, ít ra cậu bé bỏ làng mấy năm rồi, còn oắt thế mà việc gì nó làm cũng khéo tay. Nhót đứng ở góc sân hai mảnh ván thùng, thành cái bếp mái che mưa nắng cẩn thận. Rồi thì chỗ treo chảo, xếp rế, chứa củi, kê liễn muối, chai nước mắm, đầu ra đấy, Nhót thông thuộc giá rau đậu, thịt lợn ngoài chợ lên xuống từng buổi. Mua mớ rau, con cá chuối, Nhót biết đợi buổi chợ xế trưa, người bắt cá đầm hồ dưới Sét mới đem vào, được cá ngon tươi. Lại chọn cái đậu Mơ và nhận ra rau muống sông Tô Lịch xanh ngon hơn rau muống thả ao chuôm. Khiến cho ai cũng phải công nhận: người ở trong làng thạo cái ăn, cái làm hơn người tỉnh thành.

Nhót vớ đầu về những thanh tre cật và một túm dang chè. Cơm nước đã xong xuôi, Nhót không biết ngủ trưa. Nhót ngồi trong sân, hí húi đan vót. “Mày làm gì đấy?”

Nhót ngược mặt cười: “Làm cái cũi đựng bát. Rồi cháu đan cả rổ rá cho các cậu xem. Ngoài chợ, rổ rá thúng mùng nhọt nhọt như mắt lợn luộc mà cũng bán được, đảng này, nan tre gác bếp vài hôm, mặt tre tươi dịu đi, phải được tiến gấp mấy ấy chứ.”



Tôi hỏi:

- Tháo vát thế mà cả nhà mày chịu chết đói à?

Mới Nhót đương công tớn, tươi tắn, câu hỏi vô ý của tôi làm mặt Nhót xịu xuống.

Rồi một hôm thấy Nhót đội về một cây tre, mấy miếng gỗ, cái dòng dọc và chiếc nồi hông, Nhót cười cười. Đến bữa cơm đông đủ. Nhót rụt rè:

- Các cậu có cho thì cháu mới dám nói.
- Được, các vua cho mày tàu.
- Cháu nấu rượu ạ.

Hầu như ai cũng giật nảy mình. Nấu rượu, cò nghĩa là nấu rượu lậu, rượu ngang. Mới tháng trước, tháng sáu tháng bảy trước đây thôi, người "An Nam" nấu rượu chui lủi, nhà đoan Tây, đoan Nhật cũng thế, chúng nó mà bắt được, chi đồ nghề hay bã rượu cũng đủ cớ cho nhà cửa bị tịch biên, người thì đi ngồi rũ tù. Đại danh sĩ Hoàng Mỹ cười vang lên:

- Ha ha, có độc lập thì mới tự do hạnh phúc nấu rượu thế này chứ. Rượu ta ta nấu ta uống, ta về ta tắm ao ta. Mà lại bắc nồi nấu rượu giữa Hà Nội. Hay tuyệt! Cái thằng Nhót thân đồng thật!

Nhót nhìn thấy mọi người đều tươi tỉnh. Nhót mạnh bạo nói một mạch về cách nấu rượu. Ai cũng dờ mắt, chắc lười: "Thánh quá, mày thạo như là nhà mày mấy đời cha truyền con nối nghề rượu ngang mà mày thì biết nấu rượu từ khi còn trong bụng mẹ!"

- Này Nhót, mày phải tài uống rượu chứ?

- Không ạ.

- Cũng thạo ném mới biết rượu thế nào?

- Cháu trông màu đã biết rượu nước mấy ạ.

- Thánh, thiên từ!

- Cháu nghĩ ra thế vì cháu thấy các cậu uống rượu, rượu nhạt nhạt như nước ao, mà rượu Tây hiệu cô Vàng Anh cũng là rượu chợ cà, phí tiền quá. Cháu đóng nếp, cái nếp rượu tằm, rượu đậu hũn hoi. Rồi các cậu uống thử mà xem.

Dục giơ tay, cả rầu rĩa hét lên:

- Cách mạng, cách mạng thế giới muôn năm!

Không ai để ý những câu lỏp bớp lắm khi tự xưng Dục hét lên chẳng đầu vào đầu. Tôi mãi nhìn cái mặt bụ bẫm đỏ phính của Nhót. Mới ít ngày mà nó chóng lại người thế, béo tốt ngay được. Tôi ngỡ ngàng khi tưởng tượng lại cảnh nhà nó chết thảm mà đã có lần nó kể loáng thoáng. Hai vợ chồng, bốn đứa con, bỏ cái làng đã nuốt tiết cả củ chuối, nồn cau rồi vật ăn nốt cỏ - và nghe đồn, có xóm làm thịt cả trẻ con. Cái nhà ấy ra đi khỏi nơi chôn nhau cắt rốn, không biết đi đâu, nhưng cứ đi, phải đi. Rồi bố chết trước. Những đứa trẻ bủn rủn quanh mẹ, mỗi hôm thưa dần. Một buổi sớm, hai chị nó không dậy nữa. Một đêm, thằng em lên ba bỗng khóc ngất lên, rồi lặng im. Không biết thế bao lâu, chỉ còn một mình nó lủi thủi với mẹ. Một sớm kia, nó mở mắt giữa con đường cái đá, không thấy mẹ đâu. Mẹ nó bỏ nó, hay mẹ nó một mình ngồi chết chỗ nào không cho

nó biết. Những người sắp chết đói không muốn nhìn ai và những người không đành lòng thấy con chết trên tay thương bò chúng bò lổm ngổm ngoài đường cái.

Thằng bé làm thế nào sống được rồi lại mò ra thành phố, đến tận cái phố Mới có chợ mua bán người. Làm sao biết, nó cũng chẳng nhớ!

Chúng tôi xúm lại dưới mái bếp sân trong mà Dục bảo tối nay có một cuộc đốt lửa trại với người Việt cổ thời mẫu hệ Hai Bà Trưng. Mạnh không biết uống rượu, cũng tò mò xuống xem. Thằng Nhót cời trắn, loay hoay đẩy nôt thanh củi gộc dưới nồi nước trên cái hổng kê chào đùn cách thủy. Chúng tôi ngắm nghía chiếc ống lao bằng que nửa tép nối từ miệng nồi vắt ra miếng gỗ "mu rùa" gỗ lèn, ngoài kê sẵn một thau nhôm, trong đặt chiếc cốc to. Ở đây, cái thằng Nhót người Việt cổ đương chỉ bảo cho những người thế kỷ văn minh này hiểu rằng: rồi thì hơi gạo hơi men bốc lên, tụ lại, đọng từng giọt, từng giọt, dồn ra ống lao, chảy xuống chiếc cốc hứng dưới chậu, đấy rõ là rượu ngang chính cống.

Chẳng mấy chốc, hơi lên đọng nước, đã ri ri xuống. Mọi người khoái quá, reo ầm. Mỹ ôm Mạnh, đi mấy bước "tăng gỗ". Dục ngồi ngắm mọi người vui nhộn, gật gù lên giọng ông cụ non: "Hết thế, thời mẫu hệ người ta cũng mùa may hò hét bày tỏ niềm vui sướng như vậy. Những con khi phải hơi rượu rồi phát rồ, nếu vứt hết quần áo đi, cời truồng hay đóng cái khổ dây, thì đúng chúng mày đương làm vai con khi hóa ra thành người".

Nhưng Mỹ đã không để ý Dục đương bình phẩm làm nhảm. Mỹ quát:

- Thành Nhót, Nhót nâng cốc đầu tiên.

Hơi rượu thơm nồng đã bốc lên. Mọi người trịnh trọng rón rén xúm lại. Nhót nhăn nhó.

- Các cậu thương cháu tiến đi làm bát phở Kim thì cháu xin nhận, chứ rượu thì cháu lạy các cậu.

Nhót kể:

- Làng cháu có nghề nấu rượu. Rượu bán cho làng khác chứ làng nấu lại ít uống ít nghiện, bố cháu bảo vì ông thành hoàng làng cháu chết say rượu hiển thánh, nên phải có cái hèm kiêng rượu thế. Nhiều nhà người ta giàu lắm vì được rượu. Tây đoan về bất cũng chẳng sợ, vì có của thì chuyên thuê người đi tù thay, chủ rượu trả thóc cho vợ con ở nhà. Có năm rồi rã đời việc bố cháu cũng ra tính ngồi tù rượu thay cho chủ lò. Ấy vì bố cháu dặt cháu đi lò rượu làm phở nàu sai vật từ thừa bé cho nên cháu cũng học lỏm được.

Mạnh hỏi:

- Bã rượu ăn cũng sống người, thế mà làm sao nhà mày chết đời?

Nhót đương thao thao, bỗng chùng giọng lại, nói nhỏ nhỏ:

- Đến khi đói thì không ai bỏ gạo ra thuê nấu rượu nữa ạ.

Quang cảnh hiểm thấy, Mỹ thất cả vạt, Dục mặc quần soọc xanh, giày săng đá, Mạnh áo sơ mi quần là cứng nếp,

mọi người chăm chú quanh các đồ nghề làm rượu từ thời Giao Chi. Tồi lại hào hứng giục Nhót:

- Làm một chén với chúng tớ!

Nhót xua tay.

- Không ạ, đã bảo cái hèm mà. Cháu làm mẹ này chưa quen tay, rượu còn hơi khô, có mùi khét, các cậu xơi tạm.

Mỹ tấm tắc.

- Rượu khô à, ngon bỏ mẹ đi ấy. Tao lại thích cái mùi rượu như cơm cháy. Nó giống mùi rượu cốt nhác, lại nóng nữa, rượu nóng. Hơn đứt thằng “quàng trô” của Tây rồi. Thôi tha cho phó nấu, chúng ta cạn chén với nhau. Đốc tờ Tống, đốc tờ Tống đâu, ô thằng Mạnh, hôm nay phá giới thôi. Nào...

Mạnh vẫn ngồi yên. Mọi người ngửa cổ uống cạn cái chén hạt mít vừa chuyển rượu ở cốc ra. Mạnh bỗng đứng lên, mặt tái xám, tay run run cầm chén còn bốc hơi rượu nóng, nhưng không uống, Mạnh nói rít trong răng:

- Tao không thể nhớn như được như chúng mày. Tạm ước là cái gì? Trong Liên Hiệp Pháp là cái gì? Là cái cùm xứ Đông Pháp mà Pháp đem sơn lại. Thật thế, hay là tin đồn? Tao không thể... tao không thể...

Mạnh dẫn cái chén xuống. Giọng ồm ồm của Mỹ rên rĩ:

- Thôi thôi, ông anh hùng rơm vừa vừa chứ, khéo kéo vỡ chén, lại mất cả rượu quý. Mày không biết người ta đương kẻ khẩu hiệu một giọt rượu một giọt máu đấy à, nhưng máu này của ta để tiêm vào người cho bổ huyết chứ lại đó

đi à? Ông ơi, ông đi làm nhà máy đèn thì sáng sớm mai ông lại đi làm máy đèn, ai khiến ông lo lắng về cái xứ Đông Pháp của người ta kia chứ.

Mạnh xông lên, túm ngực áo Mỹ, lắc lắc.

Dục cười hà hà, vỗ tay.

- Thằng Quốc dân đảng chọi nhau với thằng vô chính phủ, quy luật biện chứng pháp đấy. Nhưng mà cái thằng Việt Quốc nói phải. Việt Minh ký tạm ước bằng lòng chịu Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp thì chẳng khác trời bỏ rọ năm xứ vào Liên bang Đông Pháp như ngày trước. Lại trở về Toàn Quyền, Thống Sứ, lại Tây đoan bỏ tù thằng nấu rượu, thế là ông mất xơi rượu lậu của thằng Nhót. Vòng luẩn quẩn chống Pháp rồi lại chui vào dít Pháp, tao đã bảo mà, bọn cái lương không bao giờ làm cách mạng triệt để được. Chúng mày cứ nện nhau đi cho tao xem, mạnh được yếu thua.

Tôi bốc máu, toan vặc lại. Nhưng Mạnh đã xông đến trước Dục:

- Mà bảo ai Quốc dân đảng?

- Xin lỗi, cái chính: máy đèn, mày là thư ký Nhà máy đèn Bờ Hồ.

- Phải biết thời thế, không ai được nhắm mắt. Mày chửi tao là thằng thư ký công nhật của Tây à?

- Thế thì ông gọi mày là thằng Việt Quốc vậy.

Mạnh hét:

- Tao không Việt Quốc, tao không Việt Minh, tao là thằng yêu nước.



- Là thắng kỷ công nhật Nhà máy đèn yêu nước.
- “Khỏe vì nước, kiến thiết quốc gia...” hát lên, rống lên!
- Ông nhất quyết nên mày một trận. Ông phải dân cho vỡ cái hòng lý thuyết suông, lý thuyết suông tởm...!

Mạnh xốc tay áo, trố hai con mắt. Mạnh vốn cục tính, nói thì làm tức khắc. Chúng tôi phải kéo Mạnh, kéo Dục ra. Chỉ thi sĩ Hoàng Mỹ chẳng để ý đến ai, cứ như đương một mình. Một tay Mỹ cầm chén giờ khuynh khuynh, đỡ cái lưng tưởng tượng. Mỹ chăm chú âm thầm đứng quay chao mấy đường “van”.

Giữa lúc ấy, Tổng bước vào. Bộ quân phục, không biết bằng ka-ki hay dạ tím, nổi cát mới nguyên. Mũ ca lơ hơi nghiêng, tròn ngói sao vàng, điệu hiên ngang hệt dáng chiến sĩ Vệ quốc đoàn to cao, lực lưỡng trong đội Liên kiếm Việt Pháp. Tổng cộp gót giày đóp một cái, duỗi bàn tay chào kiểu nhà binh.

Mọi người quay ra.

- Tất cả hãy chúc mừng tớ. Báo cáo: năm giờ sáng mai, bác sĩ quân y Tổng lên đường.

- Mày đi đâu?

- Xuất quân Nam tiến...

- A... Thế thì tất cả hát đi “Đường hành quân trống dồn. Hàng cờ bay cuối thôn. Khi ra đi là không ước hẹn ngày về”. Rình, tà rà rình...

- Có tàu năm giờ á?

- Tàu quân sự không phải tàu chợ, tàu khách. Các đồng

chí ơi, bí mật, bí mật, cứ biết là mai bác sĩ Tống lên đường Nam tiến.

Cả bọn tíu tít giờ cốc, giờ chén, vòng tay, chấp tay quì xuống cúi đầu bái lạy Tống, như tế đình. Nhót luôn tay chuyên rượu nóng cho từng cậu. Mạnh vắn hăm hăm mặt chống nạng mạng sườn, một tay bóp má. Rồi bỗng đứng lên, khóc hu hu.

Dục đặt ngón tay lên môi.

- Sụt! Sái đấy. Người ra trận, người đi tiền thì phải hơn hờ, hơn hờ lên, tất cả hơn hờ lên.

Nhưng Mạnh đã chạy lên buồng, đóng sập cửa lại. Tiếng khóc cục cục, tựa người ho tắc trong cổ. Mỹ uống cạn rượu trước mặt Tống rồi giờ ngược cái chén.

- Chúc đảng ý vào Sài Gòn tóm cổ được vài thằng Ăng-lê lếu láo.

- Tao là bác sĩ.

- Thì bắt được tù binh, đồng chí đốc tờ tiêm cho nó phát thuốc chết tươi, thế là chiến công oai hùng rồi. "Nước sông Dịch lạnh ghê hế hế... Đốc tờ một đi đếch bao giờ về". Hà hà...

Hôm sau, Tống đi từ lúc chưa ai dậy. Cửa buồng khóa, gài mảnh giấy: "Tạm biệt, thư từ đem đến số nhà 29 phố X". Làm như đi vắng đâu vài ngày! Cả thành phố bối rối, tất cả, lẫn lộn các thứ cảm giác lâu mau, xa gần thế nào, không biết nữa.

Tối tối, khoảng chín giờ trở ra, mọi người thường kéo

đến quán nước cô Vàng Anh. Như thế, lại tìm ra cái cơ làm đẹp làm vui cho chuyện chơi bời. Họ bảo là “chúng ta đi uống tiền vọng cái thằng Tống đi Nam tiến. Chắc bây giờ tàu nó đương qua Huế rồi”.

Không phố nào còn tiệm nhảy và những quán rượu sang trọng treo rèm cả ngoài hiên hè đường như dạo trước. Các khách sạn Thuộc Địa, Métôbôn, nhà hàng Tavec Royan đã đóng cửa từ tháng ba. Sau đấy, chỉ riêng có sĩ quan Nhật kín đáo đến. Ai lơ ngơ thò cổ vào là bị thộp ngực ngay. Nhưng quán Thủy Tạ ven hồ Gươm của chủ ta thì vẫn mở. Phố Khâm Thiên ăn chơi nhất hạng cũng còn vài nhà, cửa khép hờ. Dưới Ngã tư Sở, Vĩnh Hồ, Vạn Thái hay đường Tàu Bay, các nhà hát ế ẩm, chủ và đào hát bỏ về quê, các anh kép đàn và cô đầu rượu bây giờ thất lạng da ngoài áo, quần xắn buộc ống túm, vào tự vệ, cứu thương, ra trụ sở ăn cơm tập đoàn. Ngoài phố thấp thoáng các quán, không có quây tù, cốc bát như mọi khi, mà chỉ là cái bàn khiêng trong nhà ra, trên bàn đặt mấy bát dong chè, bộ chén, cốc và phin cà phê, cũng là một nét mới.

Dạo trước vẫn còn những hiệu cao lâu sang trọng Đông Hưng, Nhật Tân, Tây Nam từu gia, Mỹ Kinh Hàng Buồm, Asia Đại từu gia hàng Bông, đến lúc quân Tàu Tướng lục tục rút đi, cao lâu Đông Hưng đóng cửa, nghe đầu chủ về Tàu. Người ta bảo đám cao lâu toàn làm đặc vụ đã bị lộ mặt, sợ ở lại có thể bị lôi thôi. Ở Hà Nội, nhan nhản những bọn mật thám trá hình ấy. Vừa đảo chính Nhật, chỉ sang

rạng sáng ngày 10 tháng ba, tất cả bọn chủ và người làm các hiệu tạp hóa, đồ sứ Nhật Bản ở Hàng Bỏ, ở Cửa Đông mọi khi bán hàng chào khách lặng lẽ âm thầm từ mấy chục năm nay, bỗng trông thấy ai nấy đều mặc quân phục đeo lon quan một, quan ba nhà binh Nhật.

Những quán giải khát, quán rượu đời nơi còn mở hay mới mở, cũng do thói quen buôn bán của người phương phố, hàng ngày phải thu nhật kiểm sống. Và nhiều căn do khác thế nào nữa, không thể biết hết. Ở các nơi từ Hà Nội vào Huế đến Sài Gòn trong đó có một năm 1945 dữ dội từ Pháp rồi Nhật, bọn Nhật chưa kịp đứng thẳng lưng đã lại ngã kênh, chính quyền nhân dân xuất hiện, rồi Tàu Tưởng vào, đem theo Việt Quốc, Việt Cách về, rồi Tây trở lại. Tất cả những đổi thay, những ngổn ngang ấy bề bọn chộp nhoáng chỉ có trong ngoài nửa năm.

Cửa hàng rượu cô Vàng Anh ở gần Hăm Bốn Gian, phố có đầu cũ cuối đường Duy Tân<sup>(1)</sup>. Nhà ngoài bày cái tủ lừng, kiểu tủ buyp phê ngăn đôi. Quán bán sirô caladrinh chanh, lựu và bánh ngọt. Nóc tủ bày một dây chai xanh đỏ, bọc rơm, chai có chai không các thứ rượu Tây uống “sếch” hoặc pha “cốc tai” chanh đường. Chúng tôi đã đến cái xó xinh này, quen chân như vào chỗ ngồi đồng thuộc. Đạo còn mùa hạ, cô chủ quán Vàng Anh kẻ ghè ra dưới bóng râm giàn móng rồng lá xanh thẫm, đêm đến tỏa mùi hoa chín thơm ngọt thoảng trong vòm lá âm u. Bây giờ,

---

(1) Bây giờ là phố Huế.

gió heo may rào rạt lòng đường, ù ù thổi lên vách tường, khách ngồi gọn lại, đã thu mình vào trong cánh cửa. Hàng quán không có bảng đề. Cái tên Vàng Anh chắc cũng lại của anh chàng Hoàng Mỹ đặt cho - Mỹ vốn là cà miên man các via hè và có lẽ cũng lại Mỹ đã mò tìm ra cái quán rượu cô Vàng Anh này. Tôi đoán thế, và cũng không ai tò mò hơn. Mỗi lần đến quán Vàng Anh bao giờ Mỹ cũng giáo đầu làm mặt nghiêm, nói một câu vớ vào rất trơ: “Này này “Vàng anh Vàng anh có phải vợ anh thì chui vào tay áo” - rồi đứng đưng ngồi xuống. Mỹ cốt pha trò thế khiến mọi người và cô Vàng Anh cũng phải cười. Vàng Anh bước ra: “Mời ông, mời các ông ngồi, cái tay áo ông giáo hồ lơ hẹp thế kia thì Vàng Anh chui lọt thế nào được”. Mỹ tự chế giễu ngay: “Phải hỏi xem người đẹp có muốn chui vào không đã, rồi tôi mới may ống tay rộng ra chứ, thời buổi khoa học và đại chúng mà”.

Mọi trò chuyện thường cứ tầm phơ và mĩa mai thời thế như thế, nếu không chẳng chuộc lãng nhãng thì lại gán cố chẳng ai chịu ai: “Đứa nào cho thằng Tây mù đỏ nhằng nháo trong thành phố, đứng đái giữa cửa nhà thông tin phố Tràng Tiền”, thế là “Lùi để tiến hay là a la de tụt hậu”. Người nào cũng cố nói choang choác to hơn, quanh cái ly con con rượu “quăng trở” không đá hay chiếc cốc đá vắt chanh pha “cốc tai”. Không biết cái rượu này còn lại ở đâu, kho Nhật hay kho Pháp sót lại vừa được moi ra, lắm cái giống rượu mạnh nhân “quăng trở” chai nâu vuông như

chiếc gối gỗ mà mấy lâu nay Dục bắt đầu chê vị của nó kém cái kết rượu khê thời mẫu hệ của thằng Nhót nhà ta.

Chỉ có Mạnh thật sự ngồi yên. Mắm môi thờ ơ trông ra ngoài đường. Cũng lại nhiều lúc, cả buổi, Mạnh chăm chú nhìn như xoáy vào cô Vàng Anh. Hai mắt trở ra, không chớp, Mỹ chửi: “Tiên sư thằng mắt chó giấy, mé đứt đuôi con bé rồi. Lại còn ra vè!” Mạnh chỉ ngược mắt rồi im lặng, không tỏ thái độ thế nào.

Cô Vàng Anh đứng bên tù rượu. Cô mặc áo dài lụa Vân nhuộm thiên thanh. Trong ánh đèn dịu dịu, cô hát bài “Trương Chi” của Văn Cao, giọng trầm buồn. Người nghe cảm thấy được trong tiếng hát lẫn mùi hoa móng rồng trước cửa thoảng vào. Có hôm chúng tôi đến quán lúc bánh mắt mới chín giờ sáng, Vàng Anh vẫn mặc tương tự. Vàng Anh áo dài nhẹ nhàng, không son phấn, với đôi guốc “phi mã” sơn then thon gót - như mọi cô gái vẫn thường đi chợ, đi mít tinh trong đoàn thể phụ nữ thành Hoàng Diệu.

Hồi này, cả những cô gái đương tuổi chững diện cũng không mấy ai còn ăn mặc cầu kỳ. Có thể bỏ cô Vàng Anh làm công chức, ông ký đoan, ký dây thép hay ông thông, ông phán phù thống sứ chẳng hạn. Vùng phò quanh dưới chợ Hôm mới mở ra, có những dãy nhà cả mấy chục gian giống nhau - nhà Hầm Bốn Gian của một chủ cho thuê, có những ngôi nhà một hai tầng xinh xắn, yên tĩnh, cửa bên mở để xe nhà vào, lối nách riêng cho phu đối thùng xia đêm - những nhà này không hẳn giàu có, nhưng nền

nếp. Nhà cô Vàng Anh tương tự thế. Có thể hai chị em cô đương học lớp nhì, lớp ba trường nữ học Lò Đúc gần đấy.

Chưa lần nào chúng tôi thấy người nhà đi ra, khi hàng có khách. Hoặ c cả nhà tản cư tránh về quê, hay vốn nhà ý tứ. Mấy tháng nay ông phán mất việc, mà đi làm cho cách mạng thì chưa có lương, nhà thiếu thốn, phải mở cái quán nước nhì nhằng, ông bà ngưỡng không ra mặt, chỉ quanh quẩn ở nhà trong. Nhưng cô Vàng Anh thì khá mạnh dạn. Cô vừa nói cô biết nhảy “cờlakét”, thế là đôi chân đi guốc của cô lóc cóc réo rất trên mặt nhà đá hoa ngay trước mặt chúng tôi. Cũng không lạ. Cái làng đầu ở nghề canh cửi quê tôi đàn bà con gái như cầm cung trong nhà với sợi tơ cái suốt, không biết mưa nắng thế nào. Vậy mà cách mạng bí mật đến có đoàn thể phụ nữ cứu quốc từ hồi bóng tối. Các cô đi giao thông, bán tín phiếu Việt Minh, tập quân sự ở tha ma ngoài đồng từ gà gáy. Hôm tổng khởi nghĩa cướp chính quyền thành phố, hầu như con gái cả làng rầm rầm đi trong đội võ trang, ngoài áo tấc lụa thắt cái thắt lưng da to, chít khăn vuông mỏ quạ, đeo mã tấu, cầm quắm treo hàng rào sắt vào chiếm dinh Thống Sứ. Những cái mắt thấy khác thường ấy không tài nào tưởng tượng trước ra được. Cũng như trông thấy cô Vàng Anh duyên dáng pha rượu “cốc tai”, tôi tưởng cô chỉ biết hát “Trương Chi”, “Giọt mưa thu” và Vàng Anh nhảy “cờlakét”, nhưng Vàng Anh lại kể Vàng Anh thích đi công tác. “Mấy con bạn em chúng nó đi cà rồi, đưa thì lên chiến khu, đưa đi Nam tiến”.





- Vàng Anh muốn công tác thoát ly á? Muốn vào mặt trận phía Nam với bác sĩ Tổng? Thôi chết, đồng nghiệp mà. Mất Vàng Anh rồi, Vàng Anh sắp bay theo thằng Tổng rồi.

Vàng Anh mỉm cười, mà không trả lời câu nói đùa táo tợn của Mỹ.

- Em đang học y năm thứ hai, nhưng em chả muốn học nữa. Thi sĩ Xuân Diệu viết báo Cứu Quốc đã bảo thời nay là “thời vứt sách” mà. Ngồi học bây giờ sốt ruột lắm.

- Cô này trông lơ thơ tư liễu thế mà ngổ ngáo ghê, chẳng thua đàn ông.

- Các anh không thấy bộ đội ở chiến khu về đi duyệt binh quanh Bờ Hồ có cả nữ giải phóng quân đấy sao?

- Vừa vừa chứ, kéo các liền chị lại lôi tớ trở lại thời kỳ mẫu hệ thì bỏ mẹ!

Hôm ấy, chúng tôi đến quán Vàng Anh hơi sớm, mới chập tối. Phàng phát đường phố se se chớm thu mờ trong mưa dây mưa dờ nước mắt sụt sùi của vợ chồng Ngâu còn rớt lại. Sông Hồng thờ hơi lên thành làn sương vù thành phố vào bóng tối. Người đi nhấp nhোáng ánh điện nhòe xuống mặt đường nhấp nhোáng sau đuôi toa tàu điện vừa tối đã chạy dón nối nhau suốt đường Duy Tân lên Bờ Hồ. Tiếng trẻ rao báo lúc nghe thấy lúc khuất bên kia bụi mưa. Một làn sáng đèn ô tô vút ra đầu ô. “Dân Thanh” buổi chiều số đặc biệt Tạm ước ơ... “Dân Quốc” đặc biệt Tạm

ước ơ...<sup>(1)</sup> Báo đặc biệt, báo đặc biệt ơ... Chiều mai có mít tinh ờ...”

Tiếng rao khuất vào bóng tối chập chờn ánh đèn mưa bụi, không rõ những người nào dừng lại mua báo, những ai vẫn tắt tà, lầm lũi đi. Mạnh liệt đặt chạy ra, hốt hoảng gọi: “Báo! Báo!” Rồi không thấy trở lại. Cậu ta đã đứng ghé đọc báo ngay bên cột đèn nào đó - cái tính vốn hấp tấp thế.

Trong quán cô Vàng Anh, chiếc đèn chụp xuống, vẫn còn cái chao đèn phòng thủ năm trước, hơi máy bay Đồng Minh ném bom. Hình như chưa nhà ai yên tâm đã hết bom đạn rồi. Giữa nhà, một quảng sáng xanh lơ.

- “Vàng ánh vàng anh, có phải...”

- Không phải Vàng Anh đâu ạ.

- Ờ nhi. Thế thì người là ai? Người là ai mà ngồi lững lơ như “Sông Kinh Châu có con bướm trắng” thế vậy?

Rồi Mỹ giơ hai tay:

- Thôi thôi... Không phải Vàng Anh thì Họa Mi. Họa Mi, Họa Mi cũng “mắm sốt”<sup>(2)</sup>. Làm sao mà người ta cứ bay như chim cá rồi. Họa Mi, được chứ, “bông xoa” cô Họa Mi.

Trong ánh đèn sáng dịu, quá là không phải Vàng Anh mọi khi. Một cô gái bé xinh, đôi mắt lẳng vừa sắc vừa mơ màng mà Mỹ thoát thấy đã đặt ngay tên cho như thế.

- Vàng Anh đâu, Họa Mi?

---

(1). *Tạm ước (Modis Vinandis)*. Chính phủ Việt Nam ký với đại biểu Chính phủ Pháp ở Hà Nội ngày 14 tháng 9 năm 1946 quy định một số điều khoản chính trị, quân sự có tính cách hòa hoãn giữa hai bên, trong khi đợi một hiệp ước chính thức.

(2). Tiếng Pháp nói trệch, có nghĩa là: cũng thế

- Chị em đi lớp cứu thương.

- Ôi trời! Thế này thì tôi phải vào ngay Vệ quốc đoàn để còn hồng được người đẹp bằng bó cho ở ngoài chiến trường.

Chị Mỹ mới nghĩ ra được những câu nói không ra đùa, không ra giễu như thế. Chúng tôi gọi uống, lại giơ chén, giơ cốc chúc “những người đương lên đường”. Mỹ quay vào, hỏi dón cô Họa Mi: “Vàng Anh ở luôn trong trại à?” - “Có hôm về có hôm không. Cả trường y của chị ấy đã đầu quân, đi các nơi hết rồi. Chỉ còn mấy chị ở lại phụ trách lớp cứu thương cấp tốc một tháng”.

- Thế thì ta chúc tiền đồng chí Vàng Anh lên đường giết giặc lập công. Tay đôi mé nhau rồi, đuổi theo nhau đấy, thằng Tòng ấy mà, cam đoan thế. Cô Họa Mi uống với chúng tôi, uống tiền. Còn cô Họa Mi nữa, hôm nào Họa Mi đi, chúng tôi sẽ vác cả chai “quăng trô” với bánh pháo điện quang toàn hồng ra ga Hàng Cỏ, uống rượu đốt pháo ngay ở cửa toa tàu, chỗ Họa Mi vừa bước lên. Hôm nào đi?

Cô Họa Mi cười, trở vào góc phòng: “Em còn đương phụ trách đây này”. Những cây cờ dựng, một đồng trống ếch tang, trống sơn đồ xếp lên nhau, những chiếc mũ ca lô cái đỏ cái tím bên cạnh con thiềm thừ giấy bóng màu, đầu thỏ và đầu sư tử đồ chơi tết trung thu độc lập đầu tiên vừa qua của trẻ con thành phố. “Đội nhi đồng phố Mai Hắc Đế với đội Duy Tân chúng em mới được tuyên dương toàn thành”. Mỹ vỗ tay hoan hô Họa Mi rồi trợn mắt thờ dài:

“Thế này thì ghê thật. Việt Minh cả rồi, Họa Mi cũng Việt Minh rồi, chúc cho ai ấy nhé”.

Mọi người đương rôm rả vui vẻ, Mạnh rào bước vào. Tờ báo mới mua cuộn tròn, nhét túi quần. Mạnh ngồi thừ. Chốc lại rút báo ra đập đét một cái vào đầu gối, như đập muỗi. Hai mắt Mạnh đỏ ngầu. Một bên thái dương xuống đến má nổi vết chàm, mạch giật giật. Mạnh đương cúi kính, bỗng chồm cái gì. Mỹ bưng cốc nước chanh đá để trước mặt: “Này uống đi cho hạ hỏa”. Mạnh vẫn như không để ý, không biết.

Ngoài đường, lại những tiếng rao báo loang loáng qua. Một đoàn tàu vét nữa từ dưới chợ Mơ lên, bánh nghiêng ken két, rền rền... Đặc biệt, đặc biệt ơ... Tạm ước Việt Pháp ơ... Chiếu mai có mít tinh ơ... Mạnh vò tờ báo, ném xuống đất. Rồi đứng phắt, bước nhanh ra. Một chân vướng ghề. Mạnh chúi xuống. Rồi cứ loạng choạng thế, Mạnh mắt hút dưới bóng giàn hoa móng rồng ngoài hiên. Cũng không ai nhìn theo cái bất thường quen thuộc ấy của Mạnh. Chỉ có Mỹ cười:

- Người hùng của chúng ta đương lo việc đại sự. Nó chạy đi đánh nhau để viết lại cái Tạm ước mất thể diện, mất quốc thể của Chính Phủ đấy. Cô Họa Mi ơi! Bao giờ cô Vàng Anh xong lớp cứu thương?

- Chị ấy bảo một tháng.

- Rồi Vàng Anh đi công tác ngay à?

- Em không biết.

- “Bỏ thuyền bỏ bến, bỏ “chúng ông”. Cô lái dò kia đi lấy chống”... - Đi công tác! Thoát ly đi công tác! - Thế thì sai luật bằng trắc. Văng bóng cô “mình” từ dạo ấy. Để buồn... cho chúng ông. Cái bài nhạc thơ về cô lái dò buồn ghê!

Không ai đáp chuyện, Mỹ nói làm nhảm tiếp, như tự giễu mình.

- Lạc hậu rồi. Cô em thì đi cứu thương. Khách sang sông thì vào đoàn quân Vệ quốc. Rồi tay đôi gặp nhau ngoài mặt trận. Tuyệt, tuyệt... cái cốt truyện!

Vậy là tình hình ngày một nghiêm trọng hơn. Tòa báo chúng tôi bắt đầu bị mật di chuyển một số máy in vào lập nhà in dự bị phía chân núi chùa Hương. Đêm nào tôi cũng cùng mấy anh chủ chốt tòa soạn ra ngủ tập trung ở chùa Thông ngoài cổng Mộc để tránh bắt trắc. Thế mà tối tối tôi cũng vẫn lẩn về quán Vàng Anh đến khuya mới đi. Cứ như con gà quen ăn ở sân nhà. Cô Họa Mi bảo:

- Đánh nhau đến nơi rồi mà các anh còn nhờn nhờ ở đây à?

- Bao giờ đánh nhau hãy hay. Cả cô nữa, vẫn ở lại cơ mà.

Nhưng xem ra hàng quán cô Họa Mi cũng chênh mảng hơn trước. Cái tủ buýp-phê giữa nhà đã vắng đầu mắt. Có lẽ tự vệ đã khiêng ra chôn ngoài chiến lũy. Mây chai rượu còn lại, bên một chống báo hay truyền đơn cạnh một lỗ tường trống lủng sang nhà bên cạnh. Nhà nào cũng đục tường như thế, tự vệ phổ chui thông luôn các nhà suốt phố được.



Những xe bò linh kinh kéo đi tản cư cả đình đồng, hương án, cây nền ngất ngưỡng. Đêm nghe tiếng hát nổi lên giữa tiếng xèng cuốc đào công sự. Nhiều đường, lù lù mọc những chiến lũy đất, trên chất tủ, sập gụ, những cái chum, cái thạp to. Chắc cái tủ buýp-phê nhà Họa Mi ở trong đám ấy. Đằng trước, úp những chiếc niêu đất còn mới đồ gạch gài giấy bìa cứng có dòng chữ “nguy hiểm chết người”. Ai cũng biết đấy là mồi của tự vệ làm bãi mìn giả.

Rồi sau, đến khi nổ súng, tôi ở lại thành phố làm phóng viên mặt trận. Cứ pháp phóng có thể gặp lại chị em cô Vàng Anh ở trạm cứu thương một đơn vị tự vệ hay trong đội các cô “u lờ”.<sup>(1)</sup> Nhưng không gặp đâu cả. Nghe đồn nhà ấy về vùng tự do ruộng chiêm trũng Đống Quan, lại mở quán giải khát, nhưng tôi không có dịp qua.

Tại quảng trường Nhà hát thành phố, ngày 17 tháng tám năm ngoái, đội võ trang tuyên truyền Việt Minh thành Hoàng Diệu tung cờ đỏ sao vàng xung phong cướp diễn đàn mít tinh của giới công chức ủng hộ chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim sau khi Nhật hàng Đống Minh. Tiếp luôn ngày 19, Việt Minh tập hợp lực lượng khổng lồ quần chúng nội ngoại thành cũng ở quảng trường ấy, khởi đầu làn sóng người tuần hành võ trang tòa đi cướp chính quyền toàn thành.

Từ sau đấy, cái khoảng trống trải nhựa phẳng phiu trước thêm nhà hát, sáu đầu con đường lớn chụm lại ở giữa một

---

(1). U lờ (ul): *tên gọi các đội “ủy lao binh sĩ” mặt trận Hà Nội thời kỳ ấy.*

vòng tròn trồng hoa, trở nên địa điểm tụ hội đặc biệt ý nghĩa đối với cả nước. Mỗi việc trọng đại đương sôi sục, đương rối loạn đất nước, đều được biểu hiện lên khuôn mặt thành phố ở chỗ này. Trên diễn đàn ở đây, nhà hùng biện Trần Văn Giàu vạch mặt phản động Quốc dân đảng, mít tinh Tuần Lễ Vàng, mít tinh ủng hộ Mùa đông Bình sĩ, mít tinh Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến ra mắt... Người thành phố đã quen chan hòa hào hứng mỗi khi những lá cờ đỏ sao vàng trang nghiêm được kéo lên trên cột cờ giữa bốn hoa, rồi nam nữ thanh niên tự vệ áo trắng quần trắng, đi đầu bao giờ cũng có nhà thể thao Khôi Kinh Công quần xoóc, sơ mi cộc tay đồ sộ như con gấu, huyết còi đánh nhịp tựa điều khiển đồng diễn thể dục, hát những bài rầm rộ... *Hồ Chí Minh muôn năm... Hồ Chí Minh muôn năm. Khỏe vì nước... Việt Nam, minh châu trời đông, lưng vang trên "khổng"... Diệt phát xít, giết bầy chó đê hèn... Lạnh lùng vung gươm ra sa trường...* Đội kèn đồng của quân Liên oai vệ rầm rập hoa lên bóng nhoáng. Tiếng trống ếch râm ran, thiếu nhi các phố bốn phía kéo tới.

Chiều nay, trước Nhà hát lớn lại có mít tinh. Mít tinh đón phái đoàn Chính phủ ta ở Pháp về. Hôm trước phái đoàn đã vào cảng Hải Phòng, ai cũng đoán mít tinh sẽ có Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự. Đám đông náo nhiệt tới đợi nghe Chính phủ, nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh nói. Từ lúc chưa tan sương, các đầu ô đã tràn ngập người kéo vào, khí thể sôi sục trống rỗng chờ mở.

Từ hôm Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp đàm phán,



biết bao sự việc xảy ra trong nước, ngoài nước, người ta đọc trên báo lại nghe lời đồn thổi, thật rối ren, nay Hồ Chủ tịch về, chắc được giải thích rõ ràng, tất cả.

Đám Việt Quốc, Việt Cách không còn Tàu Tướng ở đây nữa thật sự đã thành kẻ cướp. Các hang ổ ở phố Ôn Như Hầu, phố Quan Thánh, trường Đỗ Hữu Vị, đã bị tấn công, cả đồng quang gánh, thùng mùng của người bán hàng rong vút ngoài vườn. Có khi chỉ một gánh phở đem đi qua, chẳng may tên ác quỷ gác gọi vào. Ăn xong, cất lấy bao thất lưng tiến rồi đâm người, vùi đi cho mất tông tích. Bị truy nã vì tội giết người cướp của, bọn này chạy khỏi thành phố, lên chém giết tổng tiền hàng ngày suốt một bên sông Hồng từ Vĩnh Yên, Việt Trì đến Lào Cai. Dư luận xôn xao: “Tại sao? Tại sao? Tóm cổ chúng nó bắt đến tội tại chỗ, phải tổng khứ chúng nó theo quan thầy về Tàu. Chính phủ không cương quyết! Sao lại thế?” Có người cãi lại: “Hiệp định mừng 6 tháng ba, rồi tạm ước 14 tháng chín cho ta “thờ lấy hơi” rồi còn dấn sức đối phó với thằng Tây, đâu phải chỉ mất thì giờ vì lũ đầu trộm đuôi cướp tôm tép này.” Nhưng lại có tin dăng dăng: “Việt Minh bắt tay với Pháp rồi, Chính phủ đã rước Pháp trở lại, chẳng khác “Gia Long công răn cắn gà nhà”. Pháp đã đem quân lên Sài Gòn. Bọn Anh đã để cho Pháp thay thế chiếm đóng miền Nam. Quân Pháp trong ấy đương tìm tay sai ra làm bù nhìn.” Cả Hà Nội ngoài này căng thẳng rít lên như chiếc thùng néo gặp bão. Thế là thế nào? Người đến mít tinh càng đông. Ai cũng tin là đến đây rồi rõ hết.

Văn khí thế những người bùng bùng chuẩn bị tổng khởi nghĩa, càng quyết liệt từ sau Nhật đảo chính. Các báo Cứu Quốc, Cờ Giải Phóng bí mật loan nhanh tin tức quần chúng phá kho thóc ở Mộc, ở Canh, đột nhập diễn thuyết rạp hát Tố Như. Cắm cờ đỏ sao vàng trên nóc tàu điện, giữa dinh Tháp Rùa. Giết mật thám Sinh, Thiên Nga, cai Long...

Những ngày sôi nổi ấy, cả đến những cuộc tụ họp của địch cũng biến thành hoạt động của quần chúng, chưa bao giờ thấy thế. Tượng đồng Bôn Be ở Bờ Hồ, tượng Đám Xòe ở Cửa Nam bị kéo cổ xuống. Tòa nhà Đốc Lý trông ra Hồ Gươm, các phố Tây vỉa hè viên đá xanh chắc chắn, tường mãi mãi như nguyên, vậy mà dùng một cái, lật hết. Đoàn biểu tình ngập phố Bôn Be, đến giữa chỗ nhà hàng ăn Bôđêga bây giờ, thằng Tây chủ hiệu bánh ngọt thò đầu ra cửa gác hai nhòm xuống đường, lập tức có người hét lên: "A thằng mũi lõ kia còn dám đứng trên đầu ta, đóng bào ơ!" Thế là hàng trăm nghìn người đổ vào đập phá tan hai tầng tù kính cướp cả kho kẹo bánh. Hà Nội đã quen các cuộc mít tinh như một thử thách.

Những đoàn thanh niên sơ mi trắng toát, công nhân áo xanh mũ cát kết xanh, đoàn phụ nữ áo dài tà hồng tà lụa ngà, công chức mặc xóc, giày ba ta trắng, bít tất lưng ngang bấp chân, đội mũ cát dít vệt. Các cháu nhi đồng múa lên, khua trống ếch vang vang. Tuổi trẻ cả thành phố vào các đoàn tự vệ phố, trai gái mỗi người quần áo khác nhau,

nhưng ai cũng mũ ca lô vải vàng với ngôi sao vuông trắng trước, bước đi hàng mười, hàng mười lăm, dài ứ các phố, liên mấy hôm.

Các làng ngoại ô từ chợ Dừa, chợ Bưởi, cầu Giày, ngã tư Vọng sang cầu Diễn, thoáng trông có thể đoán người phía nào kéo vào. Làng chài lưới và trồng sen vùng đầm hồ Linh Đường, Pháp Vân. Những thợ seo, thợ cửi ba làng Yên Thái, bốn làng Nghĩa Đô. Bà con làm ruộng, thả rau muống, trồng huệ từ Cáo xuống Vòng đổ về. Người phía Tây Bắc thành phố dường như bây giờ mới nhớ lại xưa kia, khi Pháp chiếm Hà Nội, các cụ ta đã mấy lần lấy đầu những quan năm, quan ba, gò đồng mố mà Tây chấn song quàng xích sắt còn lù lù ven đường hai bên sông Tô Lịch. Thế là làng nào cũng nổi lên tịch thu đồng triện, bắt chánh tổng lý trưởng ra quỹ xuống đốt sổ sách, giấy tờ địa bạ trước cửa đình. Các làng ngoại thành tuyên bố lập ra ủy ban giải phóng lâm thời mấy ngày trước cả cuộc khởi nghĩa toàn thành, xong rồi mới vào cùng người nội thành giải phóng thành phố. Những đoàn phụ nữ các làng cả loạt khăn vuông láng đen, áo cánh nâu, bèn thắt lưng buộc lưng lẳng con dao bầy. Thanh niên xách mã tấu sáng loáng. Các cụ áo sồi năm thân khuy tết, râu bạc cước, vai đeo vác lưng liêng đại đao, côn, câu liêm... Ánh cờ đỏ rực trương ra, bay lượn khắp các ngã đường. Bạt ngàn người các làng quanh thành phố vào Bờ Hồ, sang tận vườn hoa trước nhà băng, các đám mít tinh mỗi lúc lại càng đông hơn nữa.

Xẩm tối hôm ấy, chúng tôi mới lác đác về nhà. Như những con cò một mình bay vào tổ đàn trong bờ tre. Không biết người nào làm gì đi đâu, có ai đi mít tinh không. Nhưng chắc Mỹ với Dục thì không đi, không đi bao giờ. Bữa ăn vắng hân. Chỉ một mình cu Nhót vanh vách kể: “Cháu cũng đi xem mít tinh... Cháu chen vào tận chỗ thối kèn Tây...” Chẳng ai đáp lời và đùa cợt với Nhót như mọi khi. Về khác lạ tẻ ngắt, lấm li khiến tôi đoán có thể chúng nó đều có mặt ở nhà hát lớn. Cả cái thành Mỹ bằng nhắng thường bô bô ra miệng: “Tao chẳng công tác cục tác, mít tinh mít toong, tao chỉ đi chơi”, lúc này cũng lặng lẽ không trêu chọc chớt nhả như mọi khi. Mỹ lấy nốt xó rượu ra uống một mình. Mỗi người một suy nghĩ, có lúc như muốn nói, lại như ngại, lại như giữ miếng sắp choàng nhau.

Mạnh chợt dần giọng:

- Thế là rõ. Việt Minh bán nước ta cho Pháp rồi.

Tôi hơi lạ, nhìn Mạnh. Từ lúc về, Mạnh vẫn mặc thế, không cởi quần áo như lại có về sắp đi đâu. Cái mũ cát trắng lù lù trên đầu, áo sơ mi dài tay, quần xoóc ka-ki vàng với đôi giày ba ta vải đen để trắng, dáng dấp võ sĩ đạo. Thời Nhật năm trước cũng nhiều đưa ra về con nhà võ đi giấy vải đen để trắng như vậy. Câu nói của Mạnh khiến tôi bức, nhưng không lấy làm lạ. Tôi đã hiểu cái tính Mạnh hơi ngố, song bộc trực.

Tôi hỏi:

- Sao mày có thể quả quyết như thế?

Mạnh gơ tay làm điệu ngả mũ, cười khẩy:

- Khi người ta nói không bán tức là người ta bán. Mồm mép lái trâu mà...

Tôi buông bát.

- Không thể đem những việc to lớn của đất nước ví với cờ gian bạc lận được. Hoặc là có như thế thì chỉ có bọn hoạt đầu, bọn núp bóng quan thầy...

Mạnh hét lên:

- Cái bọn mà mày cứ động mớ mồm ra là chửi hoạt đầu, núp dít Tây Tàu, nói thẳng ra là Việt Quốc, Việt Cách, thế mà Việt Quốc, Việt Cách lại đánh Tây, còn chính chúng mày đương làm lái trâu đây. Đen tối lắm rồi, nguy nan lắm rồi. Có chấy nhà mớ ra mặt chuột, lúc này chỉ còn mỗi mình Quốc dân đảng đứng ra mở mặt trận sông Hồng đánh Tây mà thôi.

- Tao không tin.

- Mày cứ việc múa mép múa bút lên mà cải chính chúng mày không bán nước xem người ta nghe chúng mày đến đâu nào!

Tôi hầm hầm hất cái mũ của Mạnh. Cả Dục và Nhót xô đèn kéo hai người ra. Mỹ ngồi cười khề khà:

- Thôi mời các ông xơi cơm nốt đi. Rồi còn ra hỏi thăm xem em Họa Mi mạnh khỏe không, em Vàng Anh đã xong lớp cứu thương về chưa nào.

Mạnh cúi xuống, nhặt mũ, nói to.

- Trước kia, cũng có lúc tao tin chúng mày có gan đương đầu với Tây. Nhưng bây giờ thì thôi, bây giờ thì thôi. Tao đi, tao phải đi. Thế là hết.

Mỹ hỏi:

- Đi đâu?

Mạnh bước ra, quay mặt lại, nói:

- Chúng ta chỉ còn một con đường: đánh Tây!

Mỹ vùng tay:

- Cút mẹ mày đi!

Mạnh lại hồng hộc trở vào, cầm cái bát, đập xuống bàn, vỡ toang. Rồi Mạnh đi thẳng<sup>(1)</sup>.

---

(1). Ngày 31.5.1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp, là thượng khách của chính phủ Pháp, cùng đi với phái đoàn do ông Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, đàm phán với Chính phủ Pháp ở Phòngтенbôlrô. Trước khi đi, trong cuộc mít tinh tại quảng trường nhà hát thành phố, Hồ Chủ tịch phát biểu và sau đó cơ thư "gửi đồng bào Nam Bộ trước khi sang Pháp đàm phán" Đoàn đầu bức thư như sau (nguyên văn): "Cùng đồng bào Nam Bộ yêu quý:

"Được tin tôi cùng đoàn đại biểu qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ, đều lấy làm bàng hoàng. Bàng hoàng là vì chưa biết tương lai của Nam Bộ sẽ ra thế nào?

"Tôi xin đồng bào cu bình tĩnh. Tôi xin hứa với đồng bào Hồ Chí Minh không phải là người bán nước

"Đồng bào Nam Bộ đã hy sinh đấu tranh mấy tháng trời để giữ gìn non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải như ơn đồng bào Nam Bộ.

"Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam, Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi."

Cuộc kháng chiến lúc ấy đã bắt đầu ở Nam Bộ. Pháp âm mưu tách Nam Bộ thành nước Nam Kỳ. Cả nước căng thẳng, tới khi phái đoàn Phạm Văn Đồng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về và sau "lạm ước 14 tháng chín 1946 được ký kết, tình hình càng gay go, càng khẩn trương hơn.

Tối ấy, chúng tôi cũng không la cà ra quán Vàng Anh. Ở buồng Dục, tiếng người trò chuyện lảo xào, tiếng đóng mở cửa, tiếng giầy xuống cầu thang lục đục cả đêm. Bọn tớ rớt kit môm lại đến tụ ba tán gẫu. Buồn Mạnh thì im ắng. Lẽ nào Mạnh đã đi với bọn phản động? Biết đâu được, những hoạt động ngầm của chúng nó. Nghĩ xa nghĩ gần, tôi nhớ Tống, bây giờ Tống đã vào tới vùng nào. Tin tức mặt trận Xuân Lộc vỡ rồi, quân Pháp đã tràn ra Phan Rang... Tôi chỉ chợp một lát rồi chong mắt, không ngủ lại được. Giữa khuya, ngoài ngă ba vắng vào tiếng thanh tre gõ sức tặc, sức tặc, tiếp theo tiếng rao cháo gà rè rè: cay hấp trúc... kéo dài, buồn buồn như tiếng gió đuổi lá sầu xao xác mặt đường.

Mấy hôm rồi buồng Mạnh im im. Vận quả đấm vẫn thấy khóa. Có lẽ nó đi thật.

Dục bảo tôi:

- Tao nghĩ khác thằng Mạnh, nhưng tao vẫn thấy nó nói đúng. Chúng mày để cho Pháp trở lại Đông Dương, có nghĩa là đem bán Đông Dương cho Pháp rồi. Chỉ riêng ở Hà Nội cũng thấy tận mắt những việc xấu hổ ấy chứ chẳng cần chứng cứ tận đâu. Nó đã đánh tháo hết tù binh Pháp trong thành ra, lại chiếm luôn thành. Mày bảo là độc lập, nhưng tao đổ chúng mày đặt chân vào được cái phủ Toàn Quyền bây giờ. Chưa đủ, nó còn ra đóng quân tận trường Bưởi. Mấy thằng lính liên kiểm Việt Pháp cho có cái tên, chứ mày làm gì được bọn Tây mũ đỏ đương quấy đảo suốt ngày. Thế là phải ngơ đi. Hèn đến thế là cùng!

Tôi gườm mắt: “Mày bảo ai hèn, mày bảo ai?” Dục tái mặt. Không có Mỹ ở đây, không ai can, thế là Dục sợ, Dục hung hăng, nhưng vốn cả tháng ho cò cữ như con mèo gù. Có lần đánh nhau, Mạnh chỉ mới thụi một quả, Dục đã kêu cứu ầm ĩ. Lúc ấy, mặt cậu ta xám lại. Nhưng thầy tôi không nói gì, lát sau, Dục lại thao thao quen miệng. Cái sợ đã thoảng qua.

- Không, tao không nói xò mày. Tao chỉ vạch ra sự thật. Sự thật là chúng mày lầm. Việt Minh đã tỉnh sai nước cờ. Bây giờ, hơn lúc nào hết, để tự cứu mình, chúng ta phải gia nhập Mặt trận Cách mạng Đông Dương, cùng giai cấp công nhân Đông Dương liên minh với giai cấp công nhân Pháp triệt để đánh gục thực dân Pháp, thực dân Anh và tất cả các loài thực dân đế quốc trên thế giới. Không do dự, không thỏa hiệp, giai cấp vô sản làm cách mạng đến cùng. Cách mạng Đông Dương sẽ thành công cùng một lúc với giai cấp vô sản Pháp nổi lên làm cách mạng ở chính quốc, với giai cấp vô sản trên thế giới xóa bỏ tiêu diệt tất cả các giai cấp bóc lột trên trái đất này. Có thể, phải như thế, không ai theo sai lầm của nước Nga đỏ chỉ xích hóa ở một nước, bỏ rơi cách mạng thế giới.

Mỗi lần nghe Dục thuyết pháp về lý luận cách mạng - mà Dục gọi là cách mạng thường trực như thế - dạo trước còn có lúc tôi tranh luận lại, Mỹ bỗng đùa lại, nhưng rồi mãi dăm nhảm. Và lại cũng không ai chịu ai, cuối cùng chỉ thấy còn buồn cười, thương hại cái thằng ốm mặt xanh, nanh vàng toàn hăng hái ăn ốc nói mò.



Tôi chợt nghĩ buồn cười quá.

- Lại cái cách mạng thế giới linh binh cả ngày cả đêm.

- Không, lý luận đệ tứ quốc tế thiết thực như bàn tay có năm ngón giơ lên thế này.

- Có nghĩa là như thế, như thế...

Dục nhếch miệng, mặt xám lại, nhưng ngược lên, cau có và kiêu hãnh:

- Tao vì tình bạn mà đem lẽ phải đến cho mày, mày không nghe ra thì mặc xác. Chúng ta hành động. Giờ hành động đã đến. Giai cấp vô sản phải cứu cách mạng Đông Dương, cứu Đông Dương.

Rồi đến lượt thấy cái buồng của Dục cũng khóa trái. Đã mấy hôm liền, không biết Dục đi đâu.

Nhưng cái buồng ấy không im hẵn như bên buồng Mạnh. Có phải vì hôm trước, trong cuộc cãi cọ, Mạnh nói đến những “lái trâu lái bò” đã khiến Dục nảy ra cái mẹo nhặt nhanh làm tiền gồm ghiecs này, chúng tôi không thể đoán ra. Chỉ biết, rồi một hôm, vào lúc xẩm tối, bên chợ Hôm đã đuổi chợ, có người gánh vào nhà hai bu gà đại, mỗi bên nhốt dên cả chục con. Người này vừa qua cổng đã chào lung tung, bô bô: “Chào các cô các cậu”, rồi quảy gà lên thẳng gác, mở khóa vào buồng Dục. Chúng tôi đổ lên xem sự lạ đột nhiên. Bác lái gà áo cánh xối, quần nâu xoe tận bẹn đương lúi húi đẩy hai bu gà vào góc buồng. Rồi dựng đòn ổng lên, bác quay ra, mặt đỏ gấc. Chắc vừa đánh chén bên chợ.

- Tôi là láng giềng các cậu đây. Chà là cậu giáo cậu ấy cho tôi thuê lại cái buồng này. Tôi đã chống đủ tiến nhà cả tháng rồi. Cậu ấy bảo cậu ấy phải đem sách vào ngồi nhờ òn thi trong chùa Hương cho tỉnh.

Rõ ràng Dục nói dối láng nhăng. Và không hiểu làm thế nào mà thằng ma tịt ấy đã sang chợ, mồi lái được cái anh lái gà này. Thật sự, bác lái gà đã cầm chìa khóa buồng Dục. Cứ chập tối lại quảy lồng vế, người và gà nằm trên nền gạch cái buồng trơ trọi mà Dục đã dọn nhẵn cả bàn và sách vở đi lúc nào ấy. Thâu đêm, bọn gà trong bu đá nhau queng quéc. Cửa sổ mờ, đèn đường hắt vào, gà ngỡ sáng cứ gáy loạn trên đầu. Nhưng cũng chưa ồn bằng tiếng ngáy như bò rống. Tất cả các buồng nhà trên nhà dưới đều nghe tiếng. Sáng sớm, anh lái lại quảy gà sang chợ. Có hôm, dắt thêm một tay lái khác vế, có cả người gánh cái cũi tre đựng chó và dê.

Sau cùng, nhà chỉ còn có thằng Nhót với tôi và Mỹ với bọn lái. Họ không đem gà chó đi hết, nhốt cả bu cả chuồng trong buồng. Rồi đến trưa, khuôn từng met bún, bánh đúc với rượu, chả trâu thìa là về đánh chén, um sùm cãi nhau và tính toán như đương ở giữa chợ, dây chợ hàng gà quế. Từ nhà sang chợ chỉ vài bước, rồi họ lại nghĩ ra cách bán đến đâu về xách hàng sang đến đấy. Thành thử, gà vịt, dê chó cả ngày cả đêm cứ ăng ăng be be. Náo động, thối um.

Đám lái gà đâm ra làm chủ cái nhà này. Mỹ cũng mồm mép hoa lá thế chứ không đo được với bọn chợ búa. Còn

cu Nhót thì không dám hé răng, Nhót cũng được xơi ghe cái bánh đúc, miếng thịt. Mà bởi, tuy họ nhận nhạo thế này mà không va chạm với ai, mà lại cứ chưa thấy người, đã nhanh nhàu hỏi đơn giản như đọc bài: “Chào các cô các cậu, quý hóa quá, các cậu thời cơm chưa ạ? Cu Nhót hôm nay mua thịt chó các cô các cậu xơi ạ...”

Một hôm, Nhót vào buồng tôi:

- Cậu mang cháu về nhà này... một ngày nên nghỉa.

Nhót mặc chỉnh tề. Cái quần rách gối của tôi cho, được xé nửa ống, khâu vén gấu, làm quần cụt. Đi guốc, đầu chải mượt nước, tóc vuốt rẽ đầu ngồi thẳng. Nhót tán ngẩn, khó nhọc mới nói được mấy tiếng ấy.

Tôi cười:

- Có gì mà bỗng dưng dài dòng văn tự thế, hả Nhót?

Như bắt hơi câu hỏi vui của tôi, Nhót cười toét miệng, mạnh dạn hẳn lên:

- Cháu, cháu đã vào Vệ quốc đoàn. Cháu về chào cậu, cháu vào trại.

Ồ, Nhót đi bộ đội. Nhiều khi, chỉ là việc hàng ngày xảy ra mà vì mình quen mắt, bỗng nhiên thấy lạ. Giờ đầu cũng có người đi bộ đội, người nò nức vào vệ quốc đoàn. Sao tôi lại không để tâm như thế, không nghĩ có ngày Nhót đi bộ đội, mà lại mất thì giờ nghĩ ngợi về những thằng Mạnh, thằng Dục và bức bối với bọn lái gà. Ở đầu phố, ở các làng, ở cửa doanh trại, đầu bây giờ cũng thấy quang cảnh cái bàn kê, có người ngồi kể trang nghiêm, tập giấy đặt trước mặt,

chiếc trống cái kê ghếch bên. Trong làng còn thêm các cụ áo thụng xanh ngồi dưới lá cờ đuôi nheo bay lân cờ đỏ sao vàng. Trẻ con cả ngày thay nhau thúc trống ngũ liên. Hội tuyển quân. Ai muốn vào Vệ quốc cứ việc đến ghi tên. Biết bao nhiêu người đã đầu quân như thế, kể cả những lớp cứu thương của cô Vàng Anh. Bây giờ, Nhót cũng đi.

Tôi cầm tay Nhót, lòng bồi hồi không biết nói sao. Tôi đưa Nhót một đồng bạc. Nhót cầm tờ giấy bạc rồi dặn tôi: “Lúc nào cậu Mỹ về bảo giúp cháu có lời chào cậu”. Đã đi ra, Nhót lại quay lại: “Người ta có đến hỏi thì các cậu bảo cháu đã mười tám nhé. Cháu nói dối tuổi đấy”. Rồi Nhót nhảy phốc một cái, đôi guốc lạch cạch về phía cửa chợ đương tấp nập người. Nhót quên phứt rồi cơm nước của chúng tôi ra sao. Tôi cũng không nghĩ thế, cả tôi cũng quên. Tôi cũng nhìn theo Nhót đến lát sau mới sực nhớ. Vặn đầu vào đấy, cái thùng gạo, chai nước mắm, mấy quả ớt trên thùng gỗ, như cái tính ngăn nắp chín chu của Nhót. Có lẽ Nhót lấy thế làm thường và quên cả mọi chuyện rồi bởi Nhót vui từ lúc này ở ngoài phố về. Nhót nhớ lại, Nhót không ngờ. Các anh ấy hỏi: “Đồng chí tên là gì, bao nhiêu tuổi? Ở phố nào?” Nhót thưa: “Em tên là Nhót” - “Cái gì Nhót, họ và tên” - “Nguyễn Văn Nhót, mười tám tuổi”. Các anh trông mặt, cúi xuống ghi ghi vào tờ giấy rồi nói: “Đồng chí Nhót được vào Vệ quốc đoàn. Về chào gia đình, rồi trở lại đây”. Nhót đi ngay, nửa lo nửa mừng, sợ các anh ấy hỏi lại tuổi.

Bây năm sau - năm 1952, khi ấy, tôi làm phóng viên báo tham dự chiến dịch giải phóng Tây Bắc. Qua sông Hồng phía trên Mậu A rồi mấy ngày đêm liền vượt đèo Khau Vác, cái đèo đã nổi tiếng với câu ca dao mùa chiến dịch: “Đèo cao thì mặc đèo cao. Tinh thần bộ đội còn cao hơn đèo”. Nửa đêm, tiểu đoàn chủ công của đại đoàn 308 xuống ém quân ở Bàn Hẻo - một làng công giáo quê gốc dưới Thái Bình đã lên sinh sống ở Nghĩa Lộ từ nhiều đời. Đồng bào giúp bộ đội cơm nước, chỗ nghỉ kín đáo bí mật chỉ cách cụm đồn Nghĩa Lộ khoảng cây số. Vừa hoàng hôn, tiểu đoàn chuẩn bị công đồn Pú Trạng. Cả đơn vị xuất quân tập hợp đứng dưới ruộng, nghe phổ biến nhiệm vụ. Rồi các chiến sĩ đọc thơ bích báo đại đội. Tôi bước vòng quanh giữa các chiến sĩ nằm ngồi ngổn ngang. Một người có khẩu súng cối đặt trước mặt, đứng phắt dậy, gọi to:

- Cậu! Cậu ơi!

Rồi chiến sĩ ấy bước lại trước mặt tôi, mặt chín lừ, giơ tay nghiêm chào. Tôi còn đương ngẩn người chưa nhận được ra người bộ đội mặc quần áo bà ba lẳng thâm có lời chào rất nghiêm lại gọi tôi rất thân ấy, thì anh đã cất tiếng oang oang:

- Nhót! Nhót đây! Cậu quên Nhót rồi à?

Tôi nhận ra Nhót rồi. Trong buổi chiều vàng xạm ven rừng, ba đại đội chủ công chỉ chốc nữa vào trận đánh - trận đánh phải thắng quyết định, mở đầu chiến dịch, tôi đã gặp Nhót, người chiến sĩ hôm nay dường như không bao giờ

lại có thể là thằng bé chui dưới bùn lên năm xưa tôi nhặt ở phố Mới.

- Ờ ờ... đồng chí... đồng chí...

Bất thần, lệnh xuất phát. Các chiến sĩ khoác làn lá ngụy trang đứng lên cả loạt, rùng rùng đi như cả cánh rừng chuyển động.

Từ đấy về sau, tôi thường thăm hỏi tin Nhót và chúng tôi có thư từ với nhau. Nhót bây giờ là trung đội trưởng tên là Trần Quyết Chiến, nhưng trong đơn vị cũng biết cái tên Nhót ngộ nghĩnh của chúng tôi đã đặt. Chắc hẳn những lúc rồi, Nhót ngồi kể lại đời mình. Tiểu đoàn cối ấy rồi thành đơn vị nặng trong đại đoàn chủ lực tham dự hầu khắp các trận đánh lớn thời chống Pháp sang chống Mỹ. Trước trận bao vây Khe Sanh, trận thành cổ Quảng trị, tôi đều nhận được thư Nhót, biết anh đã lên đảm nhiệm cương vị tiểu đoàn rồi trung đoàn trưởng.

Mới đây, trung tá Trần Quyết Chiến đã chuyển ngành, ra làm trưởng phòng tiểu thủ công, thường vụ quận ủy một quận nội thành ở Hà Nội. Mái tóc Nhót bạc trắng. Còn hai năm nữa đến tuổi hưu. Nhót có hai con, đã nên người. Con gái Nguyễn Thu Thủy, học Liên Xô về, kỹ sư công trường thủy điện sông Đà. Con trai Nguyễn Thắng Lợi, kỹ sư dầu khí công tác trong Vũng Tàu. Cháu nội cháu ngoại đủ cả. Mỗi lần tôi đến nhà, khi nào Nhót cũng réo vào buồng trong: “Nhà nó ơi! Cậu đến chơi!” và Nhót nói: “Ấy cứ thế với nhau cho nó thanh niên. Vẫn như hôm nào

minh là thằng Nhót ở chỗ gần chợ Hòm. Cứ gọi mình là Nhót, xóm giềng cũng gọi thế, thời đại mới, phải trẻ hóa mà”.

Điều lạ lùng, suốt hai cuộc kháng chiến, sống chết với dư năm mươi trận đánh, mà Nhót chẳng bị thương lần nào. Nhưng điều lạ lùng hơn, mà tôi không bao giờ có thể cắt nghĩa hết được sự nổi tiếp chìm nổi của những cuộc đời con người trong nửa thế kỷ vừa qua trên đất nước ta.

Nhưng thôi, hãy trở lại hơn bốn mươi năm trước. Hà Nội bấy giờ bắt đầu sang đông, gió thổi rào rào lòng đường.

Một hôm, tôi bảo Mỹ:

- Mai tao vào mặt trận Nam Bộ, Mỹ ạ.
- Mà cũng Nam tiến như thằng Tổng à?
- Báo cho tao đi phòng viên chiến tranh.
- Chúng mày đi hết cả sao?

Tôi cười:

- Ra quán Vàng Anh cái đã.

Mỹ giơ một ngón tay.

- Bấy giờ là quán Họa Mi.
- Ờ, Họa Mi.

Mỹ và tôi lững thững đến. Quảng phố gần Hàm Bồn Gian ấy, chèn lũy cao cao những tà vẹt, đất và gạch đá ken lù lù lan ra ngang phố, lấp cả đường xe điện. Trong ánh chao đèn đường lung lay gió heo xào xạc. Vẫn nghe tiếng thuổng thành thịch đào công sự dàu dàu. Phố xá vắng hẳn.

Trong thanh vắng, hình như một chiếc hoa móng rồng cong cánh mờ cuối mùa còn sót lại trên giàn cửa nhà Vàng Anh thoảng hương xa và thơm ngậy hơn. Hàng đóng cửa, tối om. Trong nhà không ánh đèn. Tôi bước lên thêm, sờ tay, thấy khóa trái. Thế là Vàng Anh và Họa Mi cũng bay đi cả rồi. Những suy nghĩ bàng khuâng và xa xôi đầu đầu dương xâm chiếm chúng tôi.

Chúng tôi thả bước ngược lên Bờ Hó. Mỹ nói:

- Có lẽ mai kia mình cũng về khu Hai. Mình có ông anh công tác ở ủy ban khu dưới ấy. Cũng phải làm một cái gì, ở phải làm một cái gì...

Tôi cười to:

- Được đấy!

Thế là cái nhà chúng tôi ở lại bỏ không. Mọi người đã đi hết.

1947



# Thành phố, gương mặt, con người

## I

Hà Nội là Hà Nội mà Hà Nội cũng là cả nước - Hà Nội trái tim cả nước. Hà Nội đã là cả nước từ bao đời nay, kể cả gương mặt hình thành con người Hà Nội.

Tiếng nói Hà Nội - “giọng Kẻ Chợ” không giống tiếng một địa phương nào. Ai đến Hà Nội rồi cũng nói giọng Hà Nội. Trong tiếng Hà Nội thấy được hơi hướng các vùng khác nhau trên đất nước. Con người Hà Nội cũng vậy.

Từ khi nhà Lý định đô ở vùng đất bên này bờ sông Hồng trải hàng nghìn năm, đời đời cả nước hướng về nơi đô hội.

Từ xa xưa tới bây giờ vẫn tiếp tục phát hiện thấy vô số dấu vết bốn phương đất nước đã đem đến biết bao công sức dựng nên quang cảnh trung tâm đất nước, những đình đền, chùa miếu, những dòng họ, những người cùng nghề quần tụ một vùng, một phường mà những nghề nghiệp, những tên phố còn mang hình ảnh sự cấu tạo ấy. Hàng Bông, Hàng Gai, Hàng Giấy, Hàng Nón, Hàng Bừa, phố Lò Rèn, Lò Sũ, Hàng Khay... cả băm sáu phường Hà Nội đều một bóng dáng như thế.

Hà Nội cũ, từ những phố phường sấm uất ra đến bốn huyện ngoại thành còn thấy được những nơi định cư lâu đời ở thủ đô như làng Định Công ở Thanh Trì, hay mười ba trại giờ vẫn mang những tên y nguyên ngày trước: Liễu Giai, Giảng Võ, Đại Yên, Thủ Lệ, Kho Than, Hàng Hoa, Cống Vị, Cống Yên... những nơi cổ kính nhất ấy là những phường, xóm, phố xá mà người các cội đem nhau về kinh đô làm ăn từ các đời.

Bốn phương tinh hoa đã tạo nên Hà Nội - tất cả Hà Nội, của tất cả. Bây giờ Hà Nội - thủ đô đương phát triển trên nét chung rất dân tộc và truyền thống ấy.

Các triều đại phong kiến cứ thay đổi, nhưng đời sống người dân đô hội, dù trải những biến thiên thế nào cũng ngày một mở mang hơn. Kể cả đến triều đại nhà Nguyên dời đô vào Phú Xuân, đã dùng mọi cách triệt hạ phong thủy Hà Nội, nhưng trước sau Hà Nội vẫn nguyên tinh thần nơi hội tụ đất nước trước kia và sau này. Hà Nội đã

cùng cả nước đứng lên trong gian khổ và vinh quang của tất cả các trận chiến đánh đuổi quân xâm lược.

Ở thời kỳ lịch sử gần đây, dù phải trải qua một thế kỷ mất nước, trong thử thách, Hà Nội càng tỏ rõ bồi phần yêu nước lớn lao của người Hà Nội, anh hùng Hà Nội của cả nước.

Những hoạt động đầu tiên khi Đảng tiến phong xuất hiện, trước nhất là ở Hà Nội. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam đã ra đời ở Hà Nội và cương lĩnh đầu tiên, bản luận cương của Đảng và cách mạng đã được khởi thảo tại Hà Nội.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, thủ đô nước Việt Nam thống nhất từ 1945 đã hoàn toàn xứng đáng tin yêu của cả nước. Ba tháng chiến đấu dũng cảm trong vòng vây ở Hà Nội của quân và dân Hà Nội, tính theo thời gian không gian của lịch sử cũng không phải chỉ có ngót trăm ngày oanh liệt ấy, bao trùm suốt chín năm kháng chiến, Hà Nội đã liên tục chiến đấu cho đến ngày Hà Nội hoàn toàn giải phóng. Đêm ấy, trung đoàn thủ đô vượt qua ngô Phất Lộc phía cầu Đất cạnh cột Đồng Hồ bên kia sông Hồng, cả trung đoàn con em Hà Nội đã giơ tay thế có ngày trở lại thủ đô giải phóng. Đêm ấy, Hà Nội rực cháy, đấy không phải là những ngọn lửa cuối cùng của các chiến sĩ nhóm lên đánh dấu kết thúc đợt chiến đấu, mà đấy là ngọn lửa mở đầu cuộc chiến âm thầm khốc liệt của những người ở lại thành phố trong vòng vây, trong nanh vuốt giặc mà

chín năm gian khổ, tinh thần và nghị lực không bao giờ tắt, đã biểu hiện quyết tâm kiên cường cho đến ngày huy hoàng kia, binh đoàn thủ đô từ Điện Biên Phủ chiến thắng tiến về giải phóng thủ đô.

Hà Nội gặp lại những chiến sĩ của mình, nụ cười và nước mắt chan hòa.

Hà Nội lại bước vào cuộc chống Mỹ, Hà Nội đưa chiến sĩ Hà Nội đi chiến trường phía Nam - một hành động yêu nước đã trở thành truyền thống của Hà Nội từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, trong chống Mỹ, chiến sĩ Hà Nội đã có mặt trên khắp các chiến trường. Hà Nội đã đánh giặc ngay ở chiến trường Hà Nội, mà tiêu biểu vô cùng là chiến công mười hai ngày đêm bẻ gãy đợt phản công cuối cùng của địch. Những chiếc B52 hung hãn nhất của không quân Mỹ lần đầu tiên thất trận trên thế giới và bị bắn rơi tan xác trên đất Hà Nội. Tất cả các binh chủng của quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, từ các đơn vị cao xạ và không quân đến các đội tự vệ tập trung của Hà Nội đều dự trận đánh. Các chiến sĩ Hà Nội suốt dọc Trường Sơn đến Nam Bộ đều có chiến công. Hôm nay, đến Hà Nội vào bất cứ nhà nào, đường phố nào, đều gặp tự nhiên, đâu cũng có, những gia đình có chiến sĩ đi chiến đấu ở chiến trường miền Nam, những gia đình có người thân đã hiến mình cho Tổ quốc ở phía Nam đất nước, trong cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc.

## II

Đạo trong thành phố, lúc nào cũng có thể thấy được dáng vẻ, tuổi tác và vui buồn của đời sống thành phố. Cuộc đời Hà Nội nằm trong cuộc đời dân tộc. Sử sách và thiên nhiên, cây thông chùa Láng, bụi nứa đền Trại và hồ Tây, sông Tô Lịch nhưng di tích cổ trên mặt đất, trong lòng đất, mỗi bước đi quanh ta đều chỉ chút chứng tích cũ, đời người nơi đất gốc.

Từng bước hôm qua giúp ta suy nghĩ, khiến cho hành động hôm nay càng ý nghĩa hơn.

Hãy nói những điều nghe biết trong đời mình. Thuở nhỏ, ông bà tôi kể đường Thành - bây giờ là đường Hoàng Hoa Thám, ngày trước là tường thành, trên mặt thành có lính võ sanh đi tuần. Rồi các vua nhà Nguyễn nạy hết gạch cho xuống thuyền, tải vào Huế xây thành, rồi Tây bạt mặt thành thấp xuống làm đường đi. Lại nghe ông bà kể sông Tô Lịch, cửa sông ra chỗ chợ Gạo - nhà tắm công cộng giữa phố Trần Nhật Duật bây giờ, rồi sông Hồng đổi dòng sang phía Gia Lâm, bãi bồi cát lên. Tây cũng lấp luôn cửa sông.

Đảo chính Nhật 9 tháng ba 1945 vừa được một ngày, người Hà Nội đã kéo ra đường đi vít cổ các tượng đồng của Pháp xuống. Tượng “đắm xòe” ở vườn hoa Cửa Nam. Tượng “sĩ nông công thương” có chú linh khố đỏ lom khom dưới tay chi của một người Tây, ngấm sừng vào

Cột Cờ. Tượng Bốn Be cầm cờ, xòe tay trên đầu thấy đồ cấp tráp. Tượng toàn quyền Văng Hôven, phù điêu Giăng Duypuy trên bờ sông cạnh cầu Long Biên.

Một góc đường, một nếp nhà Hà Nội cũng mang dấu thời gian và không gian lịch sử đó. Qua phố Bà Triệu, quăng gần Bờ Hồ, còn thấy những nếp nhà một tầng với tầng hầm lưng lửng như trong vùng phố Hà Hồi. Trên đầu tường, vẫn nguyên chữ số để năm làm nhà 1890. Thời ấy lính thủy đánh bộ Tây lên chiếm Sài Gòn và Hà Nội. Kiến trúc nhà cửa doanh trại thủy quân, những tường miếng có gạch ngang và các công sở rào sắt nhọn chung quanh, bây giờ chúng ta còn thấy những bờ tường mang dáng vóc kiến trúc thủy quân lục ấy ở một số nhà Hà Nội. Và cả cái hàng rào sắt chung quanh “Dinh Độc Lập” thời Nguyễn Văn Thiệu ở Sài Gòn cũng là những hàng rào từ thời Tây lính thủy đánh bộ đó.

Hà Nội đã sống trọn ngày hôm trước đến hôm nay bước vào xã hội mới. Bao nhiêu khu vực đang được xây dựng thành những trung tâm mới. Các khu công nghiệp Thượng Đình, Đuôi Cá, Bờ Sông, Gia Lâm, Yên Viên. Các vùng thành phố vệ tinh đang mọc ở Xuân Hòa, Xuân Mai, Sơn Tây, Ba Vì, Vĩnh Yên... Ở đây, nhìn Hà Nội cũ ngẫm nghĩ xa gần, không bao giờ ai có thể quên được thời sự Hà Nội đau thương ngày trước.

Giữa phố Hàng Bò và Cửa Đông, trên lan can mấy nhà còn lại chữ nổi tên những hiệu buôn của Nhật: Đại nan

Kosi, Yatabè... Lác đác phố Nguyễn Du, phố Trần Nhân Tông, phố Ngọc Hà có những tòa nhà ngổ nghè phục cổ với mái cong, tường dày. Giả vờ màu vẽ dân tộc thế thôi, thật ra thì bởi thời ấy, trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, tàu Tây bên châu Âu sang bị nghẽn đường không có sắt và xi măng, không làm được nhà bê tông cốt sắt.

Vì thế mà ở trong ngổ phố Trần Nhân Tông, năm Hà Nội mới giải phóng, đã có một khoảng trần nhà vôi vữa cốt tre sập xuống như cái bẫy chuột, chết mấy người.

Hôm nay Hà Nội đổi mới đang cất bước. Với những khu vực nhà máy ở qui mô mới, chúng ta biết công ơn cha ông ta đã cán cù, mồ hôi nước mắt và đổ máu xây dựng nên đời sống chúng ta.

Hà Nội - thành phố hiện đại như các thành phố công nghiệp trên thế giới. Bảo tồn và phát huy thuần phong mỹ tục của Hà Nội, Hà Nội phải trở thành Hà Nội kiểu mới, Hà Nội xóa bỏ những cũ kỹ lạc hậu, xây dựng đời sống hàng triệu con người. Thành phố ngày nay và ngày mai nhất định khác hẳn đời sống mòn mỏi nhẩn nha của 36 phố phường xưa.

Hà Nội đòi mỗi chúng ta một ý thức có được con người và tổ chức với nhịp độ và "chi tiết công nghiệp".

Thành phố, một đời sống tập thể kiểu mới. Từng bước đem đến một nền nếp và một trật tự mẫu mực. Mỗi khu vực với mọi sinh hoạt cần thiết đáp ứng cho con người. Thành phố đương sinh sôi ra nhiều trung tâm. Những khu

nhà ở tập thể ở Kim Liên, ở Trương Định, ở Vĩnh Hồ được thành hình với mọi công trình văn hóa, các cơ sở giáo dục, y tế, cơ quan hành chính, nơi giải trí công cộng, những cửa hàng mua bán các thứ thiết yếu của đời sống. Thành phố đương này nở từng khu người ở.

Thời Pháp thuộc, ở Hà Nội có một sự phân biệt, tuy không có rào sắt, bằng cấm mà ngấm ngấm đau đớn và mĩa mai nhục nhã. Ấy là những khu vực phố Tây bây giờ là các đường Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hàng Khay, Hàng Bài và phía trên Cửa Nam. Người Việt Nam chen chúc ở bốn phía ngoại ô, dưới bờ sông và những phố phường nhỏ hẹp của Hà Nội cũ. Mà khi ấy người bình thường đi qua ranh giới phố ta, phố Tây tuy không tường ngăn và dây thép gai, nhưng thật là thấp thỏm, lúc nào cũng có thể có mặt thám, đội xếp theo rình. Đường sá sạch trơn và vắng tanh.

Hà Nội - thủ đô của một nước độc lập, tự do, thành phố kiểu mới. Lòng đường cho xe cộ. Vĩa hè cho người đi bộ, phố này sang phố khác. Mọi nền nếp mới của Hà Nội, chúng ta có thể trông thấy được rành rồ ở sự phân định văn minh lẫn lẩn hình thành. Những khu vực nhà ở, nơi làm việc, sản xuất. Những vườn hoa, vườn cây, vườn cỏ để dạo mát nghỉ ngơi và những hồ nước, dòng sông vừa đẹp cũng vừa là nơi giải trí.

Cái gì chưa được như thế chúng ta sẽ cải tạo cho được như thế. Một quận Hoàn Kiếm hay quận Đống Đa, cả các



quận nội thành và các huyện ngoại thành trong một thành phố qui mô phải được phát triển nhịp nhàng.

Đường phố và tên phố Hà Nội đều mang dấu vết lịch sử. Mỗi cái bảng tên là một trang bài học. Chỉ những tên phố Hà Nội cũng mang được ý nghĩa sâu xa. Hãy trở lại những cái tên, chỉ những cái tên cũng khiến ta thấy được Hà Nội.

Những tên phố, tên vùng mang bao nhiêu ý nghĩa ấy. Chợ Đuối, chợ Mơ, chợ Gạo, chợ Hôm... Nhà cửa và thành quách, mọi thứ thành tên phố trước tiên không phải do người đặt mà do đời sống tạo nên: Bến Nứa, Hàng Bè, Hàng Bó, Hàng Vải Thảm, Hàng Đống, Hàng Bông, Hàng Bát Đàn, Hàng Chai, Hàng Chĩnh, Hàng Vôi, phố Thọ Nhuộm. Và thức ăn nước uống: Hàng Bún, Hàng Cháo, Hàng Gà, Hàng Khoai, Hàng Muối, Hàng Rươi...

Những tên phố thân thiết với lao động và đời sống. Nếu chúng ta chú ý ra các vùng quanh thành phố, sẽ còn thấy rõ hơn công phu xây dựng nên Hà Nội, từ cổ xưa, đã có Ngọc Hà và các làng ngoại ô Yên Hoa - Yên Phụ ngày nay trồng hoa và cây cảnh, rau thơm các làng Láng, Tứ Tổng trồng dâu nuôi tằm, cam Canh, cam Cáo, đất kẻ Bưởi dệt lĩnh và làm giấy bản, gạo tám xoan Mễ Trì, nếp cái Sầu Giá. Trong thành phố thời Pháp thì cũng thành nếp người Thủ Lệ nghề giặt giũ, làng Thụy và Sù Gạ bán quà vật, Thanh Nhân xách hòm cắt tóc rong, Cổ Nhuế lò khâu, Lai Xá thợ chụp ảnh...

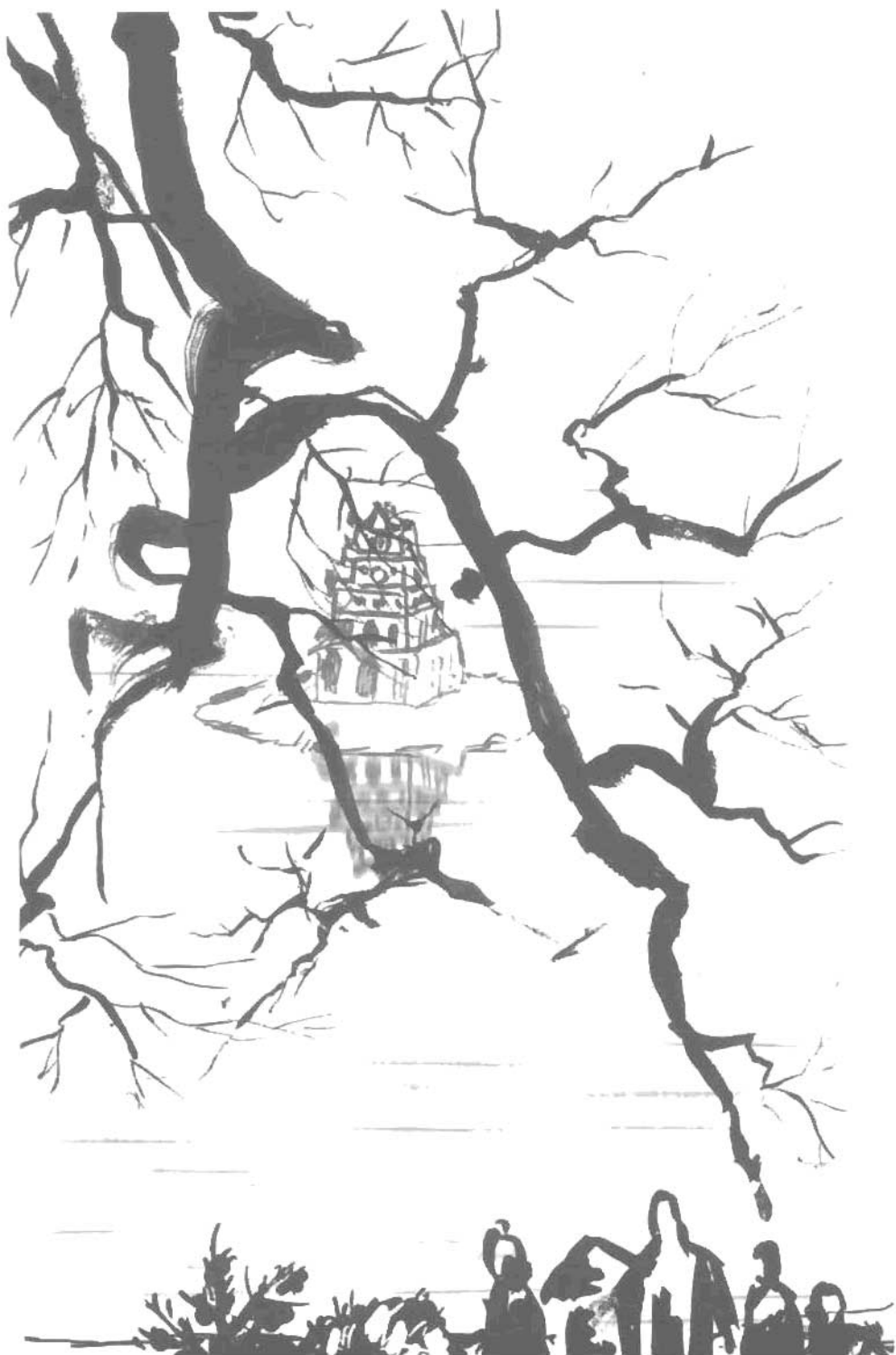
Lao động của ông cha làm nên thành phố thủ công Hà Nội. Đức tính lao động, truyền thống người Hà Nội.

Thành phố đổi mới, đổi mới để gánh vác trách nhiệm của người Hà Nội mới. Gương mặt thành phố và con người thành phố. Tư thế con người thế nào, thành phố thế ấy.

Xưa kia và bây giờ, người từ khắp nước đến sinh sống ở Hà Nội thành người Hà Nội. Người Hà Nội gốc cổ với nghề thủ công truyền thống, nghề làm ruộng và trồng tía vốn thói quen sinh sống tàn mạn, rời rạc. Người Hà Nội đã qua bao nhiêu thế kỷ trong cuộc sống kinh thành cũ. Đền nhà ai nhà nấy rặng. “Giàu có nhà quê không bằng ngôi lê kê chợ”,... Những câu tục ngữ có tính cách ngôn mang nếp nghĩ của một lối sống nhỏ nhoi, chi biệt mình, Hà Nội cũ đương xa lạ dần.

Người Hà Nội tiếp thu truyền thống của cha ông đấu tranh bỏ đi những thói tục lạc hậu thành phố cũ, tạo cho con người và gương mặt thành phố một vẻ riêng xứng đáng truyền thống và hiện đại.

Phong cách Hà Nội, phong cách Hà Nội của chúng ta. Yêu lao động và khoa học, chịu học hỏi. Đối với bản thân và xã hội, con người tạo ra thói quen tự giác kỷ luật giờ giấc, sống giản dị, có văn hóa, tôn trọng tập thể từ cách đi đứng trên đường cái cho tới nhà trường, nhà máy, đơn vị. Những đức tính đó, kế thừa vô vàn nét tinh tế, ý tứ, của Hà Nội truyền thống làm nên lý tưởng phấn đấu nên một con người. Lý tưởng và sự nghiệp bắt đầu từ những việc chắc chắn và cụ thể như vậy với mỗi chúng ta.



### III

Trong những cuộc thảo luận, tranh luận quanh vấn đề nếp sống ở Hà Nội, đôi khi thường nghe nói, nghe hỏi: mình đâu phải gốc gác ở thành phố này, thử xem thế nào, nên phân biệt những cái tiêu cực này đâu từ Hà Nội, đâu do người ta tha đến. Thế là mặc nhiên có người cho rằng có quê gốc ở đây mới phải chịu và phải gánh mọi trách nhiệm về những cái hay cái dở của thành phố.

Phân tích và nhận xét có phiến diện như trên không đúng với thực tế và đặc điểm dân cư và con người ở vùng đất trung tâm từ thời dựng nước. Nói gốc gác Hà Nội, phải nhìn theo tầm bao quát nghìn năm Cổ Loa, Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội. Ở nguyên một vùng trời ấy, đã tụ hội bốn phương lại, sự kiện lịch sử cũng như truyền thống này đã được ghi: chốn ấy là “chỗ bốn phương hội hợp” trong “Chiếu dời đô” năm 1010 của Lý Công Uẩn. Thủ đô nước nào cũng vậy, không có nguồn gốc định cư đóng loạt như mọi địa phương.

Từ xa xưa, theo bước chân chuyển biến của tình hình, mỗi thời kỳ lại có những lớp người khác nhau từ các nơi đến Hà Nội. Trong các triều đại phong kiến, người làm thuê thủ công lên kinh thành, người ta tự đi rồi đất lành chim đậu lập nên phố phường, hoặc vua quan bắt về hành nghề phục dịch nơi đế đô. Bây giờ vẫn có thể nhận ra dấu vết bộ mặt tứ xứ ấy ở tên đất, ở nghề nghiệp, ở dòng họ, ở

giọng nói... Ra ngoại thành, các làng cạnh tranh nhau mà làm nhiều nghề khác nhau, có giọng nói thật khác nhau từng thôn, từng làng, như ở Bưởi, từ Sài, Bái lên Đông, Hồ xướng Nghĩa Đô giọng khác nhau và người nhiều vùng ở Đan Phượng, Thạch Thất, giọng nói còn lạ nữa.

Có phải vùng này ngày xưa tù binh Chăm ở rồi dần dần Việt hóa (Sử sách ghi: họ Công ở Phú Gia, Phú Xá vốn là người Chăm được vua cho đổi họ). Có phải vì quan lại với họ hàng, với gia nhân, lính hầu ngày ấy đến kinh đô rồi ở lại, không trở về nguyên quán, như các họ, chi họ Phan Huy, Nguyễn Huy, Hà Tồn... và nhiều nữa, gia phả còn ghi nguyên quán.

Từ 1945, Hà Nội lại trải đổi nhiều phen về hộ khẩu, về người đến. Chỉ kể những đợt điển hình. Cán bộ quê khắp nơi về thủ đô công tác và định cư, trước đây, khi Pháp trở lại xâm chiếm Hà Nội, cũng có một xáo trộn đáng kể: người vùng du kích, vùng trắng, vùng tranh chấp chạy vào ở nội thành. Từ 1954, người ở Tân Đảo, ở Thái Lan về, cán bộ miền Nam tập kết ra nhập cư Hà Nội. Thành phố luôn luôn được bổ sung. Kết quả sự pha trộn ấy hình thành tính cách con người và cả giọng nói, tiếng nói. Tiếng Hà Nội có giọng rành rõ, tiếng thủ đô không giống tiếng bất cứ vùng nào. Những năm gần đây, đến ở Hà Nội khá đông người quê ở Thanh Hóa và Nghệ An, các lứa tuổi trong các gia đình ấy, giọng nói khác dân quê gốc rồi hòa dần vào giọng Hà Nội.

Do tính cách trên, có thể đề ra một định nghĩa: Người Hà Nội là người đương ở Hà Nội, mỗi chúng ta đương sinh sống ở Hà Nội, bất kể đã mấy đời hay mấy tháng, đều là một nhân tố và sức mạnh tạo nên đời sống thành phố.

Từ cơ sở quan niệm này, có thể nhận ra đặc điểm Hà Nội, là sự pha trộn mọi tính cách hình thành, một tính cách, là cuộc đấu tranh sáng tạo và phát triển, khẳng định Hà Nội. Cũng như vậy, công cuộc xây dựng con người ở Hà Nội thông qua sự vật lộn thắng bại từ tư tưởng, hành động tới cách cư xử mỗi việc, mỗi suy nghĩ và mỗi lời nói.

Hãy xem xét cuộc vun đắp từng mật, từng hoạt động, trong xây dựng nếp sống ngoài xã hội, trong gia đình của thành phố.

Việc tang ma có tính xã hội tỏ rõ tình cảm và nhân nghĩa thiếu thảo của con người văn minh. Chúng ta giữ gìn và phát huy tinh thần ấy bằng phong tục mới. Các hội thọ, hội báo thọ, hội lão, hội vui tuổi già... của nhiều tỉnh và của các xã, phường ở Hà Nội, đây là những nhân tố mới xây dựng phong tục hôm nay.

Về nếp sống trong việc cưới cũng thế. Thảo luận và thậm chí lên án nữa, nhưng nếu không tổ chức thực hiện quy ước thì mới cũng chỉ là nói để đấy, một khi xã hội công nhận tính xã hội, tính pháp lý trong tổ chức kết hôn. Việc cưới xin được chỉnh đốn thích hợp sẽ thực sự phát huy phong tục theo hướng mới. Hà Nội đương xây dựng lại nề nếp về lễ cưới mà các đoàn thể chính quyền phải có trách

nhiệm kỳ lương từ giấy đăng ký đẹp, tổ chức lễ cưới trang trọng, làm sao cho vừa thân mật và thiêng liêng, có được kỷ niệm sâu xa của đôi lứa đối với xã hội và với bản thân.

Mê tín dị đoan đương lây lan vào các góc ngách tâm lý phức tạp, nào kiêng ngày lễ, ra đường phở đón ngõ, nào gieo quẻ xin âm dương. Chẳng phải chỉ có lễ thánh của dân phe dân phò cầu phát tài, mà còn cả thanh niên cũng đi “lạy thánh mớ bái” cho thi đỗ, cầu xin việc làm, cầu Phật phù hộ khỏi phải đi đâu xa “đất thánh”. Đặc biệt, trong kinh tế đương bước qua gay go, chợ đen buôn bán và trao tay lén lút làm nảy nở đời sống thị dân kiểu cũ. Người buôn bán hàng ngày hồi hộp hóng tiền và lo hàng ế, lo trốn thuế, tính chuyện ăn gian nói dối, tâm địa tan rã đối bại. Ở những người làm giàu bất chính phát ra ảnh hưởng xấu và hủ tục mê tín dị đoan được cơ hội ngóc dậy. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong kinh tế hoàn toàn không tách rời cuộc chạm trán liên tục, lâu dài, quyết liệt về mặt tư tưởng, không thể chỉ là công việc của một tổ chức chuyên trách, mà phải là một hoạt động đồng bộ của toàn dân, trên tất cả các lĩnh vực sinh hoạt đời sống.

Cuộc đấu tranh chống tiêu cực về kinh tế cũng là cuộc đấu tranh về nhận thức, về xây dựng tư tưởng. Trước tình hình hiện nay còn nhiều khó khăn, trước nhất những khó khăn về kinh tế, nhưng một khi cuộc đấu tranh vượt qua được mọi thử thách, sẽ quét được tận gốc mọi thói tục thị dân cũ, kể đến cả những cái cụ thể như tính lừa lọc gian dối, thói mê tín đồng bóng...

Nói đến nếp sống và trật tự nơi công cộng, có người cho rằng, thời trước thành phố sạch và ngăn nắp hơn bây giờ. Nhận xét đó đã đúng khi phải phân tích căn nguyên: xã hội thời ấy nhỏ bé đã an bài một bề như thế rồi, và để giữ được cái thái bình đó, bọn thông trị ngày đêm lùng sục và tuần phòng, mặc sức đánh người, phạt tiền, phạt giam, làm cho phố xá khiếp đảm xanh mặt lại. Nguyên nhân này cũng quan trọng lắm. Thời ấy, Hà Nội là thành phố nhượng địa cho Pháp, người Pháp quy định nội thành cho một khu dân cư 20 vạn người, nhưng thực cũng chưa bao giờ Hà Nội được trên 15 vạn người. Ấy là không tính đến những người nghèo chui rúc nhà tranh vách đất dưới bãi sông Hồng và ven sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu ngập ngụa rác và muối. Những ung nhọt ấy, tòa đốc lý Tây coi là “ngoài pháp luật”. Thật mỉa mai, trong khi trên phố phạt đứng dài đường, phạt phơi quần áo và trước cửa để bán, nhưng ở bãi Nghĩa Dũng, bãi Phúc Xá phải xách nước sông về ăn và tắm rửa, và ra bãi đi vệ sinh công cộng. Nói về ngày trước nên thấy lại các quang cảnh khác nhau thế để so sánh mới là đầy đủ.

Thành phố ngày nay với các thị trấn vệ tinh bao quanh to rộng gấp bao nhiêu lần xưa kia, và khu vực Hà Nội cũ đã bị phình ra quá sức chứa. Mỗi đợt, mỗi lần người các nơi về nhập cư Hà Nội, đem theo nhiều thói quen tàn mạn và tự nhiên mà đời sống thành phố kiểu mới không chấp nhận được. Quét rác ra cửa coi như ở làng vun rác ra bờ tre. Không gõ cửa hay gõ như dầm cửa, gọi nhau ơ ời, chuyện



gấu bó bó giữa nơi làm việc như đứng ở ngoài đồng, ở đầu rừng. Ngồi nói chuyện, ngồi họp như ngồi một mình, cứ việc ngoáy mũi, nhổ râu, lấy ráy tai, gãi và ngồi tự nhiên. Rồi thì hát nước, ném chuột chết ra đường, đi bộ, đi xe như nghênh ngang ở đường làng, đường đê, không ngó ngang đến luật lệ giao thông. Chửi, nói tục đầu phải là sản phẩm của thành phố, nó là những câu cửa miệng của bọn đầu đường, xó chợ, xã hội cũ. Bây giờ, lối ăn nói lưu manh ấy trước tiên vẫn nảy sinh từ những người chạy chợ buôn lậu, những người rục của đàn đúm phè phỡn, rồi lan đến cả trẻ con không biết, ngõ đó là hay, là ngõ mà cái lỗi do nhà trường, gia đình và xã hội kém ý thức tổ chức ngăn chặn. Những thói tục lạc lõng này luôn luôn hợp và được đất với lối sống phố phường cũ "đèn nhà ai nhà nấy rạng", với lối sống gấp kiêu chộp giựt của những phóng túng tiêu cực hiện nay. Xây dựng nếp sống nơi công cộng phải làm sao cho thói quen mới thật tự giác mà cũng thật cụ thể của mỗi người, mỗi giới trở thành trách nhiệm của chính quyền, của các đoàn thể, từ đấy tạo nên nền nếp đạo sông mới.

Đây là toàn bộ nội dung cụ thể cuộc cách mạng về tư tưởng, khó khăn lâu dài, khi lên và khi xuống, dần dần khí thế cái mới vượt lên, cái cũ tàn lụi dần. Ngay từ những ngày đầu 1945, những hoạt động xây dựng nếp sống và con người đã hình thành ở Hà Nội và cả nước. Bây giờ, ban Đời Sống Mới - một tổ chức kết hợp chính quyền và các đoàn thể được thành lập ở Trung ương và các địa

phương chịu trách nhiệm vận động “đời sống mới” với các mặt công tác tương tự mọi việc hiện nay: xây dựng cái mới trong ma chay, cưới xin, nếp sống trong nhà, trong cơ quan, nhà máy, ngoài đường, bài trừ các hủ tục và chống mê tín dị đoan... Từ đây, trên mặt truyền thống và lịch sử xuất hiện phổ biến những đức tính sáng tạo của con người thời đại. Chiến thắng hoàn toàn các kẻ thù xâm lược, con người thời đại nối tiếp xuất hiện trái ngót nửa thế kỷ nay, đã đưa đất nước tới vinh quang mà cả nghìn năm lịch sử chưa bao giờ được như thế. Tuy nhiên, để hoàn chỉnh con người mới trên tất cả mọi mặt lại là công việc không thể làm gần liền chỉ mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn xã hội. Cuộc cách mạng tư tưởng đã diễn ra hàng ngày, hàng giờ và lâu dài.

Với thủ đô cũng không ngoài qui luật chung ấy, những đức tính con người ở Hà Nội được hun đúc nên trên đất Hà Nội do ảnh hưởng qua lại và kết tinh mỗi thời kỳ. Trên đường vượt qua những ngổn ngang, bể bộn, xuất hiện con người sống có lý tưởng, hoài bão cái mới, có ý thức trau dồi tinh thông nghiệp vụ, có tinh thần kiên trì miệt mài nói tay làm, con người nhất mực nhân hậu, nhất mực thanh lịch và tài hoa.

Không lơ là coi nhẹ các mặt thiếu sót, mặt tiêu cực, phải đánh giá đúng và kiên quyết làm thay đổi tình hình hiện nay, nhưng cũng không bao giờ cho là cái tệ hại hoành hành bao trùm cả, mà sự thực là những người tốt việc tốt, con người và đời sống tích cực, lành mạnh vẫn đương là

chủ lực và số đông. Từ em bé học sinh đến các cụ già, mỗi người đương góp sức xây dựng đời sống tư tưởng thành phố, đấu tranh cho cái hay, cái mới. Những người đương ở Hà Nội, tất cả mọi người Hà Nội tự hào và trách nhiệm.

Tôi không cho là mặt Hà Nội bây giờ xấu hơn trước. Trước là trước nào? Có người động nói là thờ dài: xưa kia không có như thế... như thế... Lại nói lờm “bao giờ cho đến ngày xưa”. Cũng có người cho rằng phong tục nếp sống Hà Nội cũ đâu ra đấy, qui củ, trật tự, bây giờ toàn những người ở đâu đến làm lung tung, nông thôn hóa phổ phàm đi. Không phải sự hình thành con người ở thủ đô của mỗi đất nước, nhất là vùng đất phát tích này đã nghìn năm tồn tại đến bây giờ và còn phát triển nữa, thực sự khác hẳn quá trình hình thành một con người ở bất cứ địa phương nào, bởi mọi mặt cuộc sống Hà Nội từ xưa tới nay bao giờ cũng do cả nước đem tới, từ các vấn đề tư tưởng và hình thức, từ tâm tình cho đến lời ăn tiếng nói, chỉ có điều là khi tới đây đã Hà Nội hóa. Thủ đô hóa đi, và tất cả tinh thần Hà Nội kết tinh trên cơ sở sự trộn lẫn tứ xứ ấy. Thế nhưng bộ mặt của Hà Nội, sự hiện diện của nếp sống, con người Hà Nội của thời đại mới nhất vẫn chưa thật sự rõ rệt. “Giàu có nhà quê không bằng ngồi lê kê chợ” câu tục ngữ bây giờ vẫn đắt giá. Vô số người ngày đêm đấu đường xô chợ, các cơ quan an ninh vẫn bắt và đem về trả tận nguyên quán, thế mà rồi lại như bắt cóc bỏ đĩa, ở đâu lại cứ kéo đến năm ngổn thờ nấu, cơm rượu, giặt giũ quanh các bờ hồ, các phố khuất. Thật khó hết sức, làm sao mà làm cho một người

bán phở, bán bánh hóa hiệu rằng bán phở, bán bánh hóa là một công việc ích nước lợi nhà.

Rõ ràng con người mới chưa hoàn chỉnh, chưa đủ hấp dẫn, chưa phổ biến được sức mạnh thời đại trong mọi công việc, chưa đề cao và phát động phong trào con người mới, rất mới mà lại rất bình thường.

Vấn đề chiến lược con người trong công tác đấu tranh xây dựng, sự tác động của xã hội, từ chính trị đến kinh tế, là một việc lớn liên quan và ràng buộc với hết thảy mọi mặt đời sống. Xây dựng con người, không thể chỉ để tâm đến một lớp người nào, mà phải chú trọng đồng bộ các biện pháp từ vận động, tổ chức và đôi khi cả biện pháp chính quyền hỗ trợ.

Hà Nội là một thành phố khác các thành phố, các trung tâm dân cư trong cả nước. Ở đây, mỗi tên phố, tên đường, mỗi quận, huyện, thị trấn, mỗi phường, xã, một dòng sông, một đầm hồ, một gò đồng, thậm chí đến một dòng họ, một cái nghề cũng đều dính dấp đến mọi mặt lai lịch, lịch sử họ hàng. Hồ Tây vùng hồ và đất đai là vậy.

Làng Nghè có câu hát:

Cửa chùa Sách có cây đa lông  
Cổng làng Đông có cây khế ngọt  
Con gái Kẻ Côt buôn dăm, buôn xé<sup>(1)</sup>  
Con trai làng Nghè dệt cử, kéo hoa  
Yên Phú nấu kẹo mạch nha ngọt lừ

---

(1) Dăm, xé: giấy vụn để làm nghề giấy thuờ xưa

Trai làng Nghè là quê làng tôi. Thuở mới lớn, mười lăm đôi mươi tôi đã làm nghề dệt cửi, bấy giờ là lụa Tàu, thoi máy “giắc ca”.

Bây giờ mỗi khi qua làng Vạn Phúc dệt lụa Hà Đông, thoi máy giắc ca giờ đây đã thành thoi điện bấm chạy rào rào như mưa trong các khung cửi dệt lụa.

1985

## 36 Phố phường

Có trách nhiệm với di tích lịch sử mọi mặt ở các nơi đô hội qua các đời là một phong tục đẹp của một dân tộc có văn hóa và truyền thống.

Trên thế giới, hầu như bất cứ thủ đô hoặc thành phố lớn nào nhiều tuổi cũng đều được bảo vệ trân trọng. Cách Tân Đê-li (Đê-li mới) thủ đô Ấn Độ vài kilômét là Đê-li cũ thành cổ Đê-li ngày xưa. Tbi-li-xi thủ đô nước Grudia, ở kế bên và nguyên thành cổ Tbi-li-xi phố phường và nhà thờ, bên trong nhà ở các phố chính đã được hiện đại hóa cho thích nghi đời sống hôm nay, nhưng bề ngoài vẫn tăng nhà, màu tường và mặt đường đá tảng từ thời xưa. Thành phố Vacsava, thủ đô Ba Lan đã bị phát xít Đức hoàn toàn hủy diệt. Khi xây dựng lại Vacsava, các khu cổ được hồi

sinh như trước kia, kể từ màu gạch đến cái trụ đá trước sân nhà thờ để chống bệnh dịch tả - theo mê tín cũ, cũng được làm lại giống thế.

Trải hàng nghìn năm, di tích lịch sử ở Hà Nội tập trung nhất ở hai khu: khu thành cũ mà ta quen gọi là “trong thành” kinh đô từ thời Lý và nhiều triều đại về sau và vùng dân cư ở bọc ngoài thành từ phố Nhà Hỏa đến ngõ Phất Lộc từ hàng Khoai sang Cầu Gỗ, tuy không có mốc giới hạn nhưng có một cái tên chung là khu 36 phố phường. Ngoài ra còn có những khu phố cũ còn lại từ thời Pháp.

36 phố phường vẫn đứng yên thế, nhưng cũng lại luôn chuyển động theo thời gian và lịch sử mỗi thời kỳ. Nó là một bảo tàng ngoài trời, bảo tàng ở giữa sinh hoạt thành phố không tách khỏi đời sống - một dấu ấn giáo dục sâu sắc ý nghĩa.

Hà Nội đã phải trải qua nhiều biến đổi. Khí hậu nhiệt đới tàn phá các công trình, mà các công trình, các phường phố dân cư thời ấy lại thường là nhà đất tranh tre. Hà Nội bị tàn phá nặng nề, nhất là đến đời Nguyễn. Đời đó vào Phú Xuân, nhà Nguyễn triệt hạ Thăng Long để “tiêu diệt thế đất đế vương ở Bắc Hà”.

Kho tàng ca dao, tục ngữ, bài vè, bút ký của các nhà văn thế kỷ trước và đầu thế kỷ này. Một số tranh, ảnh và sách tư liệu của Pháp khi mới chiếm Hà Nội. Nhiều câu, nhiều đoạn, nhiều tranh ảnh có thể khơi lại được hình thù cảnh cũ. Lại còn những tài liệu cực quý, ấy là các gia phả dòng họ

và chuyện nhớ lại của các cụ ở Hà Nội thọ bảy tám mươi tuổi trở ra. Khi xây dựng lại khu thành Vacsava cổ, những tư liệu gia đình và mắt thấy tai nghe này rất quan trọng với các nhà chuyên môn. Nhà cửa hồi đầu thế kỷ, các khu vực Hàng Gai, Hàng Bài, Hàng Bạc, các ngõ Trung Yên, Nội Miếu bây giờ, cụ Hoàng Đạo Thúy còn nhớ được từ cái chuỗi vó đầu tường, hòn ngói âm dương, các kiểu cửa lùa, cửa đảng, cửa ngăn, cửa bức bàn và cái xó luồn bậc cửa. Những dãy nhà dân thường, người buôn bán, thợ thủ công ở tụ hội lại cả họ, cả phường đã thành tên phố: Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Bát Đàn...

Bên những dinh thự và công sở người Pháp xây dựng, nhà cửa khoảng một trăm năm trở lại đây còn in rõ cảnh sống thành phố. Nhìn nhà, có thể biết tuổi nhà ở vùng bệnh viện 108, nhà khách Bộ Quốc phòng và nhiều phố, trên tường nhà vẫn còn thấy đắp nổi con sò năm khởi công và hoàn thành nhà. Những hiệu buôn và hàng quán của người Pháp ở Hàng Khay, Hàng Trống, của người Ấn Độ ở Hàng Ngang, của người Trung Quốc ở Hàng Buồm, của người Nhật ở Cửa Đông, của những người Việt Nam giàu có như nhà Chấn Hưng, nhà Cửu Nghi và Lê Thuận Khoát Hàng Bó.

Chỉ kể một vài tên làm ví dụ. Những nhà hàng cửa hiệu hiện nay còn, chỉ cần biết bảo quản, chứ không đến nỗi phải làm lại theo chuyện kể hay trí nhớ. Mới đây, trùng tu cổng tam quan chùa Thiên Trù trong quần thể chùa Hương đã phải nghiên cứu sử dụng những bức ảnh ngày



trước chụp còn lưu trữ ở thư viện phương Đông tại Paris bên Pháp. Khu phố cổ thành phố Plôđíp (Bun-Ga-Ri) tương tự vùng 36 phố phường của ta, còn giữ được quán ăn và ngôi nhà đồ sộ của một người Do Thái chuyên buôn bán lớn đã lâu đời ở đây, nhà này đi buôn đường Ấn Độ, trong phòng trang trí lưa là, chiếu thảm, đồ đạc trong vùng Trung Cận Đông và Nam Á.

Ở Hà Nội, nhiều loại di tích đã được xếp hạng, nhưng còn thật nhiều di tích phổ biến mà trong khu 36 phố phường rất sẵn, những điểm nho nhỏ chỗ nào cũng có ấy tạo nên không khí và quang cảnh. Đi trong thành phố Vacsava thấy cứ ở nơi nào có một trận đánh dù nhỏ và chớp nhoáng, nơi nào có chiến sĩ hy sinh trong thời kỳ Vacsava bị phát xít Đức chiếm đóng, đều có tượng nhỏ, phù điêu hoặc gắn biển ghi sự tích. Mỗi bước gặp lại cuộc chiến đấu của Ba Lan anh hùng. Ở Beclin, bên cạnh tòa nhà Quốc hội mà quân đội Liên Xô đã cắm cờ chiến thắng trên nóc vẫn như trong chiến tranh và có nhiều khu phố, hai bên nhà dân ở bình thường, những mặt tường nhà để lờm chờm như bị bom phá, và màu tường quét vôi xám nhạt như ám khói, người đi qua vẫn có cảm tưởng về những trận đánh khốc liệt ngay giữa dinh lũy sào huyệt của phát xít ngót nửa thế kỷ đã qua.

Những sự việc lịch sử và cách mạng đã xảy ra ở Hà Nội rất phong phú, nhiều mặt. Dấu vết viên đạn trái phá quân Pháp xâm lược bắn thủng tường thành Cửa Bắc. Sử sách còn kể tên những pháp trường Pháp dựng quanh

bờ hồ để chém các nhà yêu nước. Năm 1954 thành phố tìm lại và bốc mộ các chiến sĩ chiến đấu ở liên khu I hy sinh phải chôn ngay nơi vừa ngã xuống. Mỗi nơi ngày ấy có bia tưởng niệm, để cho những người tìm hiểu khu 36 phố phường không phải chỉ thấy sự tích anh hùng ở chợ Đống Xuân, mà thật ra phố nào cũng có, có nhiều. Cũng như gần bia lưu niệm chi tiết hơn nữa về các cơ sở hồi bí mật trước Tổng khởi nghĩa, thời kỳ Hà Nội bị tạm chiếm, để cho người bây giờ thấy được những hoạt động thời kỳ đất nước còn đen tối đã to lớn, đã dùng cảm đến thế nào mới có được ngày nay. Sân gác thượng của một nhà in phố Hàng Bồ, ở đây tiểu đội của Bạch Ngọc Liên đã dùng súng trường bắn rơi một máy bay trinh sát Pháp khi liên khu I đương còn trong vòng vây địch. Đây là chiếc máy bay đầu tiên của Pháp bị bắn rơi trong cuộc kháng chiến. Ở nhiều bức tường nhà hai tầng phố Hàng Gai còn lỗ chỗ thùng vết đạn, khi hai bên phố phòng tuyến của ta và địch hàng ngày tấn công sang nhau. Ở hầu hết mọi nhà còn tường nhà đã bị đục thủng, cả thành phố thành giao thông hào luôn nhà này sang nhà khác, ra tận chốt ngoài ở ngõ Phất Lộc, điểm tập trung sau cùng của Trung đoàn Thủ Đô trước khi bí mật rút sang bên bờ sông Hồng luôn khỏi vòng vây của địch. Cây đa cạnh đền Bà Kiệu còn những vết sẹo và cành gãy, đó là cái cây bị thương vì bom bi máy trận máy bay Mỹ ném xuống quanh Hồ Gươm. Có thể nói, chỗ nào trong khu vực này cũng la liệt dấu vết cuộc chiến đấu và lịch sử qua các thời kỳ.



Khu vực 36 phố phường còn nhiều đình, chùa, đền miếu rải rác các phố. Chứng tích đô thị một đất nước châu Á gốc nông nghiệp, dầu đã ra đường phố, nhưng khoanh tre vẫn được gìn giữ, người ta lập nơi thờ mới thờ vọng thành hoàng làng ở quê. Cần giữ lại mọi hình ảnh có đặc điểm này, những nơi có thể vẫn ở, vẫn cửa hàng cửa hiệu bình thường, nhưng phải có quy định không được xê dịch, hủy hoại hoặc tự ý sửa chữa.

Vùng phố phường trung tâm này có nhiều di tích tiêu biểu. Khách trong nước và nước ngoài có dịp được tham quan cái bảo tàng ngoài trời của thành phố ta qua các thời kỳ. Nhưng tất cả đang bị nguy cơ biến dạng. Nếu không sớm bảo vệ nghiêm ngặt, e đến khi có điều kiện tồn tạo, sẽ tổn công tổn sức, và có những mất mát không thể làm thế nào tìm lại được.

Số người, số hộ đến ở khu này bây giờ đông quá mức. Là khu buôn bán cũ, người ta vẫn tiếp tục buôn bán - trong tình hình hiện nay, buôn bán càng nhiều. Vì trước đây thành phố không trông trước được rồi sẽ là vùng di tích nên không có qui định về người đến, người ở. Các phường Đồng Xuân, Hàng Buồm, Hàng Bạc những phường chật chội, đông người nhất, ô nhiễm nặng nhất, sẽ còn đông nữa, bẩn nữa. Do đòi hỏi của sinh hoạt, người ta phá nhà cũ xây nhà mới, phải coi nơi gác xếp và lên tầng. Cả đến hai đầu đao mái đền Bạch Mã đã được xếp hàng cũng phải đâm vào một cửa sổ một quán ăn sát nách nhà. Từ Hàng

Đào lên Hàng Đường, có lệnh bắt các nhà nhích ra hè phải lui hàng hóa vào như cũ, xem chừng chỉ đẩy vào một tấc cũng không phải dễ. Có thể báo động: tất cả các nhà trong khu vực này, nếu chưa bị phá đi làm lại thì nhà nào cũng đã sửa chữa cả. Vì lẽ dễ hiểu ở chật và nhà cửa phần nhiều của cha ông để lại.

Thành phố phải tổ chức biện pháp giữ gìn bảo vệ ngay. Trước mắt, chưa có điều kiện tồn tạo, nhưng nhất thiết giữ gìn và bắt đầu những công cuộc sưu tầm nghiên cứu chuẩn bị cho việc tới. Những vấn đề như số lượng người ở các nhà xây mới và chữa, chuyện đường sá, cây cối, các đình chùa, đền miếu đều liên quan đến những gìn giữ trước mắt và sau này. Không thể tùy tiện buông tuồng như bây giờ.

## II

Hà Nội 36 phố phường... Cái 36 phố phường ấy của thành phố đã hình thành từ Thăng Long nghìn đời không chỉ trên quang cảnh trông thấy, mà đã vào tâm hồn tinh cảm con người với biết bao tục ngữ, ca dao, biết bao cổ tích điểm lệ.

Xin bàn về việc hôm nay bảo vệ “Hà Nội 36 phố phường” cho bộ mặt thủ đô cả nước và tấm lòng mến yêu của mọi người trên thế giới, khi đã một lần đến thăm Hà Nội.

Nhiều việc đương được làm cho khu vực có đặc điểm tuyệt đẹp và thiêng liêng này của Hà Nội. Tòì đếm số liệu

trong “Trang Hà Nội” ở bài “Nghịch lý phố cổ” của Lê Viết Đông trên báo “Tin tức buổi chiều” ngày 17-6-1993:

- Trường đại học Kiến trúc Hà Nội đăng ký đề tài khoa học cấp nhà nước “Cải tạo, bảo tồn các khu phố cổ, phố cũ trong các đô thị Việt Nam” trong đó phố cổ, phố cũ Hà Nội là một trọng tâm nghiên cứu.

- Viện Quy hoạch Bộ Xây dựng phụ trách đề tài “Quy hoạch khu phố cổ Hà Nội”.

- Sở Xây dựng Hà Nội chỉ đạo biên soạn dự thảo “Quy hoạch về quản lý xây dựng và bảo tồn khu phố cổ Hà Nội”.

- Công ty ADC đã xây dựng giải pháp điển hình một số ô phố cụ thể.

- Ngày 13-6-1993 trong hội thảo chính sách kiến trúc Hà Nội, vấn đề phố cổ Hà Nội được nêu hàng đầu.

Có thể tính ra, đã hàng chục đề tài nghiên cứu bảo tồn phố cổ với hàng trăm triệu đồng đầu tư cho những công tác nghiên cứu, nhưng vẫn chưa có được một phương án tối ưu mà các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh tế và giới kiến trúc nhất trí, ủng hộ và thực hiện toàn diện, đồng bộ.

Khu vực 36 phố phường không rộng lắm, chỉ chừng 70 hecta giáp với sông Hồng và thành Hà Nội... suốt bao đời nay, 36 phố phường luôn là trung tâm thương mại, công nghiệp, thủ công nghiệp lớn nhất đất nước. Nói gần ngay đây, riêng trong ba tháng đầu năm 1993, hai phần ba hàng hóa thủ công nghiệp các địa phương phía Bắc và phía Nam

lưu thông qua khu phố, mỗi ngày có tới vài ba tỷ đồng hàng hóa hạch toán. Hai chợ Đồng Xuân - Bắc Qua và chợ Hàng Da lớn nhất Hà Nội hàng ngày hàng vạn người khắp các miền trong nước đến mua bán.

Để chuẩn bị bảo vệ khu phố còn có nhiều cuộc bàn bạc khác của các ngành chính quyền, Hội đồng nhân dân thành phố đã họp chuyên để quyết định đặt mốc giới khu phố. Và hiện nay đang bàn soạn và dự thảo những chi tiết về thể thức cải tạo, xây dựng trong khu vực. Quan tâm và làm việc cho một khu phố cổ giữ được sắc thái riêng của nó, là cần thiết, bởi khu phố cổ là một trong những hình ảnh của Hà Nội xưa làm ăn, sinh sống, mà tinh thần Hà Nội nghìn đời liên quan tới con người Hà Nội bây giờ, chứ không phải chỉ về mặt hình thức di tích và du lịch.

Tất cả mọi công việc kể trên hiện nay đều sẽ thực hiện chứ chưa có một việc gì đã làm cả. Vấn đề phức tạp và cần lưu ý cấp bách phải giải quyết là ở đây. Bởi vì trong khi đó vùng phố cổ đông đúc, chen chúc đương hằng ngày các nhà dân, nhà thuê của thành phố được sửa chữa, được làm mới như Hà Nội hiện nay ở bất cứ nơi nào. Đã mọc lên nhiều nhà cao ba, bốn năm tầng, mỏng manh, các cửa sắt kéo đóng khép, mở, các mặt tiền ốp đá rửa... Chẳng bao lâu nữa, vẻ riêng phố phường xưa sẽ lặn hụp, hòa vào chỗ nào cũng như chỗ nào.

Mới đây, tôi có dịp đi dạo trong vùng phố phường này với ông Giác Bêkac, nhà báo Anh, đặc phái viên Đông

Nam Á thường trú ở Băng Cốc của đài phát thanh BBC. Ông Giắc nêu câu hỏi với tôi: “Các ông chủ trương bảo vệ khu phố cổ này, giữ cho bộ mặt Hà Nội khác Băng Cốc, khác Hồng Kông... Nhưng từ này chúng ta đi qua hai ba phố vỉa hè đã thấy nhiều nhà kiểu mới như các khu phố khác, như ở thành phố Hồ Chí Minh, như Hồng Kông thế thì gọi thế nào là bảo vệ. Vì như vậy khu phố cổ rồi sẽ không còn, thưa ông?”.

Câu hỏi cũng là một nhận xét và lời phê bình đúng, thật chua chát và buồn phiền cho người phải trả lời. Nhưng tôi đã trách ông Giắc lịch lãm và tôi cắt nghĩa với ông ấy rằng:

- Ông chưa biết và thông cảm hết được khó khăn của chúng tôi. Vâng, những cái ông trông thấy đương làm đau đầu những người có trách nhiệm và thật sự là điều không vui đối với cả những người yêu vẻ đẹp độc đáo của Hà Nội như ông.

Tại sao vậy? Điều trước nhất là nhà ở khu phố cổ này, phần nhà riêng có chủ gấp mười lần hơn nhà của Nhà nước quản lý. Mật độ dân số một cây số vuông ở khu vực này đông gấp trăm lần các khu khác và vào loại bị ô nhiễm nặng nhất thành phố. Nhưng di chuyển, tạo thoáng khu vực này đòi hỏi một sự đền bù lớn và phức tạp. Khu này là trung tâm buôn bán sầm uất nhất thành phố, nhất phía Bắc đất nước. Xưa nay vẫn thế chỉ có thời bao cấp mới rẻ rúng vì nhảm tưởng. Mỗi tấc đất ở đây giá trị một tấc vàng. Không thiếu những tỷ phú mới nổi, mặc dù họ chỉ chen chúc ở trong một căn nhà chật hẹp, ọp ẹp.



Tất cả các nhà cửa ở khu phố cổ đều đã được xây dựng từ đầu thế kỷ với mọi sinh hoạt thô sơ của thời kỳ thành phố chưa có điện, chưa có hệ thống nước máy. Thêm nữa nhà cửa trong mưa nắng, mối mọt và đổ nát nhiều. Và lại mỗi nhà hiện nay, phần nhiều vì đã mấy thế hệ, tam tứ đại đồng đường, con cháu quá đông mà các nơi bếp núc và nhà vệ sinh đều tồn tại từ ngót trăm năm cho nên, sửa chữa hoặc làm lại, làm mới đương là một khẩn thiết, không thể cản được vì nhà là nhà của người ta và trong khi những qui định của Nhà nước, của thành phố mới chỉ thấy các điều khoản trên văn bản giấy tờ chưa đề ra điều kiện vật chất và tiền bạc, làm sao ngăn được những chữa chạy hoặc làm mới chính đáng của mỗi chủ hộ trong ngôi nhà, trong dây phò. Ấy là còn chưa kể có thể có những cái bên trong, nào ăn tiền, nào hối lộ làm ngơ đi, biết đâu.

Ông nhà báo người Anh lạ mắt khi thấy nhà cửa một dãy phố góc đầu Hàng Buồm đều làm ngay dưới lòng đường. Nhà tuy không kiên cố, nhưng đều đã làm lâu, ở đã lâu. Tôi nói với khách rằng cách đây nhiều năm, có một rạp hát trong khu này đã thành nhà ở, bỗng nhiên bị cháy. Thế là phải ra đường trú ngụ. Thành phố chưa có cách giúp người ta đi ở chỗ khác (hoặc có thể người ta không muốn). Thế là tồn tại những cái nhà trong lòng đường. Đấy, chỉ một việc con con xảy ra đã bao lâu mà cũng không xoay chuyển được, hướng hồ công cuộc và trách nhiệm với cả một vùng nhà cửa, phố xá một khu dân cư đông đúc.

Nhiều người hằng quan tâm đến phố cổ thực sự bản khoăn. Từ bàn cãi đến các tổ chức, các kế hoạch bảo tồn, tôn tạo, hội nghị, hội thảo và công phu ghi chép, sáng kiến đã nhiều năm - Nếu thủ đồ giải phóng ngót bốn mươi năm thì thời gian bàn và lo cho khu vực này cũng đã dài dòng ngót nghét như thế.

Vậy mà chưa trông thấy hình thù cũ mới ra sao! Chỉ thấy ngày đêm, nhất là về đêm, những vôi gạch, xi măng được tải vào đây và gạch vỡ từ gỗ vụn vừa được đập ra, những cái xe công nông lại tải ra quảng trộm xuống hồ Gươm, cách phố Cầu Gỗ chỉ vài bước đường.

Nữ nào để "băm sáu phố phường" chỉ còn trong "Thăng Long thành hoài cổ" - đầu bài thơ cũ đã mang sẵn cái điểm buồn ày chăng.

1993

# Tên phố, tên đường

Ở các thành phố trên thế giới, thông thường có hai cách đặt tên cho phố. Đánh số: đại lộ 3, đại lộ 15, đường 14, phố 18... Hoặc đặt tên bằng tên danh nhân, thắng cảnh, di tích kỷ niệm, nghề nghiệp.

Với cách đặt tên thứ hai, tên phố phường không phải chỉ là hàng chữ trên mảnh gỗ, mảnh sắt đơn thuần chỉ dẫn nơi ở, mà tên phố còn có ý nghĩa nhắc nhở giáo dục văn hóa, lịch sử truyền thống, biểu hiện văn hóa văn minh.

Phố Hà Nội chủ mới rõ ràng có tên từ thời Pháp và thuộc loại phố mang tên hình ảnh đất nước và con người với bước đi mỗi giai đoạn của thành phố. Trước kia, Hà Nội thường có tên bao trùm các nghề, các đền chùa, miếu

mao. Hà Nội 36 phố phường, Hàng Mạt, Hàng Đường. Hàng Muối trắng tinh...

Tên phố như chúng ta trông thấy bây giờ ra đời từ khi thực dân chiếm nước ta. Hà Nội thành đất thuộc Pháp. Tất nhiên, tên phố do Pháp đặt. Ba đường lớn ngang thành phố như hiện nay (các phố Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo) ngày trước gần biển những tên tướng tá và trùm thực dân. Phố Đinh Tiên Hoàng bên hồ Gươm là phố F. Gác-ni-ê (Viên quan ba Pháp chết trận ở Cầu Giấy). Phố Hàng Chiếu sầm uất ở quận Hoàn Kiếm là phố J. Đuy-Puy (Người lái buôn khiêu khích cho Pháp lấy cớ đánh chiếm Hà Nội). Cũng có tên một vài danh nhân ta được đặt tên phố. Nhưng mĩa mai thay, chỉ càng lộ cái coi khinh cổ tích của họ: phố báng nhân Lê Quý Đôn ở một ngõ ngách, nay lấy lại tên xưa là phố Hàng Cháo, Nguyễn Bình Khiêm bị đưa vào ngõ cụt (ngõ Trạng Trình), và phố Nguyễn Trãi dài... 180 mét, cái phố nhỏ cạnh nhà thờ Tin Lành.

Tên phố Hà Nội có những thay đổi lớn từ 1945. Đào chính 9-3-1945 Nhật đánh đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương, lập chính quyền thân Nhật. Đất nước trải qua nửa năm tình thế đặc biệt và khẩn trương. Cả nước bước vào thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa, trước kia đánh Pháp bây giờ đuổi Nhật. Ở Hà Nội, bác sĩ Trần Văn Lai, thị trưởng thành phố của chính quyền Nhật dựng đã làm được hai việc đáng kể, là huy động người phá bỏ các tượng đài “kể công” của thực dân Pháp - riêng tượng nhà bác học Pát-xơ

và tên phố bác sĩ Yiêc-Sanh vẫn được giữ nguyên. Các tên phố và tên vườn hoa đều được đặt lại (Bác sĩ Trần Văn Lai, một trí thức yêu nước, sau 1954 Hà Nội được giải phóng, bác sĩ là thành viên UBND và Ủy ban MTTQ thành phố).

Sau đó, hơn một năm đầu Hà Nội tổng khởi nghĩa (19/9/1945-19/12/1946), chính quyền cũng đã đặt lại một số tên phố, chủ yếu là xóa các tên vua quan nhà Nguyễn.

Rồi Hà Nội bước vào trường kỳ kháng chiến toàn quốc.

Tám năm Pháp chiếm lại Hà Nội (1947-1954), chính quyền thời ấy cũng chỉ đổi một số tên phố. Lập lại phố có tên vua nhà Nguyễn, như phố Gia Long và thêm mấy tên phố mới, như phố Mỹ Quốc (phố Tràng Thi), phố Anh Quốc (phố Tràng Tiền bây giờ), phố Pháp Quốc...

Từ 1954, khoảng 10 năm đầu (1954-1964) Sở văn hóa đã thành lập "Ban tên phố" giúp Sở đặt lại một số tên phố. Bỏ tên phố mang tên vua quan thời Nguyễn, đặt mới một số tên phố tượng trưng truyền thống, sự kiện lịch sử và cách mạng (các phố và đường Hùng Vương, Trần Phú, Hoàng Văn Thụ, Bắc Sơn, Điện Biên Phủ...). Ngoài ra, hầu hết những phố khác vẫn là tên phố từ tháng ba 1945 của bác sĩ Trần Văn Lai.

Lấy tên quảng trường Ba Đình làm ví dụ. Thời Pháp đường Điện Biên Phủ ngày nay mang tên linh mục Puy-gi-ni-ê. Cuối đường có một bãi trống là piaoăng (point: điểm bắt đầu phố) Puy-gi-ni-ê. Sau đảo chính 9-3-1945 chỗ ấy được bác sĩ Trần Văn Lai đặt tên là quảng trường Ba Đình.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, báo chí và đài phát thanh đã loan tin đi các nước và thế giới sự kiện vĩ đại: ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt quốc dân giữa cuộc mít tinh toàn thành ở quảng trường Ba Đình được đổi tên mới là quảng trường Độc Lập. Pháp chiếm lại Hà Nội đổi là quảng trường Hồng Bàng. Năm 1954 thành phố lấy lại tên là quảng trường Ba Đình dựa trên thực tế là tên quảng trường Ba Đình với ngày Quốc khánh 2-9 đầu tiên đã thành sự kiện lịch sử được phổ biến trong nước, ngoài nước từ những ngày đầu cách mạng và kháng chiến.

Hai chữ Ba Đình - tên một chiến khu ở Nga Sơn (Thanh Hóa) của Đình Công Tráng và các chiến hữu của ông chồng Pháp năm 1886 - trở thành tên một quảng trường trung tâm Hà Nội, đã biểu hiện một phần quá trình và đặc điểm của vấn đề đặt tên phố thủ đô. Có người không hiểu "sự tích" đoán chỗ ấy ngày trước có ba ngôi đình, nên được đặt tên là Ba Đình!

\*

Trên 40 năm đã qua, các tên phố Hà Nội đã có một số thay đổi, vẽ nên bước hình thành của lịch sử và sự phát triển ở Hà Nội và cả nước. Nhưng thật ra, từ sau lần thay đổi đầu tiên năm 1945, về sau và cho tới bây giờ, lần nào cũng chỉ là đòi chỗ sửa chữa - chứ thực sự chưa khi nào được xem xét tường tận để làm cho tên các đường phố Hà Nội thực sự chính xác, hoàn chỉnh đủ giá trị sánh kịp với đổi thay và lịch sử.

Tên phố Hà Nội hiện nay dường như thế nào? Có thể nói ngoài phần tên phố ghi lại Hà Nội xưa bằng tên các đền chùa phố phường, nghề nghiệp cũng như phản ánh từ thời truyền thuyết lịch sử các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần rồi đến thời Pháp, xuất hiện các phong trào văn thân yêu nước, những tên phố qua các thời kỳ trên, đều là những địa danh, những nhân vật, những sự kiện đáng kính và tấm gương, nhưng nếu so chung với chiều dài lịch sử cho đến tận hôm nay và nhiệm vụ giáo dục bằng tên phố, thì các tên phố ở Hà Nội còn so le, còn chênh lệch trước thực tế qua từng giai đoạn.

Hà Nội mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc (1946-1954) thế mà chỉ có tên đặt cạnh một cái chợ, là chợ "19-12", cái chợ xếp cạnh tòa án thành phố, mà người ta gọi tên lóng là "chợ Âm Phủ" (Bởi vì ở đây thời Pháp tạm chiến là bãi tha ma chôn xác những người vô thừa nhận). Với cả nước, cuộc kháng chiến chống Pháp chỉ có mỗi một tên đường (Điện Biên Phủ). Các chiến công thời chống Mỹ chưa được nhớ lại bằng một tên phố nào. Hình ảnh cuộc chiến chống Mỹ của cả nước cũng mới chỉ được một tên đường: đường Giải Phóng - mà người ta có thể hiểu được khi liên hệ thêm thực tế, chữ riêng hai chữ "giải phóng" thì chỉ có nghĩa chung. Không một phố, một đường, một vườn hoa nào ghi nhớ các thời kỳ lịch sử sau 1930, từ khi Đảng ra đời. Còn các sự tích trước kia thì quá nhiều, đã có đường Hoàng Hoa Thám lại có thêm ngõ Yên Thế, có đường Nguyễn Thái Học lại còn phố Yên Bái...





Các phố mang tên những nhân vật thời kỳ cận đại, cũng là cần, nhưng có những tên phố mang tên các nhân vật rất ít tác dụng gợi nhớ: Ấu Triệu, Cao Đạt, Cao Thắng, Lữ Gia, Khúc Hạo, Lê Thạch, Lê Văn Linh, Đoàn Nhữ Hài, Lý Đạo Thành, Nguyễn Phạm Tuân, Triệu Quốc Đạt...

Nếu thêm một so sánh trong phạm vi mà tôi có am hiểu. Những phố lớn và nhỏ được đặt tên các danh nhân văn học: Lê Quý Đôn, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Nguyễn Huy Tự, Lý Văn Phức, Trần Tế Xương, Tản Đà... đều được đặt từ 1945 và do sáng kiến của bác sĩ Trần Văn Lai. Bác sĩ là một nhà khoa học nhưng am hiểu và yêu quý văn học. Những tình cảm và sự quan tâm của Trần Văn Lai chỉ dừng lại ở Tản Đà và thời kỳ văn thân mà thôi.

Bây giờ, ngót nửa thế kỷ đã qua, đất nước trải qua những bước ngoặt lớn, đã có biết bao tinh hoa các ngành, từ chính trị, quân sự, khoa học đến văn học, nghệ thuật. Để kéo dài sự đứt đoạn như trên ở các tên phố, sự hiểu biết và tác dụng giáo dục hằng ngày ảnh hưởng tới tâm tư người thành phố, là một thiếu sót không nên để tồn tại lâu hơn.

Tên phố Hà Nội phản ánh toàn bộ lịch sử và truyền thống các thời kỳ, các thế kỷ trước, và những giai đoạn cách mạng cận đại cho tới nay chưa được xuất hiện đầy đủ. Lần đổi đầu tiên sau tháng ba 1945 vẫn còn so le với ngày nay.

Hơn nữa, quanh vấn đề tên phố ở Hà Nội, còn có những mặt khác phải quan tâm.

Nhiều phố vẫn giữ tên bằng con số như thời Pháp (phố 215 chẳng hạn). Ít người biết là ngày ấy người Pháp lấy con số làm tên phố, chỉ vì phố mới quá chưa được đặt tên, chứ không phải con số là tên phố. Chẳng lẽ lại cứ giữ những con số chỉ đặt tạm từ thời Pháp.

Lại nhiều phố có tên không phân biệt nguồn gốc do người phố ấy tự đặt ra từ bao giờ như các phố, các ngõ An Sơn, Đống Tâm, Mai Hương, Tân Ấp, Thiên Hùng...

Có phố đáng lẽ dùng tên thông thường, dễ hiểu, lại vẫn theo như từ khi mới đặt: những Phù Đồng Thiên Vương, những Thái Tổ, Nhân Tông, Thánh Tông đáng lẽ nên gọi thẳng tên mới chính xác.

Còn có những phố, những ngõ nhỏ, ngõ Sơn Nam, ngõ Tân Hưng, dốc Tam Đa, bây giờ người ta có thể lăm chày là những kỷ niệm về trấn Sơn Nam, về một làng Hưng Thịnh nào đó, làng Tam Đa nào đó... nhưng cái gốc của các phố ngõ ấy chỉ là thế này: ngõ Sơn Nam là đây phố của nhà tư sản tên là Bạch Sơn Nam, ngõ Tân Hưng là phố của ông Chấn Hưng chủ hiệu vàng bạc “nhà đồ” Phạm Chấn Hưng, còn dốc Tam Đa là vì ngày trước ở cuối dốc trên đường Thành xuống ven hồ Tây có nhà Ích Phong làm dấu cù là, trước cổng có tượng tam đa: Phúc, Lộc, Thọ (bây giờ không còn) nên người ta quen gọi là nhà Tam Đa và nay là dốc Tam Đa. Thế thôi.

Thành phố cần có tên thống nhất gọi là phố, là đường, là ngõ (hẻm)... Đường phố Hà Nội trước kia được phân

biệt: phố: đường hai bên có nhà ở, cửa hàng; đại lộ: có vỉa hè rộng, cây to giao cảnh (đại lộ Găm-bét-ta - phố Trần Hưng Đạo bây giờ); đường: đường dẫn ra ngoài thành phố (đường Huế, phố Huế bây giờ - cuối phố là đã sang huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông); phố nhỏ, phố ngách cạnh lớn: ngõ: phố nhỏ chỉ có lối vào, không thông ra phố khác gọi là ngõ 1, ngõ 2 của phố lớn ở ngoài (hoặc gọi là hẻm, ở Sài Gòn)... Chúng ta có thể tham khảo cách ghi trên trong khi định lại lối gọi của ta không để lộn xộn như hiện nay, ngõ hẻm, ngõ cụt cũng gọi là phố, lại có nơi dịch chữ xi-tê (cité) là xóm, cho nên giữa thành phố mới có xóm Hà Hồi (ngày trước đây là xi-tê Giô-rê-ghi-be-ry).

Hiện nay, thành phố đang mở thêm nhiều khu vực mới. Các huyện ngoại thành và những xã, thị trấn, huyện lỵ đang trở thành những phường phố vệ tinh của Hà Nội. Thị trấn Cầu Giấy, thị trấn Thanh Xuân, thị trấn Nghĩa Đô nhiều khu nhà mới chưa được đặt tên phố, không có số nhà hoặc số nhà đặt ngược xuôi tùy tiện. Trương Định, Kim Giang, Giảng Võ, Thành Công, Trung Tự, Kim Liên... chỉ là tên khu vực, mỗi khu vực đang cần có tên đường, tên khối nhà. Câu tục ngữ mới hiện nay “đường không tên nhà không số” có ý chế giễu cái Hà Nội không Hà Nội hiện nay. Ở mỗi khu vực, mỗi khối nhà các khu tập thể, các đường đặt tên danh nhân thắng cảnh địa điểm lịch sử hay tên đặt tạm bằng con số 1, 2, 3... thế nào tùy theo thuận tiện, nhưng cần làm ngay.

Vấn đề tên phố còn liên quan nhiều mặt cụ thể của vẻ đẹp thành phố. Không thể để cái biển phò lệch lạc, méo mó, đóng đinh vào thân cây, vào cọc, chỗ cao chỗ thấp không nhất định hoặc cả quãng dài không có biển, mặt biển. Không thể trước cửa mỗi nhà tùy tiện phết phẩm xanh đỏ ngồn nghèo viết số nhà to, bé và trái ngược nhau - biển số nhà của thành phố Hải Phòng thông nhất và đẹp mắt hơn Hà Nội nhiều. Không thể để khỏi nhà, tầng nhà đánh số linh tinh vào chỗ nào cũng được hoặc không có số. Và tên phố không nên in kiểu chữ cầu kỳ, khó đọc, cũng không được viết tên phố sai. Có tên phố viết sai khiến người đọc sai rồi không sửa được. Phố Quán Thánh (quán Trấn Vũ có tượng ông thánh đồng đen) gọi nhầm là phố Quan Thánh không có nghĩa. Vừa qua, vài tên phố được sửa đúng, nhưng vẫn còn: Tạ Hiện (thành Tạ Hiện), Đỗ Hành (thành Đỗ Hạnh), Hà Hồi (thành Hạ Hồi)... Và có người bây giờ vẫn gọi hồ Thuyền Quang là hồ Ha Le - tên một đốc lý Pháp ngày trước!

Vấn đề tên phố không chỉ là việc đặt ra mỗi khi có việc phải bàn về tên phố, mà đây là công việc của một tổ chức có nhiệm vụ rõ ràng và hoạt động thường xuyên. Tổ chức này gồm những người trong các ngành nghề hiểu biết về Hà Nội, đề xuất được các vấn đề như đặt tên phố, tên công viên ở nội ngoại thành và theo dõi mọi việc chỉnh đốn hình thức về tên phố và số nhà.

Nếu không sẽ dễ xảy ra như đã xảy ra những tên đường, tên phố lạc lõng. Chẳng có lý do gì mà đoạn đường từ chợ Bưởi đến dốc Nhật Tân thật dài lại được tên truyền thuyết Lạc Long Quân. Đường Bưởi trở xuống Cầu Giấy không một chút nào dính đến vùng Bưởi. Và đường Thụy Khuê tự dưng lại chạy qua ba làng làm nghề giấy vùng Bưởi.

Tên phố là hình ảnh lịch sử, truyền thống và văn hóa, là mỹ quan bộ mặt của thành phố - góp phần giáo dục sâu rộng nếp sống và tinh thần con người ở Hà Nội.

1980

# Vườn và hoa

Vườn và hoa, thủ tạo nhà đã bao đời thành nền nếp trong sinh hoạt mỗi người.

Văn hiến, văn minh, văn hóa dân tộc, trong đó có ý thức cảm thụ cái đẹp trời đất khiến cho cuộc sống con người lao động xưa kia dù lam than tới đâu cũng vẫn đáng yêu và vì thế có thêm sức mạnh chống chọi với mọi tai ách. lòng cho ý nghĩa đời người càng cao đẹp trong thời đại.

Trên cửa nhà khu tập thể, ở đường phố, ở lối đầu xóm, buồng xuống nhành phong lan, khóm vạn niên thanh. cây ớt quả tròn quả dài đỏ lù, cây mào gà tím, cây ngọc lan... Chật chội hay thoáng đãng, những điểm xuyết ấy làm cảnh có duyên hơn.

Vườn hoa, luống hoa, cây cỏ hoa lá hòa quyện vào kiến trúc xây dựng mới, không thể thiếu. Trước cổng doanh trại quân đội, nhà máy, cửa trụ sở, quanh nhà bia và nghĩa trang, sân bệnh viện, trường học, cung văn hóa... Hải Phòng, Hà Nội, Thanh Hóa, ở tỉnh lỵ, các thị trấn, huyện - cơ sở mỗi vùng sản xuất tập trung, đang xây dựng, đều mọc lên những vườn hoa, vườn cây, một nét hợp cảnh trí.

Vườn hoa là bài thơ cuộc sống.

Trên thế giới, những vườn hoa công cộng ở các thành phố, thông thường có ba loại.

Công viên kiểu Pháp: Những vườn hoa ngang dọc đều đặn, từ hòn sỏi đến tảng đá cũng đẽo bằng mặt, ngay ngắn. Bãi cỏ, hàng cây được húi tía gọt tròn gọt vuông hình quả trám, hình thước thợ, nhẵn nhụi, cẩn thận. Nhiều phố ở Bâ-y-rút (Li-Băng), ở Đa-mát (Xy-ri) những nơi thuộc Pháp trước, suốt đại lộ có hàng đại thụ cao to mà cành lá tía vuông lên tận ngọn như tòa nhà nhiều tầng.

Vườn kiểu Pháp rõ ràng góc cạnh và hoa cỏ đậm vẻ màu sắc.

Công viên kiểu Anh lại khác. Cây cối rườm rà không xén cắt, lối đi khắp khênh, gồ ghề. Nhưng trong cái luộm thuộm, bối rối bề ngoài ấy có lẽ lối của nó. Vườn kiểu Anh kiểu Mỹ chú trọng tự nhiên. Cầu gỗ cây trên dòng nước chảy trong suốt (suối giả) không có ống phun như vườn Pháp. Tầng trệt các khách sạn đều có suối chảy, thông reo - cây và nước. Khách sạn Thăng Lợi, công trình của kiến

trúc sư Cu Ba, ảnh hưởng của kiến trúc Mỹ, cả gian đầu có cầu gỗ trên dòng nước chảy và những khóm tre đằng ngà.

Công viên kiểu Nhật Bản là cảnh sơn thủy hữu tình thu nhỏ. Đường thoai thoải, trái cát mịn, sỏi, đất thô quanh co, bãi cỏ nghi chân. Nhà thủy tạ bên kia dòng nước trong vắt. Tầng đá. Góc tùng. Đãng xa, mái hiên nhô ra dưới khóm anh đào.

Công viên của ta - riêng một số công viên ở Hà Nội, tới bây giờ, vẫn phảng phất lại công viên Pháp. Cũng dễ hiểu, nếu chúng ta nhớ công viên Chí Linh trước kia là vườn hoa Pôn Be, nó ra đời nửa cuối thế kỷ trước, khi Hà Nội mới có bốn tòa nhà đầu tiên của Pháp (nhà Thị chính, nhà Kho bạc, nhà Bưu điện, dinh Thống sứ), khu vườn hoa được đưa vào giữa. Cái “nhà kèn” mái cong - người viết bài này đã trông thấy từ thuở nhỏ, bây giờ vẫn cái nhà kiểu ấy với những cây bàng, cây đa, cây nghiêng cổ thụ. Chỉ thêm trong thời Nhật, Tây làm hầm chạy máy bay đồng minh, xây một thành bệ cao chắn giữa (bây giờ ta trồng cây uốn hình hươu nai đứng trên) và chỉ khác có cái tượng toàn quyền Pôn Be đã bị người Hà Nội kéo đổ từ tháng năm 1945.

Hầu hết các giống hoa và cây cỏ nước ngoài bây giờ ta vẫn trồng ở công viên được người làm công ty công viên gọi theo hình dáng hoặc gọi thẳng tên gốc, không có nghĩa tiếng Việt: những hoa loa kèn, bóng nước, môm chó, hoa giấy, hoa đồng tiền, hoa lay ơn, vi-ô-lét, păng-xê, lép-dê, cây lá dấm, cây lá đuôi lợn... Các loại hoa của ta chưa



thấy có mấy ở vườn hoa công cộng mà phần nhiều chỉ có ở thổ hoa của các bà bán hoa cúng: hoa đơn đỏ, móng rồng, mộc, nhài, ngâu, sồi, hồng ta, huệ... bây giờ hoa cúng thêm cả hoa phượng, hoa hồng bụi, có lẽ vì hoa màu đỏ và có thể là cũng vì chẳng mấy ai biết hoa Tày, hoa ta, hoa cúng xưa thế nào.

\*

Công viên Pháp, Anh, Nhật là những vườn hoa đẹp đã phổ biến thành mẫu cho thế giới. Ở Tân Đê-li (Ấn Độ), Bát Đa (I-Rắc) cũng có vườn hoa Nhật. Cái đẹp vườn hoa ấy góp vào vốn chung của nghệ thuật loài người.

Một điều không thể thiếu và quan trọng hơn, đây là phục hồi và sáng tạo những vườn hoa cốt cách Việt Nam. Các vườn hoa nước ngoài đều có thể xem xét đến và mọi loài hoa nhập nội thích hợp với thổ ta đều được yêu thích, nhưng trước nhất cần phát huy phong cách vườn hoa mình. Bởi đã có những vườn hoa Việt Nam, kiểu Việt Nam. Vườn và hoa xưa nay đã là một nét của đời sống văn hóa văn minh dân tộc:

Đối với chúng ta, ý nghĩa cao đẹp nhất, khi bước chân tới vườn hoa, con người giữa cây cỏ, hoa lá và thiên nhiên, càng cảm thấy thiết tha tình cảm với dĩ vãng, với hôm nay và ngày mai.

Xưa kia, những người khéo tay, những thợ giỏi cả nước đã dày công làm nên những ngự uyển của các triều đại Lý, Trần, Lê. Ở Thăng Long đã có những hoa viên, vườn

ngự cả góc kinh thành tráng lệ từ vùng Văn Miếu ra đến bờ sông Hồng mà Hồ Tây là gương nước giữa cảnh đẹp ngự uyển, bao quanh những vườn bàng Yên Thái, đài Cửu Trùng Thủy Chương, những lăng tạ chùa chiền ở Nghi Tàm, những cung cấm miếu mạo và bờ trúc ở Trúc Yên...

Mọi người Việt Nam, trong con mắt, tình cảm và tâm hồn, mọi hoạt động đời sống đều quyện với hình ảnh thiên nhiên đất nước. Cây đa, cây si, cây muôm xòe bóng mát cho người nghỉ chân đầu làng. Cây đề, cây trôi, cây gạo hiên ngang bên quán giữa đồng. Mỗi người đều tự nhiên tưởng như đã từ trong vui buồn kỷ niệm của đời mình mà có quang cảnh ấy. Cái cây ở quê nhà sao mà đầm ấm, mà thiết tha. Cây cối dù đẹp, dù lạ gặp ở nơi khác đất nước, không thấy để lại mấy nghĩ ngợi. Chỉ vì nó xa xôi với tâm tình và kỷ niệm cuộc sống của ta. Ngồi tàu hỏa, mới về đến Đông Đăng, thấy những rặng tre là đã bồi hồi rồi.

Cây đại, cây đa cửa miếu, cổng đình ngày trước khiến người đi qua các bia đá có hai chữ "hà mã" cảm thấy nơi này uy nghiêm. Bụi sỏi, và cây mọc già sau cái gai bể nước mưa ở nhà hậu chùa, thoảng thơm lẫn mùi đất ẩm, đem lại cảm tưởng im ắng. Có người, có cây, có hoa. Với người, cây cỏ và hoa thơm đã vào ca dao và bóng dáng nó đã nên thơ, đã là thơ.

Khoảng sân nhỏ bên kia giậu, dưới giàn thiên lý nhấp nhô cụm hồng bạch, cây lựu, bụi thài lài tía, lá lười hổ, cây đơn trắng - vừa làm cảnh lại vừa là cây thuốc.

Vườn Việt Nam đậm đà cây cỏ thổ ngơi nhiệt đới. Vào công viên giữa thành phố dù chung quanh tấp nập đến đâu, cũng được thấy như đang trong vùng tươi xanh đất nước, gặp ở đây, đã quen ở đâu, có lẽ từ tuổi thơ, từ trong câu chuyện hoa ngọc lan bà kể thuở bé - phảng phất tâm hồn, nền nếp con người.

Đường từ Đôn Chương và Pắc Pó (bây giờ được trồng nhiều cây, phần lớn là cây phượng (tùy từng vùng, cây phượng có tên gọi khác nhau: phượng vĩ, xoan tây, “cà phê”, “me tây”). Có lẽ người trồng cây ở huyện Hà Quảng nghĩ cây phượng có hoa đỏ, hợp màu kính yêu đối với đất gốc cách mạng. Nhưng có những việc nên bàn, bên cạnh những màu sắc. Ngày trước ở các trại lính tráng thời Pháp thường trồng cây “me tây”, dây hoa giấy tím, hoa ớt vàng da cam, hoa diêng đại đỏ chói... Đây là hoa và cây nước ngoài. Với những người đứng tuổi, những màu hoa ấy, còn gợi trong lòng những hình ảnh ám đạm.

Cây của ta có nhiều giống cây hoa đỏ, hoa tím đẹp. Cây vòng hình lực lưỡng, hoa dày và đỏ thắm. Tục ngữ có câu: đỏ như hoa vòng... Có bảy cây lộc vừng (cổ thụ) cứ vào đầu mùa hạ là hoa buông xuống một góc hồ Hoàn Kiếm như những lẳng đèn lông màu đỏ hây diu diu. Và những rừng hoa phách, hoa ban, hoa bằng lăng tím.

Ở ngay Hà Quảng, biết bao cây với cổ thụ hoa trắng, cây vòng hoa đỏ, cây phách, cây ban nên được trồng suốt dọc đường như rừng cây cạnh những nhịp cầu mái ngói lợp bắc qua suối Pắc Bó.

Đường bên suối, qua chân núi, về phải khác đường thành phố. Không nên bẻ cây gì cắm cây ấy, thấy phi lao bạch đàn, xà xừ, tai tượng giống khòe thì trồng cho đỡ công, ở công viên, ở nghĩa trang như ở quảng đường kẻ trên và như đã rồi mắt ở nhiều nơi, kể cả một vùng cây vườn hồ Bảy Mẫu, vườn Văn Miếu bây giờ cây mọc linh tinh, chỉ cốt cây dễ trồng, không quan tâm đến ý nghĩa và cái vẻ đẹp truyền thống của cây.

*Vườn hoa Việt Nam có cây, có nhiều cây*

Trồng cây cho có bóng mát là phong tục lâu đời. Công viên của ta không phải công viên Tây chỉ có hoa luống, hoa vụ theo mùa. Công viên Việt Nam còn có hoa dàn, hoa leo và nhiều cây đại thụ, nhiều cây hoa. Xưa nay, quanh nhà thường trồng cây ăn quả vững chắc, nhà ngói cây mít... Bất cứ đâu có nhà hay cái cầu cái quán, giữa đồng, cũng đều có cây bên cạnh. Thói quen đẹp đẽ ấy phải được giữ gìn phát huy.

Chúng ta thấu hiểu được ý nghĩa vườn và hoa, cây trồng đời này tỏa bóng cho đời khác - phong tục quý báu của lối sống và văn hóa Việt Nam.

Cây vườn hoa không phải như núi non bộ, cây cảnh gò uốn mà đây là cây cỏ đời sống tự nhiên của thảo mộc. Đây là cái đẹp của những thân cây cổ quái cây đại, cây đào, cây mai; những cây si, cây sanh buông rủ chùm, những bụi cây lựu đỏ tía, những bành vè cây sấu, những rễ cây đa lượn sóng quanh gốc... Hàng cây dầu nước, chò nâu, chò chi,

cây ban, cây bằng lăng trên đường. Một góc trồng các giống tre trúc đẹp thành bờ giậu trong vườn hoa tạo thành những nét thanh thoát, đơn sơ.

*Bãi cỏ và đầm hồ trong vườn hoa Việt Nam cũng là một vẻ đẹp của đất nước.* Trên quảng trường trước lăng Bác Hồ, xanh xanh những ô cỏ vuông vức hàng cây vạn tuế hai bên cánh lăng đơm màu quen thuộc thành kính. Không phải vườn hoa của ta chỉ những viên cỏ cắt xén tùn mùn, những vệt cỏ, thậm chí kiểu cỏ ấy xa lạ với ta, mà vườn hoa Việt Nam có những bãi cỏ lớn, phẳng để ngồi chơi, để làm nơi hội họp, mít tinh, ngày hội... Như những ô cỏ tóc tiên trước lăng Bác Hồ.

Và trong vườn của ta có những đầm nước như ao làng đầu đình, đầu làng nào cũng có, thật quen thuộc và tiện lợi như những hồ nước trong nhiều công viên ở Hà Nội, ở thị xã Hải Dương và Nam Định bây giờ. Vì vậy, không phải cứ trồng cỏ nào ven bờ nước cũng được, mà phải kén. Cỏ xước, cỏ mần trầu, cỏ gà, lá xác và thưa, nhưng cỏ ấu, cỏ tóc tiên lá xanh đậm, lèn đều, quanh năm mượt mà.

*Hoa và hương là một đặc điểm vườn hoa Việt Nam.* Cả những hoa đậm màu, nhạt hương như đào, mai, các loại cúc và trà, nhưng màu hoa và mùi hoa từ các loài khác nhau, bao giờ cũng làm cho khu vườn ngào ngạt ngây ngất. Vườn hoa ta có mùi hoa, "vườn hoa Tây" chỉ chú ý chuộng màu, màu sắc không chỉ lòe loẹt và trơ, kém ý nhị. Những luống hồng chen gốc đào, hoa ở vườn bát ngát tỏa hương, đẹp cả tới khi cánh hồng rụng cũng như tơ hương bay.

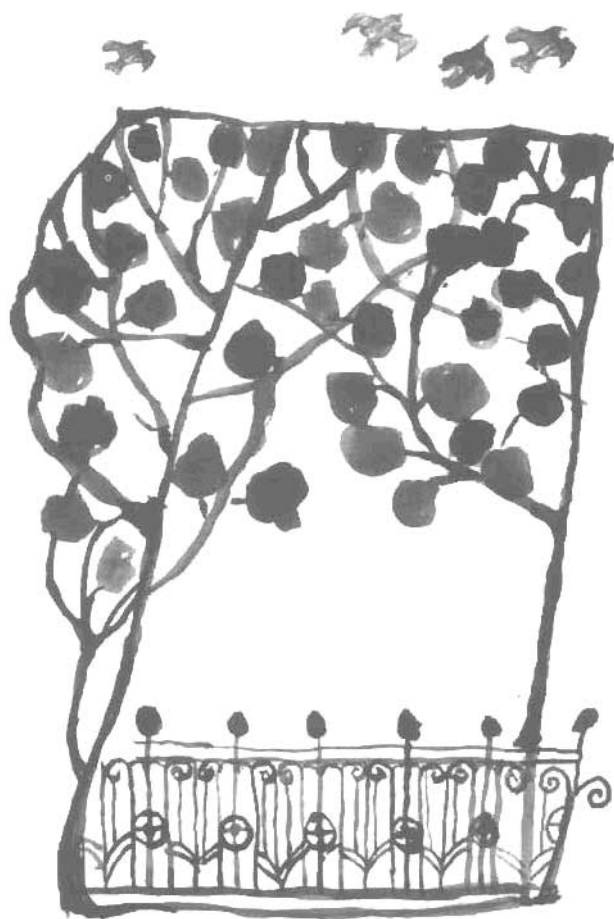
Dây móng rồng leo trên giậu trúc, hoa vàng, lá xanh, đẹp ý nhị hơn hoa li la. So với móng rồng thì li la như loại cúc tần. Những dàn thiên lý hoa mọc lấm tấm trắng, hoa ngâu lấm tấm vàng. Hoa ngâu, hoa lan tới độ chín đứng gần chỉ thoang thoảng thể mà đặng cuối gió vẫn sực nức mùi hoa, mát cả ánh trăng đêm hè. Hoa sói thơm ngọt, hoa nhài thơm gợi gợi. Vườn hoa Việt Nam vô vàn mùi hoa quện lại, bòn mùa thơm.

Không chỉ những công viên to lớn ở nơi vui chơi, nơi công cộng mà một cái cây trồng cạnh trụ sở ủy ban xã, một luống hoa trước nghĩa trang cũng đượm nét tinh tế, đậm đà của cây và hoa, mùi màu, hình bóng con người Việt Nam.

Cơ quan, công xưởng, trường học, khu tập thể xây dựng ngày một nhiều. Trao đổi ý kiến về những nét đẹp trong công trường cả nước không phải chuyện chốc lát mà phải có thì giờ. Trong trường hợp ấy nếu làm không đẹp, không hay thì khoảng cách thời gian uống phí còn lâu mới bắt kịp được. Khi những công trình thế kỷ để lại nhiều đời thì cây cối, hoa cỏ cũng dài lâu như thế, hơn thế.

Nhìn đâu cũng thấy những ví dụ sinh động và đáng yêu. Voi Phục, Chùa Láng, Văn Miếu ở Hà Nội cùng với bao nhiều di tích văn hóa ngày nay ở khắp mọi nơi, sâu sắc, chan hòa ý nghĩa cây hoa thiên nhiên với văn hóa và đời sống thành phố.

\*



Ở nước ta, phong tục trồng cây, chơi cây có từ rất xa xưa. Trồng cây và làm vườn hoa hôm nay là sự phát triển hài hòa tinh hoa dân tộc và hiện đại trong nghệ thuật này qua các đời. Người Việt Nam vốn yêu màu hoa đẹp và quý mùi hoa thơm: màu hoa trà, màu hoa đơn trắng, đơn đỏ; mùi hoa lý, hoa mộc kín đáo. Một gốc thiên tuế, một bụi trúc lơ thơ...

Từ Thăng Long, Đông Đô, những ngự uyển thời Lý, vẫn còn tên trong sử sách: vườn bàng Yên Thái. Và dọc Kỳ sự lên kinh ta còn được cùng cụ Lân Ông dạo vườn hoa quanh hồ Gươm trong phủ chúa Trịnh.

Vườn và cây, thú chơi tao nhã cũng đã thành thói tục mọi nơi, cả trong nhà, trong làng, ngoài phố xá. Vào vườn chùa, nơi đến vừa trang nghiêm, vừa thoải mái quen thuộc như thế khi thấy gốc cau bên bể nước mưa, những cây trồng từ đời trước, cây muôm, cây gạo, cây đa...

Thường mỗi nhà, trong làng hay ngoài phố vẫn có thói quen có điều kiện hay phải tạo ra điều kiện, người ta chăm chút chậu cúc chi, cảnh hoa giấy, khóm nhài, một giàn kim anh, có khi cả cây ốt hay là một giàn gác mà mùa đông tới, quả chín như chấm hồng buông lơ lửng.

Ở thành phố, lắm khi nhìn lên hai bên hiên và tường gác mỗi nhà, thấy như một dãy vườn hoa treo. Một nền nếp văn hóa, và nghệ thuật trong sinh hoạt con người.

Chơi hoa, chơi cây, phong tục lâu đời ở nước ta và riêng Hà Nội càng đậm đà thú chơi tao nhã, phong lưu. Những hội thi cây uôn ở làng Hồ Khẩu và một số làng ven Hồ



Tây từ xưa đã có. Những tên đường, tên phường, tên trại, tên hồ đền nay vẫn còn gọi: Liễu Giai (đường Liễu), Hòe Nhại (đường Hòe) và trại Hàng Hoa, ngô hồ Liên Hoa, phố Liên Trì...



Về đẹp vườn và cây của dân tộc trên bước đường xây dựng và phát triển bao giờ cũng trộn lẫn giao lưu qua lại của các nền văn hóa khác nhau. Như ở Việt Nam, chúng ta được ảnh hưởng quang cảnh nghệ thuật và vườn cây của Trung Quốc, của Nhật Bản và của Pháp, tất cả đã Việt hóa, đã được bổ sung sắc thái Việt Nam.

Khi Pháp chiếm đất nước ta, Hà Nội thành thủ đô năm xứ Đông Pháp, nơi đầu não chính trị của người Pháp, thì Hà Nội như Huế và Sài Gòn, những trung tâm chính trị và văn hóa lớn cũng có những rập khuôn, nơi riêng về cây, về vườn hoa cây cảnh theo phong hóa, tập tục Pháp.

Dẫn dắt, lời trồng cây, làm công viên Pháp lấn át cây và vườn kiểu ta. Sở Ươm Cây ở Hà Nội chuyên lo các cây hoa giống nhập nội. Thú chơi cây của ta lặng lẽ rút lui vào trong nhà, trước sân, quanh hòn non bộ, ở vườn đến, cúc vạn thọ, sồi, ngâu, đơn đỏ, hoa hồng ta để bán làm hoa cung. Ngày trước, chưa mấy người chơi hoa tết, hoa cưới, hoa sinh nhật nhiều như bây giờ.

Với những cây hoa ta đương có cùng với tài ông cha ta đã biết thưởng thức, cùng với nghề nghiệp của nhiều lớp người làm vườn lão luyện các sở Ươm Cây truyền lại, với

các nhà chuyên môn có nghiệp vụ cao trong nghề hoa đi học ở nước ngoài về, chúng ta làm cho tốt đẹp hơn, ý nghĩa hơn thú chơi trang nhā này, sau cùng là làm thế nào tạo ra được phong cách công viên Việt Nam. Biết đâu một ngày kia, cây và hoa ở công viên Việt Nam lại chẳng được vị trí đẹp đẽ như công viên và cây kiểu Pháp, kiểu Nhật trên thế giới.

Nhưng chúng ta phải am tường nguồn gốc về cây, về vườn có một trình độ lý luận về vườn và cây Việt Nam, để có thể có được hiểu biết thấu đáo khi cải tiến và phát triển. Không phải mỗi lúc mà được, cây hoa loa kèn đã thích hợp thổ ngơi ta trồng được, nhưng hoa mộc, hoa nhài, hoa sứ thì chưa cách nào ươm và trồng cả nghìn cây được.

Rõ ràng, mọi công việc về vườn và cây được chỉnh đốn lại với nhận thức về cái đẹp mới và cái đẹp truyền thống, cây và hoa ở các thành phố lớn sẽ làm cho thành phố được khoác lên những trang phục chỉ nơi đô hội ấy, chỉ Hà Nội và thành phố ở Việt Nam mới có, mới được thưởng thức và ai ở xa đến cũng không bao giờ quên cây và hoa của đất nước, do nhập nội, do riêng địa phương có, hoa trà, hoa lý cũng như lay ơn, păng-xê...

Và trên thế giới sẽ có hoa và có cây Việt Nam, có công viên Việt Nam đẹp ở nước ta và công viên Việt Nam ở các nước. Ước ao trên có cơ sở thực tế, bởi truyền thống của cha ông ta về vườn hoa cây cảnh, bởi ta đương có những cán bộ trình độ nghiệp vụ, những người nghề vườn, nghề cây đã nhiều đời ở thành phố.

Vườn hoa và cây Việt Nam thế nào? Công viên Việt Nam là những kiểu vườn đã có màu đẹp hợp mắt, lại có mùi thơm ngan ngát, thơm nồng nàn, thơm thoảng khác với công viên kiểu Pháp chỉ chú trọng có màu, như nhiều công viên ta đương còn chịu ảnh hưởng. Làm thế nào cho khách đến thăm thành phố, cảm nhận được hứng thú hôm nay và những kỷ niệm, nhớ những đêm hè mùi hoa nhài, hoa lan, hoa mộc vườn chùa, giàn lý trước ngõ cùng một tường hoa móng rồng thơm đậm đầu nhà và mãi mãi màu hoa trà đỏ tươi với hoa đào, bích đào phai ngày Tết. Màu và mùi là vườn hoa Việt Nam, hoa trồng bụi, trồng khóm, hoa treo, hoa giàn, hoa cây là cảnh vườn Việt Nam. Bờ rào và giàn hoa, và tường hoa với đôi ba mặt đầm hồ xinh xinh, đây là đặc điểm công viên Việt Nam màu sắc cùng hương thơm hoa lá.

Và vẻ đẹp về con đường, đường nơi đó hội của ta thường trồng một thứ cây. Thăng Long có đường Hòe, đường Liễu, Hà Nội bây giờ có đường cây sao Lò Đúc, cây cơm nguội Lý Thường Kiệt, đường bằng lăng trên nhiều phố nhỏ và đường cây ban, hoa ngọc lan bờ hồ Tây.

Vườn hoa và cây, việc làm hôm nay và cho mai sau. Cây và hoa nên nếp cho đến mỗi nhà, trên bàn làm việc, chỗ trang trí hội trường, cây và hoa đặc sắc Việt Nam.

Ở phòng đợi sân bay Nội Bài có những chậu cây chà là đại, hết cây chà là ở sân bay thủ đô Angiê. Không thể nhìn được. Vừa rồi, văng cảnh chùa Tây Phương, qua bể nước

sân chùa, bờ tường trồng những khóm lá đuôi lươn, lá  
đốm. Hỏi nhà chùa có biết những cây ấy là cây Tày không?  
Sư cười, trả lời: “Chỉ biết những cây này khỏe dễ trồng.”  
Chùa chiến - những am thanh cảnh vắng từ ngàn xưa đã  
ngan ngát mùi hoa mộc, hoa ngâu, hoa móng rồng, nay chỉ  
nghĩ qua loa thể về hoa và cây, thì còn ra thể nào.

1981

# Làng xóm

Làng xóm - một đơn vị cộng đồng của xã hội các dân tộc sinh sống trên đất nước từ khi phát tích. Người ở đầu, đẩy thành làng xóm. Hai tiếng làng xóm, thân thiết suốt bao đời.

Điều kiện sản xuất đổi mới và mở rộng, đời sống công cộng phải thay đổi để có thể phục vụ được lợi ích cho xã hội. Một chậu hoa, một bể non bộ, một bờ trúc trong góc vườn, góc sân từng nhà không phác họa hết được hình dáng quang cảnh làng xóm. Một xã, một thị trấn, bãi chiều bóng dẫu thôn, ao đình thành hồ bơi cạnh trụ sở ủy ban. Những cơ sở sinh hoạt và giải trí mới của làng xóm.

Những vấn đề như trên, những cái trước mắt. Một công trình làm không đúng sẽ tốn phí. Một vườn cây trồng

không thích hợp với khu văn hóa không phải mỗi chốc đã sửa lại được ngay.

Bởi vậy, không nên xem thường mà phải đặt vấn đề nghiêm túc và lâu dài về con người mới trong quang cảnh làng xóm.

Văn hóa dân tộc, từ nghìn xưa “*Nước ta khởi đầu từ Hùng Vương, đã thật văn minh, qua Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, đến nay...*” (Vũ Quỳnh 1453 - 1516) đời sống văn hóa, nói riêng về vật chất, xóm làng Việt Nam đã là một quy ước, một luật lệ, một tình cảm thành hình ảnh mà mỗi khi người ta nghĩ về làng xóm cũng có nghĩa là nghĩ về mình, về thân thể con người và đất nước quê hương.

Tình cảm con người đã in trong nếp nghĩ sâu xa cả hình bóng xóm làng vào tục ngữ, ca dao và thơ.

Hãy nhìn lại cuộc sông làng xóm ngày trước.

Tục ngữ (tức là người ta khẳng định) có câu: *Đất lề quê thói... Phép vua thua lệ làng... Làng trên chợ dưới... Quang cảnh làng xóm được quy định: Đất vua, chùa làng, phong cảnh bụi. Thần thánh, ma quý, chó đá canh nhà, ngựa đá canh cổng đến đã có chỗ nhất định: Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề. Chè độ cũng chỉ chỗ đứng chỗ ngồi cho người cùng đình bị lép vế: Áo the thâm đứng tựa cột đình.*

Và người ta mĩa mai, chế giễu những thói nát của xã hội ấy:

*Bụng lép vì đình  
Bụng phình vì chùa.*

Tâm sự và kỷ niệm đời người cũng đượm biết bao hình ảnh làng xóm.

Người chán đời, tự rẻ rúng thân mình, nghĩ:

*Vắng cô thì chợ vẫn đông.*

Cô gái dở than thân:

*Em như táo rụng sân đình.*

Mối tình đương say thì:

*Qua đình ghé nón trông đình*

*Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu.*

Nỗi ngao ngán trở về cảnh cũ:

*Trăm năm đành lỗi hẹn hò*

*Cây đa bên cũ con đò khác xưa.*

Và cả đến một quang cảnh dường như tình cờ cũng thành tên làng xóm trong nỗi nhớ:

*Gió đưa cành trúc la đà*

*Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương*

Xóm làng Việt Nam thời trước, cũng như con người Việt Nam thời ấy, đau khổ, quyết liệt, khát khao, đã khắc thành hình ảnh vào cuộc đời. Xóm làng đã hình thành trong cuộc sống con người. Văn hóa Việt Nam đã bao hàm những nét đặc sắc ấy.

Quang cảnh xóm làng ngày nay đang đổi mới. Chủ chốt trong xã hội mới, con người và làng xóm gắn bó, những cái chính yếu của thời đại.

Cái mới có thể gặp ở bất cứ đâu. Đến một làng vùng cao ở Việt Bắc, đầu làng có trường học, trụ sở ủy ban, những

hàng quán ở một chợ xép... Cuộc sống thành nếp đèn tạn chân rừng. Vào một làng miền xuôi, thấy trường học, trụ sở, thùng bưu điện, nghĩa trang liệt sĩ, nhà trẻ...

Tuy nhiên, dường như những cái đó mọc ra chỉ bởi tổ chức xã hội đòi hỏi phải có. Con người chưa ý thức đầy đủ được đây là những bằng chứng của nền văn hóa mới mà phải làm cho vẻ đẹp ấy khắc họa được ý nghĩa và hình ảnh vào cuộc sống. Không phải cứ đồ sộ tốn kém mới có được, mà vẻ đẹp ấy chủ yếu là mang được dáng nét lịch sử, cốt cách dân tộc và thích nghi, hòa hợp với đời sống hàng ngày. Một người nhớ lại nơi mình đã từng sinh sống để lại nhiều kỷ niệm, ngoài cái nghĩ về những người yêu thương, thì quang cảnh làng xóm phải đi sâu vào được tâm hồn người như thế nào, “mái đình, cây đa, bến nước...” của bây giờ là những gì?

Ở mỗi làng, thời trước, do hoàn cảnh sinh sống làm cho người ta tưởng như có thay đổi, khác nhau, nhưng xét kỹ thì đâu cũng tựa tựa nhau trong cách sắp xếp. Đại khái, nhà cửa giữa làng thì nhà giàu ở (địa chủ, quan lại, hương lý) hoặc trong một xóm thì nhà giàu có ở giữa, chung quanh xúm xít lều tranh vách nát như xóm Đông, xóm Mới, xóm Trại...

Làng xóm mới không như thế. Nhà nhà ở cùng một xóm lẫn lộn, hòa hợp. Nhiều nơi, những xóm trại, những xóm mới mọc ra ở ngoài lũy tre, ở đầu cánh đồng mà ngày trước chỉ là cái ổ nghèo khổ nhất “traí ở trại, gái hàng cơm” bây



giờ nhà mới mọc quanh làng và những xóm mới có mái  
ngói mới, tường hoa, cửa đắp hàng chữ số vui vui: 1976...  
1993...

Quang cảnh làng xóm cũ, đếm những nơi thờ tự, lễ bái,  
ở chỗ công cộng - những công trình sinh hoạt và văn hóa  
của thời trước, có:

- 1 - Đình (thờ thành hoàng làng).
- 2 - Chùa.
- 3 - Đền.
- 4 - Miếu.
- 5 - Văn chỉ.
- 6 - Ông Đổng (thần phù hộ cho khỏe chân đi đường).
- 7 - Tha ma.
- 8 - Chợ.
- 9 - Cổng đình, cổng chùa, cổng làng, cổng xóm, cổng  
đồng, cổng quán (*thường cũng là nơi ngồi chơi hoặc chỗ nghỉ  
chân giữa buổi làm*).
- 10 - Giếng đất, giếng khơi.
- 11 - Ao đình, ao chùa.
- 12 - Cây đa, cây đề (*nơi nhiều người qua lại có bóng mát*).
- 13 - Đường làng xóm lát gạch, đường đất.
- 14 - Bến dò...

Những hình thù làng mạc như trên, ở mỗi làng khắp  
đất nước, có khác nhau chi tiết (nhiều hơn, ít hơn hoặc có  
thêm một vài thứ) nhưng đều một ý nghĩa và giống nhau.

Cả đến nhiều vùng các tỉnh ở miền Nam ngày trước, còn hoang sơ như đất trại, ở vườn, ở dọc kênh rạch, mà cũng đã gặp cái có đình, cái miếu, bến nước. Vì vậy, mà nhớ mong, ước hẹn, lo lắng của con người thời ấy đều có bóng hình làng xóm cụ thể.

*Qua đình ghé nón... Cây đa bến cũ con đò...*

Hiện nay, cuộc sống tập thể với những sinh hoạt cộng đồng ngày càng phát triển. Một tổ chức và những phương tiện cho sinh hoạt xã hội càng mang ý nghĩa quan trọng đáp ứng và theo kịp đời sống.

Tôn trọng sắc thái dân tộc, tiếp thụ tinh thần cuộc sống làng xóm quần tụ, trên cơ sở ấy chúng ta đổi mới làng xóm trong nội dung và ý nghĩa từ trong mỗi nhà đến một tập thể xã, tập thể huyện kiểu mới. Nội dung hoạt động của làng xóm cũng không chỉ có cái đẹp cho từng nhà, mà cái đẹp của làng xóm, cái đẹp nơi cộng đồng có tầm quan trọng to lớn trong đời sống tinh thần và tâm thức mỗi người.

Ở đâu, những nơi sinh hoạt và vui chơi cộng đồng được khang trang, mỹ quan chứng tỏ đời sống làng mạc, phường phố ở đây tốt đẹp. Câu tục ngữ mới: *Sạch nhà đẹp phố. Sạch nhà đẹp ngõ...* Chính là miêu tả nội dung ấy của quang cảnh làng xóm phong lưu.

Những công trình cộng đồng của làng xóm, của thị trấn ngày nay phong phú và ý nghĩa khác hẳn làng xóm cũ bởi nó là tiện nghi và quyền lợi của kỳ hào hươu ly, quan lại, một số người nào đó.



Chăm sóc những công trình xây dựng, quy hoạch hóa và quy định ra từng khu vực cho có tổ chức, không rối mắt, thuận tiện và không lãng phí, đây là vấn đề của địa phương và các nhà chuyên môn. Ở đây chỉ trao đổi về ý thức đối với cái đẹp - có ý nghĩa tôn trọng, xây dựng nền nếp văn hóa trong một đời sống tốt đẹp, đời sống mới của xã hội.

Vào một làng, thấy phong quang, đầm ấm, cũng là thấy được cuộc sống làng xóm sung túc. Không phải chỉ nhiều nhà ngói, nhà mái bằng, mà làng xóm còn thấy ở con đường đá, đường gạch từ trục vào từng ngõ không lấy lợi, không rác rưởi ngập ngựa, còn thấy những hàng cây bóng mát, còn thấy cái cổng làng mới, còn thấy ở những bờ chuôm không lở sâu hoắm, ao không có rong rêu và bèo dại...

Có nơi, làng xóm hay phố xá, lắm khi trong nhà thì gọn gàng nhưng trước cửa, ngoài ngõ, đầu tường, cổng rãnh lại ngập ngựa, luộm thuộm, bẽ bộn. Ở ngoại thành, trên đường xóm, thường ghé mắt và tìm lợm những cái nhà vệ sinh che mảnh ngói ven đường, nhặng bay vù vù. Hiện tượng ấy chứng tỏ việc chăm sóc cho cái đẹp, cái sạch của cả xóm, cả làng, cả tập thể chưa thành thói quen, thành trách nhiệm của con người với xã hội.

Làng xóm ta vốn quen thuộc với cây cối, bây giờ lại càng nên có nhiều cây hơn trước.

Cây và nhà bắt cứ ở một công trình nào, trường học, nhà giữ trẻ, ngã ba đầu xóm, cổng làng, cổng đồng, trạm tưới tiêu nông giang nhất thiết có cây bóng mát, cây ăn quả.

Một cây đề, một cây đa, cây muỗm trồng bây giờ cho năm bảy trăm năm sau còn được bóng mát. Một bãi nhãn, một bãi vải đời đời vẫn được ăn quả. Các cụ ta xưa đã có công làm thế cho con cháu ngày nay.

Không trồng cây chỉ vì muốn nhanh chóng có màu xanh lên để có thành tích. Những phi lao, bạch đàn, xà cừ, mọc loạn xạ các nơi là lỗi trồng cây thiếu nghĩ xa. Ở vườn nghĩa trang liệt sĩ của xã, của huyện chỉ có trồng thông trang nhã và thiêng liêng. Những cây trổi, cây đại, cây si, cây đề, cây bàng, cây cổ thụ còn lại khắp các làng từ miệt vườn Nam Bộ tới trung du miền Bắc chứng tỏ ông cha ta có ý thức văn hóa trong việc trồng cây có ích, cây làm đẹp làng.

\*

Những công trình công cộng cho mọi mặt sinh hoạt của một xã, một thị trấn mới là:

- Trụ sở Ủy ban.
- Trường học.
- Nghĩa trang, nhà bia liệt sĩ.
- Nhà truyền thống (nếu địa phương có di tích lịch sử, cách mạng và kháng chiến, có truyền thống nghề nghiệp, có vết tích tội ác của giặc...)
- Di tích văn hóa, lịch sử (nếu có đình, chùa, miếu, gò đồng đã được hoặc chưa được xếp hạng di tích).
- Nhà truyền thanh, máy phát điện, máy xay, trạm nông giang, máy nước giếng khoan.

- Cột và mái cố định để dựng hoặc treo khẩu hiệu, các bảng thông tin.

- Sân bóng, bãi vận động thể thao, bãi chiếu bóng.

- Câu lạc bộ, thư viện.

- Hồ bơi.

- Nhà giữ trẻ, bãi trẻ chơi.

- Cầu, quán, cổng làng, cổng xóm, cổng đồng (nơi nghỉ chân, ngồi chơi, hóng mát).

- Chợ.

- Những thùng thư bưu điện.

- Những cây bóng mát đầu làng, giữa xóm, giữa đồng.

Nhìn qua bảng thống kê ở trên, đã thấy được quang cảnh đông vui làng xóm mới. Công trình của làng, của mọi người. Không phải chưa có, mà những công trình ấy, đã làm, đang làm ở khắp các làng các thị trấn. Ở đây chỉ nhắc nhở chớ tùy tiện mà phải có ý thức nền nếp, sâu sắc về cuộc sống văn hóa đưa quang cảnh làng xóm tới bề thế và quy củ.

Làm cho làng xóm đậm đà màu vẽ một làng, một thị trấn Việt Nam. Người đi nhớ quê, có bóng làng xóm vào kỷ niệm. Mà bóng làng xóm phải cụ thể thành nét: khu nhà trẻ, bãi chiếu bóng, nhà truyền thống, cây muôm đầu thôn... Khách nước ngoài đến thăm thấy được những nét riêng làng xóm Việt Nam mà không giống đâu trên thế giới.

Làm cho quang cảnh làng xóm mới Việt Nam thành cơ ngơi, lợi ích và lâu bền, đời đời phản ánh vào tục ngữ, ca dao và thơ. Trong tháng ngày rộn ràng nỗi nhớ niềm tin, tình yêu và mơ ước của con người, phải in đậm hình ảnh vào tục ngữ, ca dao của thời nay và trong thơ - tinh hoa ngôn ngữ dân tộc, tinh hoa của đời sống tư tưởng và văn hóa con người.

## Chùa Tây Phương

Ngày ấy kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện đưa tôi đi một chuyến, xem những cái nhà tranh và những ngôi chùa. Những cái nhà tranh cũng là một tác phẩm nghiên cứu và phiếm luận của anh vừa cho in. Ô hay, từ thuở cha ông, chúng ta đã ở nếp nhà tranh và thường đi chùa, chơi chùa làng, còn lạ sao! Thế mà, xem rồi thật thú vị, thật đáng nghĩ và vẫn thấy lạ. Nhiều khi có sống mà chưa biết, là như vậy.

Năm này tháng khác, người ta phải tính đến cái nhà, bởi đây là sự thiết thân. Máy lâu nay trên tường nhà mới hay, đập miếng chéo, miếng vuông, cùng với ba bốn đường nối kẻ dọc dẫu có ngôi sao hoặc hai ba cái vòng. Chẳng mấy ai để ý đấy là một kiểu trang trí đá ốp ở miền Nam lan ra



và cái huy hiệu Ô-lanh-pích Mát-xơ-va đã biến dạng khá ngộ nghĩnh lên các mặt tường. Không thể nói đúng hay không, nhưng phải hiểu và biết cái đẹp thời trang.

Cũng như hiện nay nhiều nơi đương “ngôi hóa” và ốp đá rửa. Thông thường thì nhà ai lợp ngói xây tường ắt là nhà phong lưu. Nhưng bây giờ không hẳn vậy, mà hình như ai cũng cố lên, bức tường con kiến xi than cũng được, ngói thì vênh váo, mùa hè ở trong nhà nóng như rang dành chịu, đất làm gạch ngói là đất quanh nhà (không công phu chọn nung gạch đất như trước nữa), đắp cái lò áo phơi theo kiểu Triều Tiên đem đun ngay giữa sân, thế cũng xong. Sau này khi nghiên cứu lại cơ sở hồi ấy người ta lên nhà ngói nhiều thế, nhưng nhà không chắc chắn, nhà không ra kiểu cách gì, thì cũng nên biết một nguyên nhân khá quan trọng là khi đó rơm rạ, lá cọ, lá mía hiếm, người ta cò làm nên ngôi nhà “ngôi hóa” cho đỡ vài ba năm lại phải lo cái vách, cái mái.

Tôi không nhớ thương vì luyến tiếc cái nhà tranh. Anh Nguyễn Cao Luyện đã giúp tôi biết cái nhà không phải chỉ là nơi che mưa che nắng để sinh sống thế nào xong thôi, mà từ khi loài người rời mái đá ra chỗ trống cắm lều, cái lều đã trải cả triệu năm trở thành nếp nhà tranh, ngôi nhà gỗ, nhà ngói, những cơ ngơi được sáng tạo nên, vừa là vật dụng, vừa làm đẹp quanh mình. Vì thế, người ta mới bỏ công chọn tre, chọn xoan ngâm, kén lá gói, lá mía, đánh tranh, đánh nửa tim đất nung gạch ngói và đời bỏ trồng cây mít trước sân cho con cái mai sau ngã làm cột, làm

cánh phản, vì thế mới có những hiệp thợ ngỗ, thợ xây tài giỏi nức tiếng bên Bắc dưới Đồng quanh năm được rước đi cơm rượu thiên hạ.

Mỗi nếp nhà, mỗi thời kỳ, tranh hay gỗ, hay ngói cũng thế, cứ đổi mới và được làm đẹp lên mãi - phong cách văn hóa Việt Nam phải vừa cổ truyền vừa hiện đại. Không thể bằng lòng chỉ thấy lại những nét cũ trong ngôi nhà vùng đồng bằng ở bảo tàng “làng” hoặc phải lên châu Mai, châu Yên mới thấy được nếp nhà sàn thật khéo, thật xinh của người Mường, người Thái, mà cái đẹp qua các thời đại phải được chan hòa trộn lẫn trong nghệ thuật kiến trúc hàng ngày.

Chúng tôi lên chùa Tây Phương. Con đường đất dưới cánh đồng, thành tường đá ong cạnh bụi rậm rạp cổ quái, bậc đá lên chùa núi bên bụi ô rô và đá ong,... Những nét riêng của Thạch Thất trung du in đậm vào bóng dáng nếp nhà dưới núi và cảnh chùa. Đến đây, tôi nhận ra ý nghĩa nổi liền những tác phẩm của anh Nguyễn Cao Luyện, thật sự nếp nhà tranh và cái kết tinh, mỗi nền văn hóa của một dân tộc đều được sinh sôi trong quy luật phát triển như thế.

Ở Cu Ba, các tòa nhà kiểu mới vẫn giữ nguyên những cánh cửa chớp gỗ rất thoáng, bên cạnh những ngôi nhà kiểu cũ hiện rộng bốn phía và lá lợp, vách, cột đều bằng cây cọ panma, một thứ cây tác dụng như tre Việt Nam, đã bao đời nay đơm gió, hợp khí hậu nhiệt đới.

Hàng xóm nhà ta, cả đất nước Campuchia là một hài hòa tài tình của nghệ thuật kiến trúc Khơme giữa thiên nhiên. Không phải Campuchia chỉ có kỳ quan Đế Thiên

Đế Thích và kinh đô cổ U-don mà những công trình vĩ đại ấy đã tỏa bóng khắp đất nước. Từ trên núi Bô-ko dưới Kam-pốt sang vùng phía tây Pai-lin, hay lên mạn Bắc, đâu đâu khách thăm cũng được chiêm ngưỡng bàn tay nghệ nhân trong nghệ thuật điêu khắc đá. Những Đế Thiên Đế Thích qui mô nhỏ ở từng vùng, khắp nơi ở mỗi vùng đều thấy. Đi phía nào vào Phnôm-Pénh cũng đều có một cảm nhận vừa ngạc nhiên vừa thoải mái, ấy là dường như đã bước lên hè vào trong thành phố mà không biết, ấy là bởi mọi nhà cửa, gạch đá, xi măng cốt sắt vẫn trong những nét quen thuộc của làng mạc cao cao nhà sàn như ngoài kia, những dáng dấp cửa đá, cửa gỗ, cửa lá thốt nốt vẫn phảng phất mỗi phố, mỗi khoảng tường, mỗi tầng nhà. Những cột đá tảng và một hàng lan can đều gợi quang cảnh đất nước từ trong làng, trong phố đèn đến Đế Thiên Đế Thích.

Bước chân từng bậc theo anh Nguyễn Cao Luyện lên chùa Tây Phương, nghỉ xa thôi lại nghỉ gần. Chùa Tây Phương hay mỗi ngôi chùa, ngôi đình, ngôi đền nước ta đều là những tinh hoa được chưng đúc lại từ nếp nhà tranh, ngôi nhà gốc, nhà ngói khắp nơi. Người ta đã từ cổng ngõ nhà bước ra bóng dáng danh lam thắng cảnh vùng. Có được cảm giác quen thuộc thân yêu ấy là bởi kết quả sáng tạo biểu hiện tính truyền thông của nghệ thuật kiến trúc nhà và đình chùa Việt Nam.

Hàng năm, vào những mùa hội, làng xóm hay thấy hội chơi chùa. Chùa Tây Phương trên núi đất Câu Lâu đã được hưng công từ ngót hai trăm năm nay thời Tây Sơn. Chùa

Tây Phương cũng như chùa Lim, chùa Thiên Niên, chùa Láng, chùa Thầy, đền bà núi Sam, núi Bà Đen, phương nam... Phong tục chơi chùa đền đẹp đẽ, nhưng kể cũng nực cười và đáng suy nghĩ vì chẳng mấy ai thuộc nổi tên vài pho tượng.

Kỷ niệm thời xa xưa thường đượm màu xanh in cây vườn phủ lên cả vùng chùa. Vườn chùa bọc quanh chùa, gần bó làm một với dáng dấp cả ngôi chùa. Những rặng song và mây cuốn dày đặc tường đá ong dưới những chùm hoa móng rồng vàng muốt bèn tán lá rậm xanh đen.

Sư thầy đưa chúng tôi đi cửa nách bên chùa. Anh Nguyễn Cao Luyện chỉ cho tôi nhìn ra cái ánh sáng lạ lùng của những “thiên tinh” từ một khoảng “giếng trời” giữa quang trống hai bên mái chùa hắt xuống. Trước hòm chơi Tây Phương, kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện đã dẫn tôi chú ý cái ánh sáng “thiên tinh” ấy. Ánh sáng huyền ảo mà lại không thật, từ trên cao, từ khe cửa trước, cửa hậu, cửa nách, mảnh tấm màu lụa, màu tằm chói quện với hơi mát dịu lẫn mùi hoa mộc, hoa sói vừa chín, mùi nước mưa mới ngoài bể nước. Bỗng hai hàng những pho tượng ngồi trong kia, khuôn mặt đượm màu sáng trắng hiền hậu, trông các vị phật cũng như những người trong nhà.

Có phải, quang ánh sáng hình giữa hai đầu mái nhà, mép tường đem lại cái mát nhè nhẹ của hơi đất nước và mùi hoa hương ở mỗi nhà ta, đôi lúc phảng phất, là đầu nối kiến trúc truyền thống từ nếp nhà tranh tre đến ngôi chùa.

# Hồ Tây

*Lạ thay cảnh Tây Hồ! lạ thay cảnh Tây Hồ!*  
Đông linh hầu Nguyễn Huy Lượng thời Tây Sơn đã ngạc nhiên phải kêu lên bài phá như thế.

Không bao giờ, ai mà có thể nói hết được về hồ Tây, tôi ngỡ thế. Từ ngàn xưa tới nay. Lại nữa, hôm nay trong khi xây dựng Hà Nội đang đẩy nhanh, thời gian chỉ lọt vòng một tháng đã bao nhiêu đổi mới chóng chát, bẻ bộn. Những việc, những công trình chưa khi nào có, cứ ngày ngày hiện ra quanh vùng nước mệnh mang, mà sóng nổi, mà sương mù dịu dàng mùa thu bao phủ. Ai thiết tha với Hà Nội mà không bồi hồi, mỗi lần đèn với hồ lại thấy mình như có lỗi với chính mình. Những điều đã trông thấy mà nghĩ ra được thật chưa ra làm sao... *Lạ thay cảnh Tây Hồ...*

Cái hồ Tây từ ngày thơ bé của tôi. Từ lúc còn nhỏ, đọc những bài đêm trắng chơi hồ Tây của Đoàn Như Khuê và bao nhiêu bài nữa, không nhớ. Chả mấy may làm lòng xao xuyến như cái hồ Tây ngày ngày cả tuổi thơ mình chơi nhón trên bờ.

Hồ Tây trước mặt tôi kia dường như làn nước ấy bao giờ cũng mênh mang ra ngoài những áng văn tôi đã thấy. Mùa đông xám ngắt đã về rồi, từng đàn bồ nông, những le le, vịt trời, những đàn sâm cầm bay như trấu vãi ngang trời. Khi ấy, cũng chưa có cái cột khói nhà máy điện nhô lên đằng hồ Trúc Bạch. Chỉ phảng phất mảnh tường trắng trên gò chùa Châu Long.

Gió to quá. Sóng vỗ hai bên giữa đường Cổ Ngư. Rét cong người. Sao mà âm đạm đến như thế, hồ Tây thuở ấy. Lại kia, những đợt sóng oàm oạp lên ngang tầm mắt. Nhưng mỗi khi con sóng trúc lững xuống, lại thấy hiện ra thâm xi những chiếc thuyền gỗ nặng nề chới dất, nhấp nhò bên cánh đồng Quán La sang, thợ đấu đấu lên đống xuống đống đường, xe goòng ra tải vào nhà máy Công ty gạch ngói Đông Dương ở giữa phố Quan Thánh.

Quanh năm, từ tờ mờ sáng, chi thây như thế. Tưởng như đây là cái vô cùng, cái tận cùng của con thuyền và đời người thợ đấu Sơn Tây. Chỗ những đồng ống đất thó ấy ngày nay cũng còn lại vệt đường goòng ở xế cổng đến Quan Thánh và chỗ ấy bây giờ là nơi bắt đầu những cây ban tím, những cây ngọc lan của con đường công viên thanh nhã, phóng khoáng thiên nhiên nhất của thành phố.

Chưa phải đấy đã là những cái tận cùng hải hùng thuở xưa đâu. Những ngõ ngách hàng ngày thôi. Gió thổi hun hút trên cánh gao mùa đông khô khảnh. Suốt đường Cổ Ngư, hai bên nước trắng, không một bóng người. Nhưng chỉ mới sáng ra, nhiều khi đã trông thấy những cái chiếu đắp chum hụp dẹt dẹt trên bãi cỏ dưới gốc gao, gốc đa. Lại có người chết đuối, người trắm mình vào hồ rồi. Hai gót chân trắng hếu thò ra ngoài chiếu. Thế là, trong giấc ngủ cậu bé, suốt cả đêm, chốc chốc lại thấy những con ma chui trong chiếu ra, xõa tóc đi lại, toàn những ma là ma.

Khi bắt đầu tan sương, lấm lũi mờ mờ đoàn thuyền chờ đật, cùng lúc ấy mặt hồ rộn lên tiếng gõ đuổi cá. Tiếng vang đưa lại từ những bến nước sâu dưới gốc vối, gốc sung ở Nghi Tâm, Quảng Bá. Đáy hồ Tây nghiêng, không phẳng, rón hồ chệch về phía Bắc. Các bến từ Yên Phụ lên, chỉ một bước chân đã ngập đầu. Nhưng cả một dải sau lưng các làng Thụy, làng Hồ Khẩu toàn bùn, mỗi năm bùn chương mãi lên. Cái khi thành phố chưa đổ rác lấp bờ hồ thành bãi, trước cửa đền Voi phục đã là bãi tha ma và ngoài hồ còn viền một dải cây rút xanh rờn, rồi mới ra đến mép nước. Tiếng gõ trên thuyền đuổi cá, dồn cá cứ chập chờn lộng xuống nước từ sang cạnh.

Cái tiếng mõ cá trong bài phú hồ Tây của Phạm Thái. Nghe mõ cá đã rúc vang câu trúc... Nhà chài, từ lúc còn tối đật đã thả thuyền ra hồ. Tiếng mõ cá của nhà chài dồn cá rồi quăng chài. Quanh năm, nghề chài lưới như thế. Càng mùa đông càng phải ra hồ gõ cá sớm. Tiếng chèo gõ mạn

thuyền bơi quanh một vùng nước. Mảnh tre đập lên cái đòn ngang. Chứ không phải đây là cái mô hình con cá của một điểm cắm canh ven hồ như lời chú giải ở một tuyển tập văn thơ thế kỷ thứ 18 của nhà xuất bản nọ.

Tiếng mõ cá và chiếc thúng bơi ve vè. Ngày trước, ở hồ Tây người đứng chèo thuyền thông thả chứ không như bây giờ ngồi dạng chân múa chân đầy bê chèo như người đồng chiêm Phú Xuyên, Bình Lục, và dưới sông Châu bơi thuyền thúng ở nơi cuối nước lam lũ. Và cái riêng nữa ở hồ Tây là nhà chài đi thuyền đứng lưới quăng, ít thả lưới vây.

Tiếng mõ khua xuống nước mỗi lúc một náo động. Không phân biệt được lúc ấy đã sang canh hay còn nửa đêm. Những tiếng khuấy động lạ lùng, có khi nổi ngay trong đêm. Có lẽ trở trời, có lẽ cá úi. Những cái mà “nhịp chày Yên Thái” mơ màng kia chính là những tiếng giã dó cực vất vả của những cái cối chày tay nghề làm giấy trong dây lều cối sau lưng xóm Đông Lân, nhà cụ Lý Văn Phức ngày trước ở xóm giáp hồ làng Hồ Khẩu. Cũng như các nhà chài đi lưới sớm chẳng ra giờ giấc gì, chỉ cố đánh được đủ cá nộp cho ông Chánh Đúc nhà thầu hồ Tây có đình cơ đồ sộ giữa làng Thụy. Còn dư con nào, đánh đồng lại, đem gắp thăm chia phần rồi mới quảy đi chợ. Toàn những chuyện khốn khó, mồ hôi lã chã xuống mặt hồ.

Và đêm hồ Tây, khi nào cũng những chuyện ghê rợn - cả những tưởng như vui. Bọn trẻ chúng tôi nửa đêm hay lên hồ Tây tắm. Đêm hè oi ả, bơi không được ngọn gió. Chúng



tôi lội ở quãng sâu chỗ cuối làng Sài. Ở đây, có những thung đấu, nhà máy gạch bên Quan Thánh sang đào. Cả bên cánh đồng Quán La cũng hũm một giải nước xuống đến sau làng Bái. Chẳng biết vẫn những hố chuôm đào đất của nhà máy gạch hay dấu vết dòng sông Thiên Phù ngày xưa.

Chúng tôi bơi truồi trong nước, vùng vẫy như những con nam nam, con giải đi rút chân người. Các cụ hay kể ở chỗ nước sâu hố Tây có con nam nam rình kéo chân chìm chết người. Nhưng chúng tôi cũng chẳng sợ. Trẻ con thường sợ ma trong chiêm bao. Nhưng lớn dần lên thấy dường như trong cuộc sống cũng lẫn lộn có cả ma quỉ với người, đâm ra không còn sợ ma nữa. Từ quãng hồ, nơi nào chẳng có người chết đuối, người tự tử. Ngày nào đi quanh hồ chẳng gặp người ngồi khóc bên mâm cúng có cái cầu bẹ chuối bắc dưới nước để cho hồn người chết leo lên được - mỗi năm đến giờ người chết trong hồ.

Ngồi thuyền đêm vào hồ, giữa mênh mông trời nước mà như chỉ thấy hư không. Người ta chợt trở lại hoang sợ, một thuở rừng bàng có con giải, con thuồng luồng, ở những quả núi rỗng ản nấu đàn cáo chín đuôi. Mặt nước lạng lờ, đen thẫm như mực. Giữa lúc ấy, vẳng xa một tiếng chuông chùa. Chùa Bà Sách hay chùa Thiên Niên, hay tiếng chuông con trâu vàng lạc dưới âm phủ nhô lên trong lòng hồ. Dầu sao, tiếng chuông giờ tý nửa khuya đổi đêm sang ngày đã gọi lại người ta về với đời. Ô hay.



Đêm hồ Tây đen vừa ra. Chẳng trông thấy đâu những dài tạ thành quách, phường xóm. Cái thời ấy, đến cả đất nước cũng còn gông đóng chóng mang địa ngục trần gian, người nằm thuyền trong hồ giữa quạnh vắng mệnh mỏng cũng phải nghĩ được thế. Và chỉ thấy thế. Ơi chao, lại tiếng mõ cá rộn ràng lộng óc lên, cho đến khi nhìn được mảng trời đen kịt trên đầu tan loãng ra. Phía đằng kia, trời đã dựng sáng.

Lứa tuổi hai mươi chúng tôi bước vào những thay đổi lớn lao, chúng tôi hiểu theo nghĩa đêm hồ Tây oi bức, nẫu nà như thế. Bảy giờ đã cận những ngày tháng tám 1945, công cuộc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa của đất nước đương lan khắp. Khác nào trên hồ bóng đêm đương thoát sang ngày.

Tôi đã từng ghi lại:

“Gió nồm vầy hây hây đưa lại chút mát hơi lá sen. Thế mà vẫn tường trời đất chỉ có oi bức, ngọt ngọt. Ai cũng còn bị ám ảnh vì những cảnh bi thảm vừa nãy. Bác lái dò ngang khua bơi chèo đuổi đám người đói ở cửa đình Vòng xô xuống. Tiếng ca nô lính Nhật tuần hồ nổ phành phạch đảo lại trên làn nước, ngay sát những chiếc lá sen lơ thơ ngoài kia còn đem lại đôi chút hơi mát mùa sen. Bỗng nhiên trông thấy trên chiếc thuyền máy nhấp nhô cái chòm mũ xám và đôi mắt kính lấp lánh. Câu chuyện lịch sử Tây Hồ đương hào hứng thế, đến đây bỗng áng đi như bị bóp cổ. Lịch sử mở đến trang bi thảm, bóng tối và máu. Đây là người lính Nhật vừa chiếm Hà Nội đang đi tuần hồ.

“Nào đâu một vùng hồ Tây mệnh mang giữa huy hoàng  
ngự uyển thời Lý, thời Trần, thời Lê. Chỗ nào nhà kiến  
trúc thiên tài Vũ Như Tô dựng Cửu Trùng đài? Không  
biết. Không trông thấy gì cả. Chỉ thấy lính Nhật tuần hồ.  
Tiếng máy ca nô sùng sục cả trong đêm.

“Đêm mùa hạ lồng lộng, khắp Tây Hồ ngợp mùi sen.  
Những ngôi sao lung linh sa xuống đầu. Đẹp quá. Nhưng,  
hễ cứ nhớ nhớ đến cái đẹp hồ Tây sâu xa của lịch sử thì  
lại lập tức nghe tiếng máy ca nô Nhật vang từ bên tai vào  
trong đầu.

“Tiếng giặc hay tiếng sóng vỗ?”

“Nhưng mà không, không phải tiếng quân thù. Đây  
là tiếng sóng hồ Tây. Sôi sục lắm rồi. Tiếng sóng hồ Tây  
triển miên thì thâm không bao giờ dứt. Tiếng sóng kể cho  
ta nghe rằng ở cả bốn phía quanh bờ hồ, những trận nổ  
súng, dọ súng giữa các đội danh dự Việt Minh đương hàng  
ngày ra tay trừ gian, nanh vuốt Nhật đang rúm lại. Những  
trận xung phong vô trang tuyên truyền xuất hiện trên từng  
chuyến xe điện ra Cầu Giấy, lên Bưởi, xuống Bạch Mai.

“Không, đây là tiếng sóng, không phải tiếng quân thù.  
Đây là tiếng sóng hồ Tây quê hương, tiếng sóng đương vỗ  
của Hà Nội nghìn năm. Cái làng Vòng bé nhỏ chúng tôi  
vừa đi qua để sang hợp tổ Văn hóa cứu quốc bên Tây Hồ,  
cái làng Vòng thấp hơn sóng hồ, xưa nay không ai trông  
thấy, chỉ lơ thơ mấy nhà ngủ giữa những rặng nhân cổ thụ.  
Thế mà cũng trong làng Vòng lặng yên ấy, Việt Minh đã bí

mặt đặt nơi in báo Hồn Nước của Đoàn thanh niên Cứu quốc Việt Nam. Thế mà, ở bến Chèm kia, đêm đến, những gánh sủng gánh đạn từ chiến khu vẫn đưa về các trạm liên lạc trong cánh đồng. Bốn phía ngoại thành và trong thành phố giờ không có đèn.

Suốt đêm, đất nước soạn sửa cho tình thế mới”.

Thế hệ chúng tôi từ trong nước mắt, bóng đêm bước ra. Thì thấy Hà Nội và cách mạng.

Và tiếp luôn chín năm chinh chiến rồi mới thật Hà Nội của ta. Một bờ cỏ cạnh gốc ngọc lan trên đường hồ. Một cái cọc tiêu cắm cho thuyền chơi hồ khỏi lạc. Một bè nứa giữa hồ đặt súng phòng không bắn máy bay Mỹ. Tất cả vĩnh viễn hay chỉ chốc lát, lúc nào bóng nước hồ Tây cũng đậm một ý nghĩ sâu thẳm.

Nghĩ về hồ Tây, tưởng như cả cuộc đời cũng chưa thể thấu hiểu được cuộc sống trước sau của người, của cảnh một vòng hồ ấy.

Đó là điều đáng nghĩ, tự cho mình biết hồ Tây, thực ra cũng không biết bao nhiêu. Lại thay cảnh Tây Hồ! Bài phú Tung Tây Hồ (Độc vận hồ). Khi vua Tây Sơn Nguyễn Quang Toàn ra Bắc mở lễ, tề trời trên hồ Tây, Đông lĩnh hầu Nguyễn Huy Lượng người huyện Gia Lâm bây giờ đã làm bài phú tuyệt tác ấy. Trên hai trăm năm nay, chưa ai khác thường hơn được Nguyễn Huy Lượng.

Chỉ riêng về mặt biết, cái am tường của Nguyễn Huy Lượng đã tuyệt vời. Đọc 174 câu thơ tưởng như ta được

nhà thơ cầm tay dắt đi vòng hồ, đến mỗi nơi lại trò chuyện và chỉ bảo ngọn ngành, với tấm lòng người làm thơ với hồ, với thời thế. Quán Trấn Vũ, chùa Kim Liên, lăng Bồ Cái, đình Mục Thận, chùa Bà Đanh, ghềnh Nhật Chiêu, gò Châu Long, bãi đười Heo... Biết và hiểu của Nguyễn Huy Lượng thật đến tài. Từ hồ Cổ Ngựa bên này làng Sài, làng Bái dẹt gấm bên kia. Cách bãi tắm tang ở Tứ Tổng. Vùng chài lưới Nghi Tâm. Các làng giấy Bưởi...

Chắc chắn rằng cò Hồ Xuân Hương quê Tây Hồ đã từng ngồi dò ngang sang chợ Vồng. Thời ấy, không biết đã có chợ Bưởi chưa. Nhưng làng Vồng - Vồng Thị đương là một cái chợ đông vui ven hồ. Các bến lân cận khoe giống rượu nếp ướp hương sen ở Thụy, ở Hồ Khẩu, nhưng rượu sen làng Vồng, rượu chợ mà vẫn được tiếng hơn cả.

Những điều tôi kể dòng dài thế mà cũng không qua được con mắt tài hoa Nguyễn Huy Lượng.

Hãy cùng nhà thơ đi chợ Vồng:

*Làng Vồng Thị còn đông tiệc rượu  
Tiếng cầm đà náo nuốt buổi tà ô  
Khách Ngò, Sở chợ tây ngồi san sát  
Người Hy, Hoàng song bắc ngáy phi pho  
Bến giặt tơ người bốc nước còn khuya,  
                    gương thần đứng trong tay lóng lánh.  
Vườn hái nhị kẻ giày sương hãy sớm,  
                    túi xa rơi dưới gót thơm tho  
Ngang thành thị, ghé yên hà một thú*

Cái chợ Vòng ngày ấy đáng yêu sao, chợ búa đầy, yên hoa đầy.

Và đến cả như ông lão Phạm Thái ôm mộng phò Lê chẳng nổi, lúc thất trí, lúc thất tình, lúc đi ở chùa loanh quanh cả đời “hũ lớn cạn, hũ bé cạn” mà hai con mắt chàng say cũng còn nhìn ra được chợ Vòng nhất nhì kinh kì.

*Chợ Vòng Thị rượu nồng hương mới chín, lữ túng ông tất tưởi dáng sang đờ. Khoái viễn thôn khi ngọn gió ra vào, trông thoang thoảng ngõ nhà mờ cửa lấp.*

Hà Nội hôm nay đương mở ra bốn phía hai bên sông Hồng ra mười mấy huyện thị ngoại thành. Trong thế rộng đứng hồ ngời của thời đại mới, hồ Tây lại nghiêm nhiên trở thành vườn ngự uyển lớn giữa lòng thẳng cánh Hà Nội.

Từ hồ Tây lên đê sông Hồng, nơi trung tâm quận Hoàn Kiếm tới quang ven nội huyện Từ Liêm. Trông thấy giữa nếp bóng lô xô nhịp cầu sắt Long Biên cũ kỹ, có song song hai cây cầu như hai mũi tên thần của vua Thục, những mũi tên trắng toát màu nhôm vắn minh thế kỷ 20, hai mũi tên thần lao vút qua sông Hồng: cầu Chương Dương, cầu Thăng Long.

Càng nhìn càng thấy “lạ lùng”. Hơn mười năm trước kia, rải rác những nơi ấy là chông chất hồ bom, các phố, làng xóm ven sông cháy trụi từ vùng bờ sông quanh cầu Long Biên, khu An Dương, bãi Nhật Tân, bãi Chèm. Lại để mắt xa hơn ba mươi năm trước, suốt bờ bụi lau lách giữ các bãi Nghĩa Dũng, Cờ Xá, Phúc Xá, Tầm Xá lên đến Bống Lai,

Bá Giang, con đường bí mật của các chiến sĩ du kích và cán bộ hoạt động nội thành ra Việt Bắc.

Và đứng đây trông xa, vẫn in hằn cả một vùng hồ Tây thời đen tối xưa kia. Trong đêm mênh mông, tiếng sóng vỗ lẫn tiếng mô đuổi cá của nhà chài đánh cá thuê, tiếng khóc và bóng quân thù nhấp nhô ngọn nước. Thế hệ chúng tôi đã bơi trong mịt mù chìm nổi của một giai đoạn lịch sử, dường đi hôm nay còn về vệt dấu bóng, không bao giờ quên.

Hồ Tây xinh đẹp đang được khám phá những vẻ mới giữa Hà Nội thời đại. Hồ Tây của Hà Nội đứng trên nền suốt bao nhiêu thế kỷ. Có thể mới là Hà Nội. Vẻ đẹp Hà Nội này nở trên cái đẹp truyền thống, từ tâm hồn truyền thống lịch sử ở bây giờ kể lại ngàn xưa. Không phải đây chỉ là điều mơ tưởng. Mà thực tế đã sinh sôi như thế.

Xa xưa, đời nhà Lý, nghìn năm có dư, gương mặt tự nhiên của hồ Tây đã là một vùng vườn ngự. Từ hoàng thành, các vua Lý bước ra ngự uyển. Chiếc thuyền ngự đưa người vào vùng trời nước tuyệt vời. Đến bây giờ còn nguyên dấu tích.

Chùa Kim Liên và các chùa quanh Yên Phụ, Nghi Tâm, Quảng Bá, đại Phật, quốc đạo thời ấy, chùa chiền cũng là nơi an dưỡng của nhà vua bên cạnh hoàng thành.

Câu chuyện huyền thoại người thuyền chài Mục Thận quàng lưới bắt thái sư Lê Văn Thịnh định hãm hại vua đương chơi trên hồ. Đình Mục Thận làng Vong còn đấy.

Vòng quanh hồ Tây... Lạ thay cảnh Tây Hồ! Vườn Bàng



phường Yên Thái, một vùng cổ thụ cổ quái trong ngự uyển. Chẳng biết có phải cái thú vua chúa chơi cây đẹp đã trở thành phong tục thi cây của hội làng Hồ không. Ngày trước, làng Hồ có hội tháng tư thi cây cảnh. Bây giờ hày còn mấy gốc bàng già quanh đến giếng Yên Thái. Không chắc đã là những cây bàng từ thời Lý. Những ông già bà cả vẫn gọi gò đất cạnh chợ Bưởi bên đầm Ao Cá đầu làng Bái có miếu Thánh Chú, chỗ vườn Bàng quanh đấy.

Từ thuở Lý Công Uẩn dời đô ở Trường Yên ra vùng đất trù mật cửa sông Tô Lịch, đặt tên là Thăng Long, các đời tiếp về sau đều lấy đất ấy làm chính giữa chốn đô hội phồn hoa. Dẫu cho ngày nay, bác Hoàng Đạo Thúy, bác Trần Huy Bá và các bạn Vũ Tuấn Sán, Nguyễn Vinh Phúc, Trần Quốc Vượng, các nhà Hà Nội học vẫn đương sôi nổi bàn luận xem các góc thành nhà Lý thật ở Công Vị hay ở trại Hàng Hoa, thành nhà Lê trùng với thành nhà Lý những đâu, thì cả đến thời Lê Trịnh mãi về sau, lúc nào hồ Tây cũng được xem là nơi phong thủy trung tâm của trung tâm. Không đề tự nhiên nhà Tây Sơn đã đặt lễ tế trời trên Hồ Tây xuất hiện với áng thơ tuyệt tác về hồ Tây của Nguyễn Huy Lượng.

Trong truyện ký của Lê Thánh Tôn, của Phạm Đình Hồ trông thấy xôn xao hội đèn tháng tám quanh hồ cửa chùa Trấn Quốc. Thử hỏi những ai hôm nay chơi hồ Tây vào khi chập choạng tối, thuyền vừa che khuất sau vùng viền bờ, còn có cảm tưởng pháp phòng sắp gặp những con cáo hóa

thành cô gái đẹp quê vùng hồ, đương bơi thúng hái hoa như vua Lê đã gặp hồ ly tinh và say đắm.

Giờ đây hồ Tây ngày ngày vẫn được điểm trang rõ thê vườn ngự của thời đại mới. Bất cứ một người Hà Nội ở lứa tuổi nào mà chẳng thường nói vui: Chủ nhật này phải lên hồ Tây mới được... lên hồ Tây chơi... hẹn nhau trên hồ Tây... hồ Tây. Sông Tô Lịch ngày xưa có thuyền buồm dong quanh thành, đã bị đổi kiếp ra một dòng bùn hôi thối thời Pháp thuộc, sắp được khơi lại thành con hồ dài thông dong mấy chục cây số nối dòng Kim Ngưu theo vết thừng "trâu vàng" từ Kim Giang, Kim Lũ đổ lên, một cửa sông qua cống Đỏ vào hồ Tây ta vẫn giữ đúng "sông Tô Lịch chảy ngược" như truyền thuyết.

Chùa Kim Liên được trùng tu, chỗ đề cao và đẹp nhất, nhìn xuống hồ Tây. Di tích lịch sử và thắng cảnh dưới bóng thông và bóng trúc, bên cạnh những cây lá với cổ thụ chen góc quanh khách sạn lớn nhất thành phố và các nhà an dưỡng hiện đại.

Biết bao công trình đương mọc lên quanh hồ Tây, giữa Hà Nội mới và Hà Nội 36 phố phường.

\*

*Lạ thay cảnh Tây Hồ! lạ thay cảnh Tây Hồ! Quà như thế.*

Ở hồ Tây, vùng nào cũng đẹp và riêng. Nhưng đâu sao cũng phải có nơi đáng yêu hơn, ít nhất theo ý riêng một người. Tôi muốn khoe với các bạn yêu hồ Tây ao ước ấy của riêng tôi.

Hai chiều hồ Tây rộng nhất, một bên từ sau làng Thụy đến lưng đình Yên Phụ. Một phía, đứng đường cửa đình Quan Thánh trông sang bên kia làng Quán La, những cây muôm xanh đen. Hai mảng nước lớn, như hai cánh bướm vẩy lên và dần dần cụp lại bên mình con bướm thon thon chỗ cửa đình Vòng đối mặt xóm Cung làng Tây Hồ.

Quãng thất lại ấy, hồ Tây thu hẹp nhất, chỉ vài nhát chèo dò ngang đà qua hồ. Xóm Cung làng Tây Hồ có lẽ xưa kia có cung điện gì ở đây, nhô ra, chơi vơi vào lòng hồ, từ Nhật Tân xuống Bưởi qua Thụy, lên Yên Phụ dừng lại chỗ nào cũng nhìn thấy được mòm xóm Cung đầu Tây Hồ.

Ngày trước, ở xóm Cung có bến dò ngang sang cửa đình làng Vòng. Khi làng Vòng Thị có chợ Vòng nổi tiếng, đây đã là cái bến cho người ngoài ô Yên Hoa và hàng tơ chỉ. Tây Hồ, tầm kén Tứ Tổng sang chợ. Ở kè Bưởi, ở kè Noi kè Cáo muốn vào đầu ô, sang tắt hồ đảng ấy. Một bến dò ngang, mát có mấy nhát bơi chèo mà nối liền hai vùng Tây Bắc, Đông Bắc thành, thật tiện.

Đến thời tôi đi lại, vẫn còn bến dò ngang này ngày bốn ngày chín phiên chợ Bưởi, người hai bên hồ sang chợ đông lắm. Quãng đẹp nhất ấy trên hồ Tây lịch sử phải trở thành một công viên lớn, ngự uyển của mọi thời đại.

Một vườn đào Nhật Tân nở ở đây, những rừng trúc trồng ở đây, quanh hồ Tây nhìn rõ mồn một. Ước cho bao giờ dựng được một pho tượng Bác Hồ - công trình nghệ thuật lớn nhất thủ đô, đứng cao trên thế đất mỏ phượng này của hồ Tây. Đã có thời thành phố dự định thế.

## Ngõ trời xuân đến sớm

Con đường La Thành đưa tôi vòng ra ngoài Hà Nội. Kế theo ngày thì hôm nay xuân chưa thể đến. Hôm nay chỉ là một ngày đông hừng nắng. Mà tôi tưởng cả mùa xuân đã đến rồi. Quả là đất trời và lòng người ấm ấm hơi xuân. Và chính là người ta có thể sinh ra tình cảm mùa xuân.

Muốn “thưởng thức” Hà Nội, chúng ta hãy làm một vòng đường La Thành Đại La, bắt đầu từ cuối hồ Bảy Mẫu qua Phương Liền, Ô Chợ Dừa, ra Ô Cầu Giấy, lên ngã ba chợ Bưởi. Đi như thế, sẽ thấy Hà Nội của mười thế kỷ chập chờn theo bước chân.

Đứng trên Cổng Vị, nhìn suốt cánh đồng sang phía phủ Hoài. Như từ ngày còn tấm bé, vùng ngoại thành quê hương này vẫn nguyên nếp. Thuở nhỏ đã thấy thế. Đàng xa, bóng nước hồ Tây lóng lộng liến trời. Phía trước, vẫn nhớ như in, nào Sù, nào Gạ, các làng trên đê sông Hồng phẳng lù một nét với lũy tre làng Nôi, làng Vòng, dọc đường lên cầu Diên, cầu Phụng. Bên kia cầu thì đến Sóc mà những khi ánh được đêm mưa rào đầu hè, trẻ con đứng trong làng nhìn ra, lại dọa nhau bảo là có con ma trơi đã hiện về cửa đền. Ngay đây, dưới chân Cổng Vị, bên kia sông Tô Lịch là đền ông Đại Diên, bên này Đâu Đông, nơi “ngày xưa” Cao Biền đã đóng người đem về Tàu, ở chỗ cái vực ấy. Vất giữa dòng sông Tô Lịch mùa đông nước đen cạn, hai bờ viền ruộng rau muống.

Không, đây phải đầu ngày xưa. Cảnh vẫn đấy, mà cảnh đã khác. Có phải dáng dấp một trời dầm ảm ngoại thành hôm nay vẫn in như thuở trước? Thật ra, cũng không một thuở trước nào đã muôn màu xuân sắc đến nhường này. Kỷ niệm đất nước và con người, chỉ khi nào thu vào những giấc mơ trẻ con, như vậy thì ngày xưa mới được ngỡ là xinh đẹp mà thôi. Giờ đây, tôi đương có những mơ ước trẻ thơ chính là vì đã thấy đường cái và cánh đồng thật sự kia lại như ngày hội xuân trong chiêm bao. Những người đi xa trở về Hà Nội mấy năm nay đều cảm thấy thành phố quê mình vừa gần lại cũng vừa khác đi, thật trái ngược vậy.

Phải, ai kẻ đã từng đi xa nay trở về Hà Nội, không thể mỗi chốc ngỡ đất nước đã mau chóng đổi thay thế. Hôm nay,

qua Cổng Vị - nơi thành quách đời Lý, nhìn xuống cánh đồng quê, trong lòng mênh mang những ý tình, những hình ảnh chưa bao giờ thấy. Những cây đại già, những gốc đa cổ thụ, những sân đình gạch vổ, cái cầu rêu mốc qua sông, những con đường làng, trong tưởng tượng vẫn sẵn có, bao giờ cũng thần bí, tưởng đời đời không đổi nét.

Lại đây kia, những cảnh vật trước mắt: các công trường loang lổ khắp cánh đồng Noi, những cột dây điện chi chít quanh đến Sóc và cánh đồng Cáo, cột khói nhà máy ở bến Chèm, những công thự, những mái trường như những mảnh nắng. Bao nhiêu cảnh mới ấy hiện lên, cùng những hình ảnh quen thuộc cũ không phải ở ký ức, mà hiện ngay trong tầm mắt.

Kỷ niệm và cuộc sống mới chan hòa cùng nói rằng: “Quê ta chưa bao giờ như ngày nay”. Mắt thả theo dòng Tô Lịch, tưởng sợi nước bé nhỏ ấy là chiếc thừng con trâu vàng kéo lê đến hồ tìm mẹ. Ánh sáng với bóng nước chói lòa lồng nhau.

\*

Trở lại đây, những ngày lịch sử Trâu vàng.

Lịch sử cuộc sống Thăng Long, lịch sử những người cố cựu ở kinh đô, không phải ai khác là lai lịch của người thợ thủ công và người buôn bán. Triều đại này lên rồi mất đi, nhưng những người thợ và những người đi buôn bán thì cha truyền con nối. Cuộc sống đã tạc thành tên, thành tính...

Chùa Thiên Niên có cây vọng cách  
Đền Bà Sách có cây đa lông  
Cổng làng Đông có cây khế ngọt  
Gái kẻ Cót buồn dăm buồn sế  
Trai làng Nghè dẹt cửu kéo hoa  
Yên Phú nấu kẹo mạch nha ngọt lừ

Dưới chân góc thành Đại La là mái lều chợ Bưởi, nơi xưa tụ hội những phiên ngày bốn, ngày chín của người thợ các phường Tây Quà, phường Yên Thái, thợ dệt lĩnh, thợ seo làm giấy...

Kìa giếng Yên Thái như kia  
Giếng sâu chín trượng nước thì trong xanh  
Đầu chợ Bưởi có miếu cấm canh  
Kẻ đi người lại như tranh họa đồ.

Bấy giờ, sông Tô Lịch còn mênh mang sóng nước. Từ sông Cái, thuyền dong buồm vào ghé bến Giang Tân bây giờ là cổng làng Tân đầu chợ, rồi đội ngược lên sông Thiên Phù.

Ngã ba sông Tô Lịch - Thiên Phù vẫn còn dấu vết ở ngôi đền nhỏ đầu làng Yên Thái thờ ông Dấu, bà Dấu.

Sự tích Võ Phục ông Dấu, bà Dấu tương truyền từ đời Lê. Một đời Lê nào đó, nhà vua đau mắt nặng. Xem bói, thầy bói bảo đến tháng ấy, ngày ấy đợi ở cửa sông Thiên Phù, gặp người đội mũ sắt, đẩy người ấy xuống sông thì nhà vua khỏi đau mắt. Lính vua ra cửa sông Thiên Phù đón đội người đội mũ sắt. Buổi sáng kia, có người đi tới, đội chiếc mũ sắt to. Nhưng đó chẳng phải là tráng sĩ mũ

trụ. Cũng không phải là người hoàng tộc, quan tước áo bào có mũ sắt đội. Đó chỉ là vợ chồng người hàng dầu ngụ phường Yên Thái sớm sớm thì sang đò qua sông Thiên Phù, chồng đội cái chảo đồng, vợ quày thùng xách gáo, tát tã vào thành bán dầu.

Chẳng biết rồi vua Lê có khỏi đau mắt không, nhưng lính vua đã đẩy vợ chồng người bán dầu ấy xuống sông.

Ngôi đền thờ ông Dầu bà Dầu bây giờ còn đây.

Nhớ những chuyện đó, cũng như bao chuyện khác của mỗi tấc đất lịch sử Thăng Long: nào ở Đẩu Đông bên Cổng Vị, Cao Biền đóng người đem đi. Nào kia đến đạo sĩ Đại Điền, mà xác bố ông Từ Đạo Hạnh trôi sông Tô Lịch qua trước cửa thì cái xác đứng dựng lên ba ngày ba đêm giữa sông, trổ gậy vào nhà Đại Điền đòi báo oán... Và kia miếu Đồng Cổ bờ sông Tô Lịch... Ừ, mỗi chuyện cũ, dù huyền hoặc hay có thật, thì cũng chỉ đẩy rẩy cuộc sống ngổn ngang một thời. Sông Thiên Phù ngày nay không còn nữa. Bãi biển nương dâu đã trầm luân cả đến đời người. Bởi vì cái chết trôi sông của ông Dầu bà Dầu kia, suy cho cùng, chẳng qua cũng chỉ là cái chết âm thầm, chết như không của bất cứ người lê dân bách tính nào thời ấy.

\*

Mỗi bước đi, mỗi tấc đất khắc sâu dấu lịch sử con người. Việc đời, và cả đến sông núi cũng mất đi nhưng chuyện người thì nghìn năm bia miệng.

Ngày trước, khi còn nhỏ tôi thường được nghe chuyện



quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc đánh Tây. Đến lúc lớn lên sách vở đã hàng kể: khi quân Pháp mới tràn tới Thăng Long thì đám văn thần, nho sĩ, cũng như những quan lại trung thành với triều đình, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hoàng Kế Viêm không khuất phục quân cướp nước, đã chiến đấu anh dũng.

Cũng từ thuở bé, tôi được nghe các cụ trong làng kể nhiều chuyện đánh Tây xung quanh cái năm “Tây hạ tình năm Dậu, năm Ngọ”. Nhưng không phải được nghe kể chuyện ông Lưu Vĩnh Phúc, cũng không nói về chiến công và gương tuấn tiết của Nguyễn Tri Phương, của Hoàng Diệu. Các cụ kể chuyện trong các làng ra đánh Tây những người như các cụ. Sách vở không chép đến những chuyện ấy những dân gian thì nhớ, nhớ mãi. Họ là những toán quân mộ nghĩa đi theo Cờ Đen, theo các nho sĩ yêu nước. Có khi không đi theo ai, mà các ông đã nối cờ kéo nhau đi.

Đêm đêm, trên những cánh đồng chiến trường Noi, Vòng và suốt bờ sông Hồng, không đêm nào ngớt tiếng người hò reo, tiếng loa bắc vào các làng hô “bớ ba quân thượng hạ” gọi người đi. Người các làng ra đi. Những cuộc dựng cờ dấy binh... Những đêm quán tụ tế cờ đi không bao giờ về. Ta hãy tình cờ hỏi thăm bất kỳ làng nào trên vùng Tây Bắc ngoại thành Hà Nội ngày nay. Chẳng mấy làng, mấy họ xưa kia không có người mất tích. Những người trai trẻ đội nón mê, xách giáo, thiết lĩnh, đinh ba, khi đi dặn lại vợ con hãy lây ngày đi là ngày giỗ. Đó là người thợ cửi làng Nghè, người làm ruộng ở Noi, người trồng cà pháo, cà bát

ở Canh, Cáo, người chăn tằm Sù, Gạ, người nấu rượu Thụy  
Phương, người làm giấy phướng Yên Thái, làng Đông,  
làng Hồ...

*... Gái kẻ Cót buồn dầm buồn sẽ*

*Trai làng Nghè dệt cửi kéo hoa...*

Tất cả những người thợ, người làm ruộng ấy đã đi đánh  
nhau với quân thù. Những năm chống Pháp về sau dần dà  
đã vắng nho sĩ, nhưng họ vẫn đi vẫn đánh. Tất cả mịt mù  
hành tung như những lá cờ đêm kéo lên và tiếng loa địch gọi  
bốn phương “ba quân thượng hạ”. Những chiến sĩ vô danh  
không còn nữa, những câu chuyện thì đời này qua đời khác.

Ai qua chợ Bưởi ngày nay, hỏi có biết Vườn Bàng? Quân  
cướp nước muốn tiêu diệt cả trí nhớ của ta. Ngày ấy người  
Pháp đã dựng lên một pháp trường ở Vườn Bàng. Thắng  
cánh “ngự uyển” của các đời vua Lý, đến thời Tây sang thì  
thành một nơi chém người. Mỗi sáng sớm, người tù án  
chém giải đến đây. Bao nhiêu người thợ khéo, người làm  
ruộng ngoại thành đi đánh Tây cướp Thăng Long đã phải  
rơi đầu ở pháp trường Vườn Bàng, chính nơi quê nhà.

Nhưng có phải cuộc sống những người thợ thủ công đã  
dựng nên Hà Nội đành chịu đời đời số kiếp như vợ chồng  
người hàng dầu khi qua cửa sông Thiên Phù?

Cả trăm năm trước, con em các phường nghề đất Thăng  
Long đã theo bóng cờ nghĩa đứng lên cứu Thủ Đô, cứu  
đời mình.

\*

Đứng ở Cổng Vị nhìn vào lưng phù Hoài. Thấp thoáng dưới bóng thông xanh, thấy một dải trắng trắng trên đồng làng Vòng Mai Dịch - Nghĩa trang liệt sĩ Hà Nội.

Các liệt sĩ nằm đây, giữa mọi công việc đồng áng và trên cánh đồng các chiến trường, biết bao thế kỷ liên tiếp. Ngoài kia, trong bụi mưa xuân, các chân ruộng đang được cày vỡ đầu mùa. Mái đỏ bụi đọng tường các công trường hiện ra trong sương mù. Những công trường mới như những miếng nắng rực giữa vòm sương tan. Ngoài ấy nhộn nhịp lao động và xây dựng, trong đây thật tĩnh mịch chính là nơi yên nghỉ của những người đã làm nên thời thế.

Cũng trên mảnh đất này, những chuyện ra đi mộ nghĩa ngót trăm năm trước và những cuộc chiến đấu giải phóng Hà Nội từ Tổng khởi nghĩa tháng tám 1945, hai mốc thời gian cách nhau cả thế kỷ nhưng việc đời vẫn tiếp nối, cả một pháp trường Vườn Bàng không bao giờ tiêu diệt được chí khí con người. Và không ai đành cam chịu số phận vợ chồng người bán dầu qua cửa sông Thiên Phù.

Cũng như xưa những làng mạc và cánh đồng ngoại thành, quân mộ nghĩa Cách mạng tháng Tám là đoàn người có được dòng máu Hà Nội. Vẫn một tinh thần vì nghĩa quên mình như những ngày cũ. Vẫn những người nông dân dọc sông Hồng từ Sù, Gạ xuống Chèm, Vẽ, sang Noi, Cáo. Vẫn những người thợ dệt Nghĩa Đô, thợ giấy Yên Thái... con cháu của các cụ đánh Tây thuở trước.

Nhưng có khác: xưa, cha ông ta, nửa đêm kéo cờ nghĩa, ra đi dặn vợ con lây ngày đi làm ngày giỗ.

Bây giờ Hà Nội mới thật được là quê hương.

\*

Trên Cống Vị di tích thời Lý, nhìn qua các làng cánh đồng phía tay phải, cánh đồng Nghĩa Đô “Trai làng Nghè dẹt cửi kéo hoa”. Chưa bao giờ tôi thấy làng quê tôi như bây giờ.

Thông thường, gặp lại những kỷ niệm đều thấy buồn buồn vợ vẫn, không hiểu vì sao. Không, tôi không hoài cổ khi nhìn lại cái đình, cây muôm, cây đa đã mang hình ảnh dấu vết tôi thời niên thiếu. Cũng không phải chi bởi khi đã lớn, nhìn lại xóm làng đồng quê bao giờ cũng thấy bé nhỏ hơn xưa. Mà chính sự thật chứ không phải tưởng tượng, những công trình, những cơ quan, những nhà máy mọc lên và trường học đã làm bé những kỷ niệm ấu thơ. Hàng dây điện cao thế đan trên trời ngang những cánh đồng Cổ Nhuế đã nối ngắn đường đi. Những đêm đêm rực rỡ điện trên công trường... Nếu xưa kia là tiếng loa dịch và cờ bay của quân mộ nghĩa thì bây giờ là ánh sáng lửa hàn và những đoàn xe của cuộc chiến đấu kiến thiết, những cánh đồng không bao giờ còn ngủ nữa. Cảnh tượng những mới lạ ấy đã vun những kỷ niệm nhỏ lại, và một tình cảm menh mang đang dâng lên trong tâm hồn người, bao trùm quê hương, không riêng với cánh đồng nhỏ bé nơi chôn nhau cắt rốn kia.



Xa xa, phía Chèm Vẽ, phẳng lừ xanh biếc cỏ vệt đê sông Hồng và lấp lánh ánh nước hồ Tây. Bây giờ sau lưng đên Sóc, cánh đồng Xuân Tảo, những mái nhà mới tấp tễn đầy xa nữa bóng Hà Nội cũ sạm đen còm cõi. Suốt dọc Cầu Giấy qua phủ Hoài trước, qua cả Cầu Diễn, những nơi mang dấu lịch sử chiến đấu giải phóng, bây giờ là lịch sử xây dựng: liên tiếp những công trình, những nhà ở, những ga-ra rồi lại công trường, lại công trường... Bỗng nhớ cách đây mười lăm năm, một ngày cuối năm 1946, Pháp tấn công ra Cầu Giấy. Tôi gặp tướng Vương Thừa Vũ, chỉ huy mặt trận Hà Nội, đi bộ về phía đồng Giàng Vỡ, đương râm ran tiếng súng ác liệt... Ngày nay, trên đồng Giàng Vỡ, bên những đầm nước xanh trong, đương mọc lên những tòa nhà bốn tầng nguy nga của các trường học, các nhà máy... “Xưa nay có thể bao giờ”.

Tôi vẫn đang dạo trên bờ sông Tô Lịch. Con đường từ Cầu Giấy qua Công Vị, Đầu Đông lên ngã ba Thành, xuống chợ Bưởi.

Xuân đất trời chưa sang, nhưng ở lòng người đã chan chứa. Thuở ấy đương tuổi thanh niên, mỗi năm khi mùa xuân đến, có hội chùa Láng, hội đền Trại, hội chùa Hà... người ta đợi hội ấy, chơi xuân. Những ngày xuân ngán ngùi và bao giờ cũng chỉ là hy vọng. Nhưng thực ra, cả những đám hội ồ ạt ấy cũng không thể ví được với bốn phía quanh mình náo nhiệt bây giờ. Nếu ngày trước, thế là hội xuân, thì, bây giờ bốn mùa rộn rã hội xuân.

Trở lại đây, những ngày lịch sử Trầu vàng.

Mỗi bước đi trên mảnh đất này mang nét lịch sử sông Thiên Phù không còn dấu vết. Sông Tô Lịch đã mờ thành một vệt nước. Đền ông Dấu bà Dấu vẫn đứng bên chợ Bưởi, như còn phôi bày xiết bao khổ ải. Lịch sử xưa và nay soi rọi sâu xa cho bước đạo xuân sớm nay biết bao ý nghĩa. Vần văng vẳng trong gió câu ca thuở trước. Câu hát thành thơ của tình yêu, của khát vọng, cha ông ta đã từng mơ ước nhắn gửi, đem ứng vào cảnh hôm nay dưới một trời xuân sớm ngoại thành. Tiếng gọi thủy chung hôm nay vẫn thật có tình, đậm thắm xiết bao!

*Trên đê Cổ Ngư*

*Nhớ chữ đồng tâm*

*Hỡi cô đội nón ba tầm*

*Có về Yên Phụ phiên rằm lại sang*

*Phiên rằm chợ chính Yên Quang*

*Yêu hoa anh đợi hoa nàng mới mua.*

## II

*(Gửi bạn đọc Việt kiều của báo Trung Lập ở Campuchia)*

Đây chỉ là chuyện cũ - một câu chuyện nhỏ.

Hòa bình vừa trở lại, chúng tôi từ Việt Bắc trở về Hà Nội thê nào đây, những xúc động thực khó tả. Tội nghiệp Hà Nội của chúng ta, chưa bao giờ có tuổi trẻ, đã lại càng già đi nhiều. Khác nào hai người yêu nhau xa cách bao năm,

bỗng gặp lại. Trên ánh miêng cười, phảng phất đôi ba ù rừ phong trần. Đã xót xa lại càng thương.

Hà Nội vẫn những nếp phố cũ, tường mái đều mốc, long lở. Chỉ thay đổi một nước vôi trát ngoài và ngang mày kẻ ống nê-ông trắng mờ. Hà Nội, đóa hoa tàn.

Bạn còn nhớ lối Vân Hồ đi ra. Con đường đất chừng hai cây số ngăn đôi hồ Thiền Cuông với hồ Bảy Mẫu. Giữa thành phố, mà ở đây, đêm ngủ, nghe suốt sáng tiếng giun để than vãn. Nằm nghiêng mắt thì thấy ngay dưới chân giường ngọn cỏ vờn xòa trước mặt nước bùn phẳng lặng. Cỏ, nước thơ mộng quá ác mà người thì, không biết nói sao bây giờ!

Hàng trăm, mấy trăm mái lều. Đó là một mảnh tôn, là những tờ giấy sơn được dán nối lại, là miếng ni-lông dò rợ, là một cái bao tải căng ra, là những tờ giấy báo dán lên nhau. Những “nhà” ấy mà bây giờ gọi là nhà lều, chui rúc trong bụi lau, quanh một chân tường tối đen, dưới bóng xám những đồng rác thành phố hàng ngày đổ ra, lừng lững cao như những quả đồi. Người đi lại lom khom, quờ quạng, chen chúc. Ấy vậy mặc dầu, cũng là nơi có người ở. Cho nên, cũng inh ỏi tiếng trẻ khóc đầu hôm sớm mai. Mỗi ngày, đến bữa thổi cơm, khói bốc quanh quẩn trên các thứ mái lều. Từ hôm Hà Nội về ta thì trong các gian nhà tối hũ nút, không biết ánh sáng điện bao giờ, cũng sôi nổi, ấm ý những bàn bạc thời cuộc. Và, trên đầu những cái mái nhà kỳ quái nhỏ, lấp ló những chiếc cờ bé tí tẹo. Màu cờ đỏ vào đây, như pha một thoáng cười trên mặt người ốm. Niềm



vui lớn thấm đến cuộc sống tâm tối đó, đem lại biết bao hy vọng, cả biết bao hồi hộp, lo lắng.

Nhà ông cả Chù ở chiếc lều lợp phên nẹp áo tươi, ngay đầu dãy. Ông cả có hai cô con gái. Hai người con gái lúc nào cũng ủ ê, rười rượi. Nhưng sau, tới để ý thì thấy, dù lúc vui hay lúc buồn, khi nào nét mặt các cô cũng vậy. Có những người bẩm sinh thế. Cô em, thường ngày, lên quảy đất thó trên hồ Tây về. Ông cả và cô lớn ở nhà luyện đất nặn con giống cho trẻ chơi “tu huých”, đắp khuôn làm tượng bộ đội, tượng Cụ Hồ và các tượng thánh bên đạo. Nặn rồi thì nung, rồi quét phẩm lên, phơi lèo loét từng dãy quanh nhà. Hai ba ngày một lần, cô chị bé hai thùng tượng, những con “tu huých” quảy đi bán rong. Mặt vẫn rầu rĩ, lẳng lặng, những bước đi tong tá. Hai thùng lóng một gánh, không biết những ai mua, nhưng hôm nào cô về cũng hết hàng.

Ông cả Chù có đạo, quê dưới Bùi Chu. Ông nghe người ta, định di cư vào Nam. Lên đến đây, nghĩ thế nào, ông lại ở lại. Nhưng, buồn, ngượng, ông không trở về Bùi Chu, ông cùng hai con lần đến nương náu trong bãi rác.

Trước cửa lều ông cả Chù là lều anh tư Trình đập xích lò. Anh tư gầy như que nứa, nhưng được cái lúc nào cũng vui tính. Cứ thấy cái xe lộc xộc vào đến đầu bụi lau đã nghe những câu hát chẳng đầu vào đâu. Anh tư có vợ, và ba con. Vợ chồng con cái tha nhau ở làng quê ra đây đã mấy năm, cũng không nhớ.

Sau lều anh tư là cái lều chị Mai ở nhờ cô My Lan. Cảnh chị Mai thật ái ngại. Chị âm con nhò từ Bắc Ninh sang theo chồng. Chồng chị đi lính. Anh ta định đem vợ chạy vào Nam. Nhưng người ta đã lừa anh. Cuối cùng, chỉ có anh ấy đi một mình. Cũng không kịp gặp lại vợ con. Từ đấy mẹ con chị Mai bơ vơ. Tiền lương gạo bị hết sạch. Ngày ngày ra góc hồ Thiền Công bên kia, khi đó còn là cái chợ giời, mua bán quần áo cũ. Không còn biết làm thế nào khác cho có miếng ăn.

Chị Mai ở nhờ cái lều lợp ni-lông của cô My Lan. Cô My Lan ở một mình một lều. Cô My Lan quần trắng, áo đỏ rực, mỗi ngày chui ra chui vào cái lều, như con chim bói cá ở hang. My Lan là cô gái nhảy. Tiệm nhảy di Nam, chủ “ba” không ký hợp đồng thêm, My Lan bị rơi.

Và trong những cái lều dằng dươi, những mái xa xa kia, còn vô số người, mỗi người mỗi cảnh ngộ khác nhau.

Đến bây giờ đã hơn sáu năm qua.

Cái xóm rách rưới chỉ còn trong chiêm bao. Hà Nội đã chùi đi những bãi rác, những đau khổ dường như bị cài lại.

Bây giờ con đường từ Văn Hồ ra và quảng mặt bùn lau lách ấy là công viên Thống Nhất lớn đẹp của Thủ Đô, vẫn ôm trong lòng hai mặt hồ Thiền Cuông, hồ Bảy Mẫu. Vườn nhãn, vườn hồng bì, vườn chanh mơn mớn quanh gương nước phẳng lặng. Những núi rác nằm trước chỗ ấy, bây giờ là khu triển lãm Văn Hồ. Những bụi lau, những mái lều ma quái đã thắng tập những hàng dừa. Lá dừa tóa

tia sáng xanh bóng cây che nước. Bạn đi qua tường mình  
đương lững thững trên bờ kênh lạch phương Nam.

Những con người khốn khổ năm trước bây giờ đi đâu?

Ông cả Chù và hai cô con gái đã trở về Bùi Chu.

Chị Mai thì lên gang thép Thái Nguyên, làm thợ may  
trong hợp tác xã ở khu công nhân. Được yên tâm, thì cũng  
đã trải những mấy lo. Phân vân, cùng quần, chị vẫn nghĩ  
mình là vợ người có tội. Nhưng chẳng ai để ý việc ấy. Rồi,  
chị cũng như mọi người, mãi mê làm ăn. Có người rủ chị  
đi làm trên khu Gang Thép. Chị bé con đi ngay.

Anh tư Trình đã thôi đập xích lò. Cuộc sống trong làng  
bây giờ đông vui đã nển nếp. Xưa, vì nghèo khó, phải tha  
hương, bây giờ anh tư về làng, được chia phần ruộng để  
làm. Chưa bao giờ anh ước muốn điều gì hơn thế.

Cô My Lan thì làm y tá ở một công trường ngoại thành.  
Ai đưa cô đi học y tá, không biết. Tồi thường nhận được  
thư cô. Thịnh thoảng, cũng ra chơi nơi cô làm việc, bên  
kia sông Diên. Chúng tôi nhắc lại chuyện bãi rác. Và cùng  
cười. Vâng, cười.

Một cái xóm tan vỡ. Một tan vỡ, trái với thói thường, tan  
vỡ không có nước mắt. Cũng tương tự một trong nghìn  
vạn câu chuyện vụn vặt của Hà Nội bây giờ. Mới đây, tôi  
đã dựa vào cái bãi rác ấy, viết thành tiểu thuyết “Những  
ngõ phố.”

1961

## Xuôi sông Hồng

Chuỗi đèn điện dài đặc tít tập dọc dề Vĩnh Tuy vừa tắt. Nhưng bến Phà Đen vẫn còn tối. Dưới sông, gió rét từng cơn nguồn lên, vun đám người ra bến chờ tàu sớm, cử xúm lại rồi lại tản ra, lú lú dưới những mái lều, những gốc xoan cành khẳng khiu.

Trong bóng mờ mờ, hàng hóa, xe cộ, xe xích lô, xe ba gác tới tập ra bến. Tiếng bước, tiếng những vòng bánh xò mạnh xuống ổ gà đường đất. Cái xe gầy gù xóc lên, những cánh gà, những díp ri kêu cọt két.

Bao năm nay tôi mới lại xuống Phà Đen đi tàu thủy. Cuộc sống đã khác trước. Tuy nhiên, phong cảnh quang vắng, cái bến, cái phố, những hàng quán con con và những nhộn nhịp tùn mùn, nhỏ bé nơi cửa bến sông đi tình khác

đưa đón người lên xuống hai bên bờ nước, ngỡ như gặp lại cảnh quen thuộc.

Mặt sông vẫn lặng tờ. Chiếc tàu Trung Hưng đã nổi hình trong sương mù, nằm im như cái bè nửa.

Trong một dãy mái lá dài xúm xít nhau, các quán nước, hàng phở, hàng cháo lòng, hàng bánh mì giò chả, người ăn uống ào ào, nhấp nhò dưới ánh đóm, ánh đèn con lập lờ. Phía trong, tối hơn, im hán, có từng đám người ngồi xếp dãy. Nhiều người đã nằm khoèo, chợp thêm một chút trong lúc đợi. Chốc chốc lại thấy một cái đầu ngóc lên kéo một mối thuốc lòn.

Rúc rích tiếng nói, tiêng cười. Không biết từ phía nào. Như lơ lửng trong bóng tối. Không, từ dãy lều gán dấy đưa ra. Tiếng the the.

Tiếng đàn ông:

- Rõ thật rõ. Tự đứng ra đây ngồi đường ngồi chợ.

Tiếng đàn bà:

- Mọi khi, cả đêm lượn lờ ngoài phố thì kêu ai!

Tiếng câu (anh này trích thượng, hay nổi cục):

- Thôi, thôi, thôi, chẳng về thì đừng về.

Một bóng người vụt qua. Không rõ mặt. Chỉ thấy một cái hình mũ cát kết kéo sụp vành, che kín tai, kín gáy. Anh chàng câu kinh, vùng đi. Ngay lúc ấy, một người đàn bà tắt tả ra theo. Tôi chăm chú xem họ giằng nhau thế nào, họ có trở vào nữa không. Ấu cũng là một sự giải trí, lúc chờ đợi.

Một lát, từng đám người và xe cộ, lúc rạng sáng, mỗi lúc

ra bến một nhiều. Hình ảnh họ lạc vào trong ấy. Rồi chợt lại thấy hai người đi tới. Nhưng không phải họ. Hai người này, vừa xuống bến, xăm xăm ra bờ sông. Người đàn ông dắt xe đạp. Cái xe mới, ổ bi kêu tanh tách, ròm rã, tắt tuôi. Bình thường, người ra bến, nếu không vào ngôi hàng ăn thì đến nhập bọn với đám người nằm ngời im lặng phía trong. Bởi nhà tàu chưa dậy, người ra phát “tích kê” cho hành khách, mà gió lạnh dưới sông cứ quét lên, thốc vào mặt, đi được một bước cũng ngại. Tay đôi này thì khác. Họ ra tận đầu bến, ngay chỗ hóng gió. Người đàn ông tựa xe vào gốc cây. Họ chui vào dưới cái mái cân hàng của phòng thuế, chơ vơ giữa quảng trống. Nếu không trông thấy họ cùng ngồi xuống, có thể tưởng đấy chỉ lù lù một bóng người. Một người dờ hơi, một người lẩn thẩn, một người dương có tâm sự, dương đau đớn đến quên ăn quên ngủ, cho nên mới đẩy dọa phớt mình ra gió rét vậy. Mỗi cơn gió dưới sông bốc lên ù ù qua mái lều, tôi nhìn sang chỗ tay đôi ngồi, thấy điều thuốc lá trên miệng người đàn ông, như cái môi rơm thọt cây vừa thối, đốm lửa lại đỏ lên, lâu hơn cả lúc anh ta hút. Hết ánh thuốc lá hóng lên thì nhìn rõ hai cái mặt đàn ông và mặt đàn bà.

Tưởng chỉ có mình tôi lẩn thẩn “giết thì giờ” như vậy nhưng trong đám người nằm ngời sau lưng, mà tôi tưởng họ vẫn vật vờ ngủ, bỗng, có tiếng thốt lên:

- Ồi giờ ơi, từ cha sinh mẹ đẻ, bây giờ mới được nằm xem xi nê, xem xi nê nằm, các cụ ạ.

Trời dần dần sáng lúc nào. Cái xe đạp khung “đuý-ra”

dưới góc xoan đã nhoáng lên trong bóng sáng đục lờ. Rồi dần dần, trông sang thấy rõ dưới mái phen, một chàng ngồi vắt chéo khoeo bên một chị áo bông ngấn, chị chít khăn vuông đen. Đã sáng bánh, mà tay đôi vẫn ngồi vít cổ nhau. Mỗi khi ả ấy cười, hàm răng mới cạo nhe ra, trắng xanh như răng hổ lơ. Đôi lông mày rậm đã sửa lại mà cũng cồm cộm hết hai con chi đen nằm trên mu mắt. Cười cứ ăng ặc như ai bóp cổ, mắt thì nhắm tít. ả là một tay buôn tàu - có thể ả buôn lậu. Và vé quyến luyến, tiếc rẻ của cái gã ngồi bên cạnh như thế thì chưa chắc chắn đã là chồng con mà là món nhân tình nhân bánh chị đây. Còn đôi phút nữa đã người dưới nước kẻ trên bờ, vớt vát thêm tí chút thôi. Quả nhiên, sau khi anh đã chen vào, đem ra cho ả một cái "tích kê" anh dắt xe tếch về. Còn ả, ả phúi dít quần, đứng dậy, xách cái đũa vải hoa, xuống tàu, không hề ngo cổ lên. Họ lủi, như những con vạc ăn đêm bay nhanh khi trời sắp sáng.

Lúc này thì chỉ còn mình tôi rón lại xem cuộc chia tay vừa dăm thắm đã thoát rời ra ấy. Bốn bên xung quanh đương ùn ùn xuống. Chiếc cầu gỗ từ dưới tàu đã ghéch lên bờ đón khách. Lấy vé xong, lần lượt thông thả xuống, từng người qua tấm ván nhịp một, mỏng manh, uốn cong, trong sương mù, như những con kiến nối nhau.

Những ai ngày trước đã từng xuống tàu Nam trên bến Phà Đen, bây giờ nếu lại có dịp xuôi Nam Định, Thái Bình, ắt chúng ta lại vừa vui vừa có cảm tưởng hình như cái bến tàu ngày nay "nhạt nhèo" hơn trước. Nhạt hơn trước thật

đấy. Nếu phải cảnh này ngày trước thì bây giờ, bốn bên đường gọi nhau í ới, thét lác, kêu khóc như rì. Người từ những hang hốc nào không biết, cứ ùn nhau đổ xuống. Ai nấy khư khư ôm khăn gói, ôm túi, giữ tay nải, bịt tai. Sợ cái lúc nhón nháo đầu sông, nếu bị kẻ cắp giật đồ rồi nhảy xuống nước thì đành mất tâm. Người chen nhau xuống cầu là một tấm ván mỏng như chiếc que đóm, ai lọt vào tàu, ai ngã xuống sông, chớ thây. Đầu đằng kia, lão “cắm” tàu bụng phê đương quất roi mây túi bụi vào những đám người lật đật ỏ vào khoang chiếm chỗ. Ngoài kia nữa, trên mô đất, ngay bên bờ nước, bác xẩm kéo cái nhị ống bơ, cất tiếng eo éo một bài hát chẳng ăn nhập với ai, mà ai nghe cũng thấy thâm thiết, bối hối:

*Này anh khóa ơ*

*Em tiễn chân anh ra tận bến tàu*

*... Còi tu tu sắp sửa kéo cầu...*

*... Cuộc phân ly...*

Tiếng hát, tiếng nhị đôi hồi trên mặt sóng tàu ra xa mãi mà vẫn còn văng vẳng, buồn ơi là buồn!

Bây giờ còn đâu thê thảm ấy.

Nếu vậy thì, quả thật cảnh êm đềm bây giờ có “nhật nhèo” đấy. Biết đâu cái à đấy hoa nọ chẳng nghĩ thế. Cái nghề buôn tàu lập lờ của à chắc cần sự ổn tạp và sợ cảnh “nhật nhèo” này.

Trời đã sáng. Gió cũng nguôi nguôi không hút lên nữa. Một buổi sáng mỏng manh trong sương, im lặng. Đứng



dưới tàu trông lên bến Phà Đen, một làn hơi mù dần mỏng, ửng nắng nhạt, lướt nhanh qua trên hàng cây xoan cao.

Dưới tàu, người xung quanh tôi đã ngồi vào dãy. Nhà tàu không bán thừa vé. Yên tâm, người đi tàu tìm chỗ nào cũng được chỗ.

Nhớ những năm đôi kếm ngày trước. Còn như in: cái tàu Bắc Kinh, tàu Trung Hưng hay tàu Giang Môn chênh vênh ngoài kia. Người xuống như kiến cỏ, cú tha hồ lên đến chạt ních tàu thì thôi. Bấy giờ người “cắm” tàu và lão bán vé mới đi soi đèn vào từng mặt, dúi vé cho những chống đồng lẫn lộn vừa người vừa bã mía, vừa lá gói cơm nắm, đồng thì nằm lẫn ra giữ chỗ, đồng thì ngồi rúm vào, suốt đêm cãi cọ chùng chẳng rời lại cấu kính, đồng thì đánh xi, đánh xóc đĩa... Đây là quang cảnh bến tàu và những chiếc tàu thủy ngày xưa chuyên hút người ra đi tha phương cầu thực.

Những người bỏ làng, những người nghèo bỏ làng, khi cả bầu đoàn cha mẹ, vợ con, ông cháu bồng bế nhau đứng trên bờ nhìn dòng sông ngầu đục chảy xuôi mãi, con tàu xuôi về qua xóm mạc quê hương, còn họ thì lũ lượt đi xa, chẳng bao giờ trở lại.

Những thê thảm ấy không còn. Những chiếc tàu thủy hôm nay vẫn là những Long Môn, Bắc Kinh, Trung Hưng cũ kỹ, mốc thối, phách phạch, tha thui trên dòng sông mệnh mang đò, cuộn cuộn như con chuồn chuồn lượn nước. Chưa thấy gì mới, song cái vẻ thì khác. Người xuống tàu vẫn đông, riu rít xuống tàu bây giờ thuận như những người có công việc, những người đi chơi thăm hỏi.

Trời vừa dưng sáng. Khách cũng đã xuống hết.

Dọc bên bờ, những xưởng chè, nhà máy xay, nhà máy rượu, nhà máy dệt kim... Bên kia, cuối làng Bát Tràng, công trường cống dẫn nước Xuân Quan đương xây, gạch đỏ ối. Cống đem nước sông Hồng tưới cho đồng cao ba tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh... Kề công trường và các nhà máy đã cất tiếng còi tám sáng lạnh lạnh trong sương. Người đi làm kín trên mặt đê.

Dòng sông xuôi dần xa thành phố.

Ngót một thế kỷ trước, cũng khoảng trên bến Phà Đen này, người Pháp đem pháo truyền đến bắn đại bác lên Hà Nội. Từ ngày ấy thành phố vắt vương, trong tay người. Hàng trăm năm đã qua, một trăm năm lạc lõng, bây giờ, người Hà Nội trên cột đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam leo ngược lên trời ngoại thành như hai nhụy hồng nở đêm, mà xung quanh bốn phía xòe ra những cánh hoa công trường, những nhà máy từ các cửa ờ kéo vào, kéo ra, lan trên Sơn Tây đi Hòa Bình, đi Hà Nam... mỗi ngày một cánh, mỗi ngày thêm một cánh... Người Hà Nội đương tự tay làm những công trình của mình. Buổi sáng ngày lao động công ích, đường phố rộn rã, đoàn người rầm rập kéo đèn những công trường lớn, những nhà máy, những trường học, những công viên hồ Bảy Mẫu, đường Cổ Ngư, nhà máy dệt 83...

Hà Nội đương như kia.

Nhưng không phải Hà Nội chỉ một niềm vui. Tôi đã

thấy có người Hà Nội chưa bao giờ thật biết mình khỏe yếu đến đâu, cứ tưởng người ấy, chân ấy đứng xuống đất thì ốm lập tức. Tôi đã thấy trong ngõ tối lượn lờ những con mắt lấm lét, mấy cái đầu tóc vét dít vệt, đi đâu. Họ say những đá mé đá cật, gà xám, gà ô, hết “xới” Bưởi lại “xới” Bạch Mai, thua năm phân, đá hai “hồ”... ồn ào bàn tán suốt đêm, không biết trời đất hôm nay hôm mai thế nào.

Và cả chúng tôi. Những người chúng tôi, có người từ khi ở Việt Bắc về chỉ loanh quanh tối ngày trong phố xá như con chuột vùi vào bóng tối. Khi rời, đem về thủ đồ một hòn cuội xinh xinh mà anh nhặt được ở ven suối, chỗ ngồi từ biệt người yêu. Tiếng rạt rào như tiếng rừng, tiếng gió: “Em ơi! Không bao giờ anh quên em”. Nhưng, rồi hòn cuội kỷ niệm đã bị vứt xó lúc nào không biết. Chẳng bao giờ anh nghĩ còn có khi trở lại núi rừng như thời hồng hoang. Có những người... có những người và những giấc ngủ nằm ườn.

Đã ra đồng ruộng miền biển Thái Bình. Dứng trên cổng Trà Linh huyện Thái Ninh trông về bên này sông Diêm suốt ra tới bãi bể Diêm Điền, trên mười cây số phẳng lý bãi mận gợn màu xanh đậm xanh nhạt một giống cỏ lác. Đôi quãng, một con bó nóng to tướng đứng gò lưng như con hạc thờ. Bóng nó hằn lằn sương sớm mỏng mảnh đương tan. Một câu gọi ghé thật xa, rất xa...

*Nghé ơ...*

*Nghé bông ghé hoa*

*Nghé ơ...*

Không thấy người, không thấy nghe. Tiếng xa dàu tới lơ lửng lúc còn lúc mất. Hoang vắng quá, trống không quá. Một con chim vút qua, nghe rộn cả tiếng lông xô trong cánh.

Ông Sóng kể:

“Ngày trước, đồng đất bên kia sông Diêm chỉ toàn giống bãi sù vẹt và cỏ lác hoang vu. Con trâu lội nước lút sừng giữa bãi lác. Làng còn ở xa lắm. Những người nghèo đầu tiên ra vỡ hoang. Ông Sóng, tay xách cuốc, một tay cầm mo nắm cơm. Cuốc được một khoảng, trồng mấy luống khoai. Rồi cứ đẩy lan ra trồng dưa, trồng chuối, sau cùng thò cây lúa xuống và làm lều ở. Đã được miếng ruộng cắm cây lúa, tự đấy thôi đi kiếm lang thang.”

Ông Sóng có một cái cuốc. Chỉ một cái cuốc và hai cánh tay. Không cày bừa, không trâu, suốt đời ông Sóng chỉ cuốc mà thành ruộng. Những người khác theo ông ra đây cũng chỉ một tay cuốc mà nên.

Ngày nay, bãi mặn ấy là ruộng bãi trù mật xóm Bắc Đồng.

Tôi về Bắc Đồng giữa gặt mùa.

Buổi sáng, ông Sóng dậy rất sớm. Ông dậy từ lúc nào, tôi còn ngủ, cũng không biết. Khi trở mình thấy trống lạnh một bên mình. Tôi cố vùng dậy. Sao tua rua như một chòm đèn ở trên trời báo hiệu mùa gặt hái, sao tua rua treo đàng kia. Đất tối om. Dường như khi đêm đi, ngày sắp đến, có một quang giữa, trời tối và rét lắm. Tôi chui ngay vào bếp.

Nồi cơm chín vừa vùi xuống gio, bà Sóng đương đặt chảo cám lợn. Chúng tôi ăn cơm. Ăn xong, sao tua rua vừa vặn. Đằng sau nhà, dưới mặt sông, đã nghe í ới người nói sang và tiếng gọi dò vang trong ánh nước những người sang sông gặt.

Ông Sóng ra đầu nhà, nhắc ba chiếc hái xuống. Ông chọn đưa tôi một: “Anh lấy cái này”. Tôi cầm hái đi theo ông. Tay cầm cái hái, tôi nghĩ mình bây giờ đương trở lại ngày trước, buổi đầu bà ngoại dẫn đường đi học vỡ lòng. Ông thấy giáo Sóng, những ông thấy giáo đời tôi. Bước vào ruộng lúa rồi bờ, tôi đã biết rẽ ràng đưa ngón chân ấn chân lúa, tay nắm cổ lúa rồi lướt nghiêng cái hái, thế là gặt được một tay lúa. Mỗi bước bờ ngỡ cứ như một chú bé con, một phó nhỏ theo bác phó cả. Thật dễ, mà cũng thật khó hiểu. Làm người ai cũng phải có cái nghề trong tay. Dĩ nhiên. Mà nghề văn thì không thể đứng một mình.

Nhưng mà, hãy thôi, trở lại đọc đường.

\*

Trở lại chuyến tàu xuôi.

Tôi ngồi bên mạn tàu. Vẽ sông, những cánh đồng lơ xó ngọn lúa, ngọn mía vàng hau đương lụi lại. Trời ạ, cây và vệt nước dòng sông cái êm đềm trôi trong ngày đầu xuân. Ánh sáng trong veo đượm hơi gió ẩm lạnh lùa vào đôi bên hàng tàu. Thói quen của khách đi tàu thủy xưa nay, đường dài chỉ một lúc, mọi người ngồi hai bên đại khái biết các bạn láng giềng.

Một bà khăn vuông mỏ quạ, nước da bánh mật khỏe mạnh, áo the dài tề chỉnh. Một thiếu nữ áo len ngắn màu huyết dụ, trùm khăn hoa Ba Lan trắng đỏ. Hai mẹ con nhà ở huyện Đại Từ trên Thái Nguyên về Thái Bình thăm quê. Bà tha phương lên đường ngược đã hơn mười năm nay. Từ hòa bình, cứ hai đứa con hay một đứa cháu, đổi lượt con cháu về như thế, để cho tất cả chúng nó đều được biết mặt quê.

Cô thiếu nữ khăn hoa Ba Lan đương hát nho nhỏ.

Một thanh niên vừa được hợp tác xã cho lên Hà Nội học lớp kỹ thuật một tháng. Anh về mua theo hai lười cày 54 và mấy bì phân nội địa.

Phía gần buồng máy đằng kia, cái chị xách đầy vải hoa lúc sớm, bây giờ đương giặt quần áo. Xuống tàu, chị đã khéo chọn chỗ, úp cái khăn lên mặt, ngủ thêm một lúc, bù lại khi sáng thức sớm. Bây giờ chị trở dậy lần thứ hai. Chị ả vừa giặt vừa nhấm nhẩn chuyện với mấy anh phụ máy. Chuyện về những mảnh lối buồn rồi lan man sang chuyện đố nhau đoán tuổi hăm bảy hay hai mươi. Mấy người nhà tàu đương rồi cũng kéo đến. Tiếng cười nói râm ran cả một góc, hòa tiếng máy nổ ình ình mặt nước. Một chàng chịu khó ra đứng đợi nước cho ả giũ, rồi lại vắt, rồi lại treo lên phơi hộ cái áo trắng lên nóc nổi hơi cho chóng khô. ả nọ cứ ung dung như ở nhà, như liến chị, nào chuyện, nào đùa, đấm lưng, phát vai ầm ỉ. Những trận cười lấp tịt cả hai con mắt. Xem ý ra hai đuôi mắt lúng liếng mà ả đem phân phát

cho mấy anh làm trên tàu này có lẽ cũng nặng cân chẳng kém những chiếc liếc đăm đõi lúc ả quần quít anh nhân tình trên bến Phà Đen.

Đầu tiên, còn có người để ý. Nhưng sau, chừng những câu chòng lòn khoe hóm cử rác tai dần, chẳng tiêu khiến được cho ai, người ta quay sang chuyện với người bên cạnh, hoặc gà gà ngủ.

Có hai anh chị ngồi phía trong từ nãy vẫn rì rào với nhau. Anh tự mạn tàu, úp cái mũ lên mặt, tưởng ngủ. Nhưng chốc chốc, anh lại mở mũ, nói một câu ngắn cùn. Có khi cười một tiếng, rồi lại úp mũ lên mặt. Tôi chợt nhận ra cái mũ cát kết và bóng người khom khom bé nhỏ lúc sáng đõi nhau trước mặt. Câu chuyện chùng chằng của họ càng làm cho tôi chắc đấy là hai người ban sáng. Tôi để ý. Chẳng mấy chốc, chuyện của họ cũng không còn là chuyện riêng. Bà cụ ở Đại Từ về thăm quê và anh thanh niên đi học kỹ thuật về, cũng đương góp lời.

Bây giờ tôi mới nhìn kỹ cặp vợ chồng ấy. Anh gầy quắt, đen xạm. Đôi mắt che trong cái mũ cát kết, chốc lại mở gập gay, như mắt đau kinh niên, mà cũng như mới ngủ dậy. Mặt anh dài ngoẵng. Những người như thế khó đoán tuổi và cũng khó hiểu được họ làm nghề gì. Chị vợ thì tùm hụp chiếc khăn vuông đen. Thoạt nhìn, tưởng còn trẻ, nhưng trông kỹ, trên mặt đã vằn vè những nét vạc ở khe má, đuôi mép, thì lại thấy chị đã già.

Tuy vậy, áo cánh trắng, quần lụa vằn bảnh chọe lắm.

Hoặc là chưa có con, hoặc là đường con cái vất vả, những người hiếm hoi dù luống tuổi vẫn thường gòn gàng. Mặc dầu thế nào thì đúng là một đôi còn son rồi. Chỉ có vợ chồng rảnh rang thì mới nhà nhốt hoặc ngừng nghinh hờn mát một cách kín đáo, thú vị và trẻ con như thế. Hai người chỉ có ít khăn gói nhỏ. Họ về quê chơi hay ở quê ra tỉnh? Ngắm dáng đáp quần áo, có lẽ người làm ăn ở tỉnh về.

Họ đùa cợt đấy, nhưng vẫn như có chuyện gì không ổn. Lúc thì cười, lúc lại cáu, như đôi mèo vờn nhau. Chốc chốc anh ta mở mồm, mở mắt và nói một câu. Chị vợ thì nói dài, vẫn rì rà rì rầm. Chị ấy vui tính, có lúc cười nhớn nhoe, rồi quay sang với bà cụ ở Đại Từ:

- Người ta tử tế lại cứ bào người ta đòn mình, thế có bức không, hà cụ?

Bà cụ đáp:

- Phải, chị ấy nói đúng. Càng quen người ta càng phải làm việc phép tắc cẩn thận. Không ai đuổi anh về, mà cũng không ai ở làng bảy giờ dám chứng nhận sai cho anh đâu.

Người chồng lại mở cái mồm cát kết, cười hì hì:

- Tôi nói đùa đấy. Bây giờ thì tôi yên tâm rồi.

Bà cụ lại nói:

- Thế mới phải. Bây giờ ở đâu cũng đương thu người về làng làm ăn, về là phải.

Người vợ đương kể chuyện với anh thanh niên đi học kỹ thuật.

Vợ chồng chị lên Hà Nội đã lâu, từ những khi thành phố



còn bị Tây chiếm. Đường con cái chẳng ra gì, đẻ nhiều mà không nuôi được. Chị bán hàng rong, mùa nào thức ấy. Anh đạp xích lô, mỗi ngày đi thuê lại vài giờ xe của người ta. Sau cái cách, mấy lần hai vợ chồng dẫn đo, rập rình về làng, rồi lại nấn ná, lại thôi. Chị muốn về. Nhưng anh ấy lưỡng lự. Không phải vì dây mơ rễ má địa chủ phú nông gì mà, chỉ một nỗi, mấy năm ra đây, sống có vất vả, tuy thế cũng quen rồi. Bao giờ cũng vậy dù khó cũng cố chịu, nói đến thay đổi thì thường ngại. Vợ chồng dần vật nhau chỉ vì chuyện ấy. Suốt đêm anh đạp xe lượn lờ ngoài phố, gần sáng mới dò về. Người lúc nào cũng như ốm dờ. Hai mắt toét loe. Chị đã muộn mẫn, càng thêm chán ngán.

Dại khái chuyện như vậy.

Anh thanh niên đi học kỹ thuật về, lúc ấy hỏi:

- Năm nay anh bao nhiêu?

Người chồng nhồm lên, chăm chú nhìn anh chàng vừa hỏi:

- Đoán bao nhiêu nào? Hơn ba mươi chứ? Ngon ngọt bốn chục chứ? Hào hết. Giời ơi cái thức đêm nó hại tôi, cái thức đêm nó giết tôi. Một tháng của con người ta có ba mươi ngày, một tháng của tôi toàn ba mươi đêm, đêm nào cũng như đêm nào, như con cá lượn ngoài đường. Cho nên cái mắt tôi quanh năm mới đờng độc đỏ như mắt cá chấy thế này, cái mặt tôi mới rộc ra thế này. Tôi đã làm gì đến ba với bốn. Tôi hai mươi sáu tuổi đầu đấy, ông anh ạ. Thế có khổ tôi không? Có khổ tôi không?

Gần như câu cuối cùng thì anh ta rống lên. Rồi anh lại phàn nàn... Mới hơn hai mươi tuổi mà cứ như đã hết thời. Mọi cái trẻ trung khỏe mạnh đã qua rồi. Anh kể lể, xót xa như than vãn.

Anh thanh niên kỹ thuật cười nói:

- Về làm ruộng ít lâu thì khỏe ra. Lại không đề ảm ảm ấy à.

- Nói đùa! Tôi lạ gì cái cày cái cuốc.

- Thế mà anh lạ đấy. Ít ra anh cũng bỏ ruộng hàng chục năm nay. Anh chỉ đá gà vài hôm về làng hay chỉ nghe người ta nói, thế thì anh không thể hiểu. Ở trong làng bây giờ chỉ đi vắng một tháng là về đã lạ, mãi mới hiểu đấy.

- Rõ bỡn!

Tuy đáp chuyện một cách chùng chằng, nhưng anh xích lô vẫn lắng nghe. Anh tự ái. Anh chỉ sợ người ta cho mình là kém, không biết kém cái gì. Nhưng thật ra anh vẫn kín đáo và ngượng nghịu lắng tai. Bây giờ anh ngồi thẳng lên, bó hân cái mũ cát kết úp mặt. Anh “thanh niên kỹ thuật” lại nói:

- Nói thật chứ mà chơi à! Anh về ở hân làng xem, làng bây giờ khác lắm. Làm ăn có nhau mới vui. Ừ mà làng nước người ta lên hợp tác, bây giờ anh chen chân về thì chưa chắc kịp đâu.

Hai vợ chồng anh xích lô cùng im. Đôi hàng tàu đón mát vào anh thanh niên đương nói. Có người không thích nghe chuyện hợp tác xã, nhưng cũng im lặng. Cuối cùng anh kỹ thuật cười, nói như tiếc cho ai:

- Chậc! Chậc! Sức dài vai rộng, mà còn son rỏi nữa, về quê bây giờ dễ chịu, tha hồ...

Bà cụ ở Đại Từ góp lời:

- Phải, người ta đương thu người về làng, về làng lúc này là phải. Ở Đại Từ Thái Nguyên chúng tôi đất rừng cũng lên hợp tác rồi.

Từ bảy giờ cho tới khi tàu qua ngã ba Tỉnh, vợ chồng anh xích lô cơ chừng êm ả, không thấy rì rầm nữa.

Anh thanh niên đi học kỹ thuật về, lên bến ở ngã ba Tỉnh. Anh xích lô nhanh nhẹn ra khuôn hộ hai cái lưỡi cày 54 xuống đò. Hai tay vác, đầu quay lại nhìn vợ, anh nhàn nhõ cười, vẻ hí hửng. Mà khoái đời thật đấy. Anh ta bắt tay anh thanh niên kia một cái, rung một cái, rồi nhìn theo, thích thú.

Cũng như cảnh tàu bè này, những ngã ba sông nước này, mười mấy năm trước đây tôi đã từng được chứng kiến sự đời trước và sau thật trái nhau hết chỗ. Xưa kia, người ta bỏ làng vì chán đời cày cuốc (hoặc vì không được cày cuốc) phải ra đi. Xưa kia thời buổi hoa hòe hoa sói, cái người đã ra ở tỉnh thì dù có nghèo kiết xác, cũng phải khăn đóng áo chùng mỗi khi về làng, và dù trong mình không một chinh dĩnh túi cũng tỏ vẻ phong lưu, xem bà con trong làng cùng tưng bâng nửa con mắt. Hôm nay là những cảnh khác. Những cái hào huyền bà vô nơi thị thành đã đảm ra vô duyên. Cứ trông đời mắt đen láy tự tin của anh “thanh niên kỹ thuật” cũng rõ. Đứng dưới đò vào bến anh còn nói lên anh xích lô như với cả hàng tàu:

- Khi nào qua tôi chơi nhé. Về thôi. Đồng chí ấy tay chân học trò thế kia cũng về nông thôn sản xuất đấy thôi.

Anh ấy chỉ vào tôi. Anh xích lô quay nghiêng, liếc nhìn tôi, đôi mắt ngầu đỏ của anh không còn cau có như lúc này.

Chiếc đò ngang đã vào bến. Người thanh niên lực lưỡng vai đeo hai lưỡi cày, đầu đội áo phan nội địa bóng nổi trên mặt lúa. Anh xích lô vẫn đứng nhìn vào.

Tàu đương qua ngã ba Tĩnh. Dòng sông xòe ra, mênh mang trắng những lưỡi cát dưới lùm tre và ruộng dâu mướt mướt, vắng lạ thường. Người trên tàu nhìn ra bốn phía ngã ba. Đây là nơi ranh giới ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình. “Con gà gáy ba tỉnh nghe tiếng” là đây. Xưa kia kẻ cướp cứ bơi vài sải tay đã tỉnh này sang địa phận tỉnh khác, thoát như bỡn.

Dòng sông bắt đầu vào địa phận Thái Bình, tàu “màn xế” qua những bến Trình Xuyên, Cống Vực, Cầu Bo... Những tên đất, tên bến tưởng như bao năm mang hình ảnh cái phêu khổng lồ hút đi hàng huyện người ở Thái Bình bỏ làng ra đứng tụ tập trên đầu bến, những năm đói kém, người ôm con ngồi chờ đần, trông xuống dòng nước mãi miết chảy. Còn nhớ hồi đầu nạn đói 1944, có lần tôi đi tàu Nam. Tàu vào “màn xế” bến Hưng Yên. Người xô xuống nhiều quá. Tàu tránh đi. Nhà tàu vội vờ rút cầu. Người lẫn xuống sông chết đuối. Tiếng kêu thét trong bóng tối. Tàu lại tiếp tục chạy. Những người còn sót trên bờ lao theo tàu

xuống bên khác. Nào biết bên ấy có vắng hơn bên này, biết bên ấy liệu có lên được tàu không? Cơ man người, hàng trăm, mấy trăm người rơi xuống sông rồi, cũng không ai để ý.

Tôi quay sang hỏi bà cụ ở Đại Từ:

- Thưa cụ, nhà ta lên Đại Từ năm nào?

- Cái dói năm Dậu.

Đù rồi, “cái dói năm Dậu” - chỉ nghe vậy đã rõ lắm không muốn hỏi thêm. Ấy là những năm khủng khiếp các tỉnh đồng bằng gục xuống ruộng, còn lại ai thì chạy chết, đứng chống chất trên các bến hai bờ sông Hồng. Bà cụ đây là người sống sót.

Tôi hỏi anh xích lô:

- Đàng ấy thì lên Hà Nội năm nào?

Anh thờ dãi, chép miệng:

- Mình chẳng nhớ năm nào! Cả nhà bị gậy, bố mẹ với năm anh em đi, khi lên đến cổng tỉnh thì chỉ còn độc trụi một mình. Cũng không biết tại sao mà sống được.

Nói xong thì anh cười, chẳng hiểu cười vui hay cười buồn, miệng mở rộng, có lẽ cái cười hỗn hậu, vô lo.

Tiếng máy tàu vẫn rầm rầm rền rền. Nhưng khoang tàu hốt nhiên lặng im. Anh xích lô cũng không nói, mắt đắm đắm nghĩ. Bà cụ ở Đại Từ thì tần ngần nhìn xuống mặt nước. Cái năm Dậu thật ghê gớm. Cứ nhắc đến, nhớ đến, tôi đã nghiệm với nhiều người khác mà bao giờ cũng vậy, không ai còn muốn nói gì nữa. Cả đến cô gái đội khăn

quàng Ba Lan trắng đỏ, cũng khoanh tay nghiêm nghị. Cô không tha thần hát khe khe như lúc nãy. Tuổi cò, tuổi học trò lớp năm của cô, không biết những ghê gớm tan hoang ấy. Nhưng nỗi đau thấm thía của mẹ chắc cô hiểu từ lâu.

Đang cạnh buồng lái vẫn lách rích tiếng cười, như chuột chạy, cô á đi buồn có cái đầy hoa. Cô ngồi cạnh mũi tàu, thả chân ra sông, tưởng như bắt chước trẻ chơi té nước. Cái anh mủn nước lúc nãy cũng ngồi cạnh, thông chân với cô, cũng cười tí. Như cái anh sáng sớm ở trên bến. Có khác anh sáng sớm trên bến một chút: anh này không có chiếc xe khung nhôm và điều thuốc lá trên miệng.

Họ chuyện dóng một.

- Đem hàng gì xuống đấy?
- Dép lốp.
- Có thuốc phiện không?
- Có.
- Dấu ở ngực à, ngực phồng phồng kia.
- Cái anh bỏ mẹ này!

Hàng tràng cười lại rộ lên, suốt vào trong buồng máy. Đám mấy người lái tàu, người phụ máy đọc báo trong ấy thò cổ ra cười góp loạn xạ. Tuy vậy, đám khách đi tàu đã chán mắt, không ai buồn nhìn. Những câu lơm, lối chọt nhà và tiếng cười bạt mạng, những người lương thiện đi tàu này không mấy ai biết và không muốn biết.

Chỉ có anh thanh niên xích lô, nói to:

- Quân “boóc đen” giảng há đấy! Tôi lạ gì!

Cũng chẳng ai nói thêm.

Con tàu vẫn râm rì đi...

Trong khoang đầy nắng ấm. Mọi người có vẻ mỏi, ngồi nghiêng ngả. Vợ chồng anh xích lò tựa mạn tàu, ngủ gà. Đã êm ả rồi. Không nghe nhấm nhản nói về hay không về nữa. Câu chuyện có lẽ đã quyết định từ lúc anh “thanh niên kỹ thuật” lên chỗ ngủ ba Tinh. Vừa nãy, chỉ thấy vợ chồng bàn nhau lúc lên phố bên thì mua kẹo về cho những đứa trẻ nhà ai nhà ai.

Con tàu lừ đừ xuôi. Đồi bờ sông, những ruộng ngô, lá và cờ hoa ngô phơ phất ngả vàng ruộm. Người ra bãi bé ngô sớm đứng nhìn tàu, rồi vẫy tay theo. Không phải vẫy vì người quen, họ thích vẫy thì vẫy chơi. Có vậy thôi.

Bà cụ ở Đại Từ nheo mắt nhìn rồi bỗng nói to:

- Ở kia.

Mọi người nhìn ra.

- Nhà máy xay! Nhà máy xay!

- Nhà máy xay Thái Bình xây chóng thế.

Đến đầu tỉnh, khách lên bến Cầu Bo.

Đằng sau, vẫn những hàng mấy người làm tàu với có có cái dây hoa.

- Mai định mang lên Hà Nội gì đấy?

- Cau.

- Đừng mang thuốc Lào mà đổ vạ cho đám chúng tôi đây!

Lại đám nhau, lại cười khàn khạch.

Một thanh niên mặt búng ra sữa, mặc ka-ki dài cán da cam chính tể đã hăm hờ xuống ghé vai vác ngang cái bao tải dệp lộp. Cò lái buồn này đi đường có ba khúc, mỗi khúc một kiểu người đón. Chẳng biết cái anh chàng đứng sung sướng mới nhất đây là người nhà, là bạn hàng, là nhân tình hay là chồng ả.

Ở nhà trọ, sáng hôm sau, mọi người tíu tít chào nhau. Riêng ả dệp lộp vẫn còn ngủ. Tới qua, đi xem cái lương về khuya quá.

Bà cụ ở Đại Từ và cô gái thì về Quỳnh Côi. Vợ chồng anh xích lô đợi chuyến ô tô sớm xuống Liền Hải. Tội về Thái Bình.

Cô bé quảng chiếc khăn Ba Lan trắng đỏ quay lại nhìn lên nhà máy xay rồi xòe bàn tay ngang đầu, nói to:

- Chào Thái Bình!

Nét mặt hớn hờ của cô bé mới lớn, vẻ xúc động, những người nhìn cô bé chào thế thì thấy ngây ngô.

1958.



## Mục lục

<i>Nhớ quê</i>	7
<i>Hà Nội 1946</i>	16
<i>Thành phố, gương mặt, con người</i>	65
<i>36 Phố phường</i>	86
<i>Tên phố, tên đường</i>	99
<i>Vườn và hoa</i>	110
<i>Làng xóm</i>	125
<i>Chùa Tây Phương</i>	136
<i>Hồ Tây</i>	141
<i>Ngõ trời xuân đến sớm</i>	156
<i>Xuôi sông Hồng</i>	172

# NHỚ QUÊ

Tô Hoài

---

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHƯT

Biên tập: TƯỜNG VÂN

Bìa: TRÍ ĐỨC

Minh họa: KIM NGÂN

Sửa bản in: TƯỜNG VÂN

Kỹ thuật in: ANH ĐÀO

---

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)

Website: [www.nxbtre.com.vn](http://www.nxbtre.com.vn)

---

CHI NHANH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Phòng 602, số 209 Giảng Võ, Phường Cát Linh,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: [chinhanh@nxbtre.com.vn](mailto:chinhanh@nxbtre.com.vn)

---

Khổ: 13 cm x 20 cm, số: 98-2011/CXB/40-07/Tre

Quyết định xuất bản số 303A/QĐ-Tre, ngày 13 tháng 5 năm 2011

In 2.000 cuốn, tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2011

## Các tác phẩm nổi tiếng:

Dế Mèn phiêu lưu kí (1941)

O Chuột (1947)

Nhà nghèo (1947)

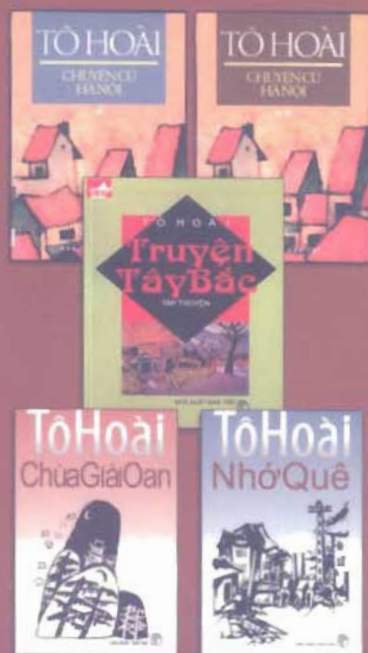
Truyện Tây Bắc (1953)

Miền Tây (1967)

Cát bụi chân ai (1992)

Chuyện cũ Hà Nội (2004)

Ba người khác (2006)



# Nhớ Quê

Đi Nam Bộ. Ba tiếng ấy không gọi cho tôi một hình dung gì xa xôi, không mang một dấu vết lên đường, không có vẻ xa lạ khủng khiếp. Vào trong ấy bây giờ như là chuyện cuối năm về làng...

*Trích Nhớ quê*

... Các cụ hay kể ở chỗ nước sâu hồ Tây có con nam nam rình kéo chân chìm chết người. Nhưng chúng tôi cũng chẳng sợ. Trẻ con thường sợ ma trong chiêm bao. Nhưng lớn dần lên thấy đường như trong cuộc sống cũng lẫn lộn có cả ma quỷ với người,...

*Trích Hồ Tây*

Một cái xóm tan vỡ. Một tan vỡ, trái với thói thường, tan vỡ không có nước mắt. Cũng tương tự một trong nghìn vạn câu chuyện vụn vặt của Hà Nội bây giờ...

*Trích Ngõ trời xuân đến sớm*

Mỗi bước bờ ngõ cứ như một chú bé con, một pho nhỏ theo bác phó cả. Thật dễ mà cũng thật khó hiểu. Làm người ai cũng phải có cái nghề trong tay. Dĩ nhiên thôi. Mà nghề văn thì không thể đứng một mình...

*Trích Xuôi sông Hồng*



ISBN 978-604-1-00167-1  
Tô Hoài - Nhớ quê



Giá 37.000 đ